

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM  
THÁI NGUYÊN**

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM  
THÁI NGUYÊN**

*Thái Nguyên, tháng      năm 2026*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM  
THÁI NGUYÊN

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM  
THÁI NGUYÊN**

Địa điểm: Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng,  
tỉnh Thái Nguyên.

CHỦ CƠ SỞ  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM  
THÁI NGUYÊN



GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Văn Dũng*

Thái Nguyên, tháng      năm 2026

## **MỤC LỤC**

MỤC LỤC .....	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT .....	3
DANH MỤC CÁC BẢNG .....	4
Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....	7
1.1. Tên chủ cơ sở: .....	7
1.2. Tên cơ sở: .....	7
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở: .....	9
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở: .....	9
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở: .....	10
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở: .....	14
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở: .....	14
1.7.1. Giới thiệu tóm tắt cơ sở .....	19
Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	25
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định (nếu có): .....	25
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường .....	27
Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	29
3.1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải: .....	29
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa: .....	29
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải: .....	31
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải: .....	44
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường: .....	46
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại: .....	48
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: .....	50
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải: .....	51
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: .....	61
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: .....	61
Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....	65
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: .....	65
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: .....	67
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: .....	69
Chương V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	71

## **Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**

---

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:.....	71
5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải: .....	72
5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải: .....	73
5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải: .....	74
5.5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở: .....	75
<b>Chương VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>77</b>
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:.....	77
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật. ....	77
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	78
<b>CHƯƠNG VII. NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH.....</b>	<b>79</b>
<b>Chương VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....</b>	<b>80</b>

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

<b>STT</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Tên ký hiệu</b>
1	BTCT	Bê tông cốt thép
2	CNV	Công, nhân viên
3	CS	Công suất
4	CTNH	Chất thải nguy hại
5	CTR	Chất thải rắn
6	ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
7	GPMT	Giấy phép môi trường
8	HT	Hệ thống
9	Ngđ	Ngày đêm
10	NTSH	Nước thải sinh hoạt
11	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
12	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
13	SCR	Song chắn rác
14	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
15	UBND	Ủy ban nhân dân
16	XLNT	Xử lý nước thải

## **DANH MỤC CÁC BẢNG**

Bảng 1. Công suất hoạt động của cơ sở .....	9
Bảng 2. Sản phẩm của cơ sở .....	14
Bảng 3. Các loại nguyên liệu và năng lượng sử dụng cho sản xuất bia của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên.....	14
Bảng 4. Nguyên liệu sử dụng cho hoạt động của Nhà hàng .....	15
Bảng 5. Khối lượng hoá chất sử dụng cho trạm xử lý nước thải .....	15
Bảng 6. Khối lượng tiêu thụ điện của Công ty năm 2025 .....	16
Bảng 7. Nhu cầu sử dụng nước hiện trạng của cơ sở.....	16
Bảng 8. Tổng hợp nhu cầu cân bằng nước theo công suất năm 2025 và công suất xin cấp phép của cơ sở .....	17
Bảng 9. Các hạng mục công trình phục vụ hoạt động sản xuất bia và kinh doanh nhà hàng, giới thiệu sản phẩm.....	21
Bảng 10. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của nhà máy .....	22
Bảng 11. Tổng hợp các hạng mục công trình bảo vệ môi trường đã hoàn thành	29
Bảng 12. Khối lượng hạng mục thu gom nước mưa của cơ sở.....	30
Bảng 13. Tổng hợp lưu lượng nước thải tại cơ sở .....	32
Bảng 14. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước thải của cơ sở .....	34
Bảng 15. Kích thước các bể của hệ thống xử lý nước thải .....	40
Bảng 16. Chi tiết danh mục thiết bị của Trạm xử lý nước thải.....	40
Bảng 17. Khối lượng hoá chất sử dụng cho trạm xử lý nước thải .....	43
Bảng 18. Thông số kỹ thuật của hệ thống tuần hoàn nước làm lạnh .....	44
Bảng 19. Khối lượng chất thải rắn thông thường theo công suất năm 2025 và dự báo theo công suất xin cấp phép .....	47
Bảng 20. Thiết bị thu gom CTR sinh hoạt .....	47
Bảng 21. Khối lượng CTNH phát sinh của cơ sở theo công suất năm 2025 và dự báo theo công suất xin cấp phép .....	49
Bảng 22. Thông kê thiết bị lưu chứa CTNH tại cơ sở .....	50
Bảng 23. Một số biện pháp ứng phó sự cố máy móc thiết bị trong quá trình vận hành hệ thống XLNT.....	52
Bảng 24. Các nội dung thay đổi của Công ty so với ĐTM và Đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã được phê duyệt.....	62
Bảng 25. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải xin cấp phép theo QCVN 40:2011/BTNMT áp dụng đến hết 31/12/2031 ..	66
Bảng 26. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải xin cấp phép theo QCVN 40:2025/BTNMT .....	66
Bảng 27. Giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải xin cấp phép theo QCVN 19:2009/BTNMT.....	68
Bảng 28. Giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải xin cấp phép theo QCVN 19:2024/BTNMT .....	68

Bảng 29. Kết quả quan trắc định kỳ chất lượng nước thải trước và sau xử lý năm 2025, năm 2026 .....	72
Bảng 30. Bảng kết quả đo, phân tích các chỉ tiêu tại khu vực lò hơi.....	73
Bảng 31. Bảng kết quả đo, phân tích các chỉ tiêu tại khu vực xưởng nấu bia ....	73
Bảng 32. Bảng kết quả đo, phân tích các chỉ tiêu tại khu vực xưởng nấu bia ....	73
Bảng 33. Bảng kết quả đo, phân tích các chỉ tiêu tại khu vực văn phòng .....	74
Bảng 34. Khối lượng chất thải chuyên giao xử lý năm 2024, 2025 .....	74

**DANH MỤC HÌNH**

Hình 1. Sơ đồ công nghệ sản xuất bia.....	11
Hình 2. Sơ đồ hoạt động của Nhà hàng .....	13
Hình 3. Sơ đồ cấp nước và thu gom nước thải tối đa theo công suất xin cấp phép của Cơ sở.....	19
Hình 4. Vị trí của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên qua hình ảnh vệ tinh .....	20
Hình 5. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa .....	30
Hình 6. Hệ thống thoát nước mưa.....	31
Hình 7. Đồng hồ đo lưu lượng xả nước thải .....	33
Hình 8. Sơ đồ thu gom nước thải của Công ty.....	34
Hình 9. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại.....	35
Hình 10. Sơ đồ nguyên lý hố ga tách dầu mỡ.....	36
Hình 11. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của công ty.....	37
Hình 12. Một số hình ảnh của Trạm xử lý nước thải.....	40
Hình 13. Sơ đồ nguyên lý tuần hoàn nước làm lạnh.....	43
Hình 14. Tháp giải nhiệt của Công ty .....	44
Hình 15. Quy trình công nghệ xử lý khí thải lò hơi của cơ sở.....	45
Hình 16. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ .....	60

## **Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

### **1.1. Tên chủ cơ sở:**

#### **Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**

- Địa chỉ văn phòng: Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

- Người đại diện: ông Nguyễn Văn Dũng Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 02083.856.452

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600307512 đăng ký lần đầu ngày 20/01/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09/03/2026 do Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên cấp.

### **1.2. Tên cơ sở:**

- Tên cơ sở: **Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**

- Địa điểm cơ sở: Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

- *Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:*

+ Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 25/02/2004 của Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên về việc phê duyệt dự toán đầu tư dây chuyền sản xuất bia công suất từ 5 đến 10 triệu lít/năm.

+ Quyết định số 1327/GP-UNND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc cấp giấy phép khai thác nước dưới đất cho Công ty cổ phần thực phẩm Thái Nguyên tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

- *Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần:*

+ Quyết định số 1808/QĐ –TNMT ngày 16 tháng 09 năm 2004 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bia công suất 5-10 triệu lít/năm của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên.

+ Giấy xác nhận số 311/GXN-UBND ngày 16/9/2014 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản của nhà hàng Vicocity-Chi nhánh giới thiệu sản phẩm Vicocity tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2486/GP-UBND ngày 22/7/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên (thời hạn 05 năm)

- *Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công):*

Tổng mức đầu tư của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên (sau đây gọi là Công ty) là 14.992.573.501 đồng. Theo khoản 2, điều 103 Luật Đầu tư công 2024, các công trình của Công ty đã được đầu tư trước ngày Luật có hiệu lực thi hành nên việc phân loại dự án áp dụng theo quy định tại Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14. Do đó theo phân loại dự án theo Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 Công ty thuộc dự án nhóm C (*khoản 3, Điều 10 Luật Đầu tư công 2019 - Dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng*).

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bia hơi, kinh doanh nhà hàng và giới thiệu sản phẩm (thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại số thứ tự 14 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 48/2026/NĐ-CP) có địa điểm tại phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên (đô thị loại II theo quyết định số 534/QĐ-UBND<sup>1</sup>). Tổng lượng nước thải phát sinh tối đa khoảng 200 m<sup>3</sup>/ngđ, nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, Kq=0,9, Kf=1,1) được đầu nối vào Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng (theo văn bản chấp thuận số 205/CTTN-TH ngày 28/03/2026). Bên cạnh đó, cơ sở phát sinh khí, bụi thải khoảng 10.000 m<sup>3</sup>/h được xử lý bằng hệ thống lọc bụi Cyclone, khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp= 1, Kv=0,8). Căn cứ điểm b, khoản 1 điều 30 và điểm c, khoản 4, điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 số 72/2020/QH14, khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 cơ sở được xác định là có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bia hơi, kinh doanh nhà hàng và giới thiệu sản phẩm.

- Phân nhóm dự án đầu tư: nhóm I.

“Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bia công suất từ 5 đến 10 triệu lít/năm” và “Nhà hàng Vicocity - Chi nhánh giới thiệu sản phẩm Vicocity” đều do Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Thái Nguyên làm chủ đầu tư, có vị trí hoạt động liền kề trên cùng một thửa đất với tổng diện tích 11.230 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB104152. Hai cơ sở sử dụng chung hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung có công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 4 Điều 27b Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Thái Nguyên thực hiện tích hợp nội dung của hai cơ sở nêu trên vào

<sup>1</sup> Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 10/03/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục đô thị loại II, III, phường đạt mức quy trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**một Giấy phép môi trường thống nhất.** Tên gọi chung của hai cơ sở là “Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Thái Nguyên”. Việc tích hợp này nhằm bảo đảm tính thống nhất trong công tác quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường dùng chung, đồng thời thuận lợi cho việc theo dõi, giám sát và thực hiện các nghĩa vụ về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Đối chiếu quy định Luật Bảo vệ môi trường, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, cơ sở có yếu tố nhạy cảm về môi trường, thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình, **cơ sở thuộc danh mục nhóm I** quy định tại số thứ tự 4 phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ, cơ sở hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải xử lý với lưu lượng 200 m<sup>3</sup>/ngđ, khí, bụi thải phải xử lý với lưu lượng 10.000 m<sup>3</sup>/giờ.

Căn cứ điểm c khoản 1 mục VII phụ lục IX phần A ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP của Chính phủ **cơ sở thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường.** Thời hạn phải có GPMT của cơ sở đến hết thời hạn của Giấy phép xả nước thải (đến ngày 22/07/2026) theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 41, Luật Bảo vệ môi trường 2020 được sửa đổi bởi khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường 2025 được làm rõ tại khoản 4 Điều 38 Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, Công ty đã được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt báo cáo ĐTM cho dự án “Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bia công suất từ 5 đến 10 triệu lít/năm” và được UBND thành phố Thái Nguyên xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản cho nhà hàng Vicocity-Chi nhánh giới thiệu sản phẩm Vicocity, **do đó cơ sở thuộc đối tượng trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường.** Cấu trúc báo cáo đề xuất cấp GPMT được lập theo quy định tại **mẫu số 22d phụ lục II**, Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

### **1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:**

#### **1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:**

*Bảng 1. Công suất hoạt động của cơ sở*

<b>TT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Công suất thiết kế</b>	<b>Công suất thực tế năm 2025</b>	<b>Công suất xin cấp phép</b>
1	Sản xuất bia hơi	5 triệu lít/năm	1.026.039 lít/năm	5 triệu lít/năm
2	Khu nhà hàng và giới thiệu sản phẩm	600 thực khách/ngày	100 thực khách /ngày	600 thực khách /ngày

### **1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:**

#### **a, Công nghệ sản xuất bia**

Thành phần chính của bia gồm có: 80-90% nước, 3-6 % cồn, 0,3-0,4%  $H_2CO_3$  và 5-10% các chất tan. Trong các chất tan thì 80% là gluxit, 8-10% là các hợp chất chứa nitơ, ngoài ra còn chứa các axit hữu cơ, chất khoáng, một số vitamin.

Nguyên liệu chính để sản xuất bia bao gồm: malt đại mạch, nguyên liệu thay thế như gạo, lúa mì, ngô, hoa Hublon, men và nước. Trong đó, nước chiếm thành phần chủ yếu, nước dùng để sản xuất bia phải là nước sạch, hàm lượng sắt, mangan càng thấp càng tốt.

Quy trình sản xuất bia hơi của Công ty về cơ bản vẫn giữ nguyên so với nội dung đã nêu trong ĐTM; tuy nhiên, một số công đoạn như nén  $CO_2$ , dây chuyền đóng chai đã được lược bỏ do không còn sản xuất sản phẩm bia chai. Cụ thể như sau:



đoạn sau được thực hiện dễ dàng và triệt để với tỷ lệ nguyên liệu sử dụng cho 1 mẻ nấu là: 70% malt + 30% gạo.

Bột gạo sau khi được xay nhỏ sẽ hòa trộn với nước ở nhiệt độ 70°C và đem gia nhiệt nấu chín cùng với malt lót ở nhiệt độ 90°C. Đây là nhiệt độ để hồ hóa tinh bột, tạo điều kiện cho công đoạn thủy phân tinh bột thành đường, khi bột đã chín sẽ được chuyển sang nồi đường hóa.

Cho bột malt và nước vào nồi đường hóa để tiến hành quá trình đường hóa, khi nhiệt độ của khối dịch này khoảng 40-42°C trong khoảng thời gian 30 phút thì tiến hành bơm từ từ hỗn hợp ở nồi hồ hóa sang nồi đường hóa cho đến hết, lúc này nhiệt độ trong nồi đường hóa đạt khoảng 53°C và giữ nhiệt độ này trong khoảng 20-25 phút. Sau đó nâng nhiệt độ của khối dịch đến 65°C trong khoảng 20 phút, tiếp tục tăng nhiệt độ lên 73-76°C giữ nhiệt độ này trong khoảng 60 phút, sau khi kết thúc quá trình đường hóa cho hỗn hợp chuyển sang nồi lọc để tách tất cả các bã malt.

Quá trình lọc được tiến hành theo hai bước: bước đầu tiên ép để tách dịch cốt và bước thứ 2 là dùng nước ở 76°C rửa bã để chiết rút hết tất cả những phần dinh dưỡng còn bám lại. Phần bã malt được đưa ra ngoài và bán cho người dân làm thức ăn chăn nuôi.

Cho hoa houblon vào dịch đường đun sôi tại thiết bị sôi hoa, dưới tác dụng của nhiệt độ là 100°C sẽ làm phá vỡ cấu trúc của các chất có trong hoa houblon, khi đó các chất đó hòa tan và chuyển hóa vào dịch đường tạo hương, vị đặc trưng cho bia.

Quá trình houblon hóa có chức năng tạo vị đắng, hương thơm; tạo chất dễ kết lắng và các hạt nhỏ li ti trong dịch đường, sinh ra các hợp chất tham gia vào quá trình tạo bọt và là tác nhân chính giữ bọt cho bia.

Dịch đường sau houblon hóa được tách cặn, chuyển dịch vào thiết bị lắng trong (lắng xoáy) ở nhiệt độ 100°C, tất cả các cặn bã trong quá trình houblon hóa được tách ra ở thiết bị này.

Dịch đường sau khi qua thiết bị lắng sẽ được làm lạnh nhanh đến 15°C và thực hiện quá trình lên men chuyển đường thành rượu.

Lên men là giai đoạn quyết định quan trọng nhất trong sản xuất bia, để chuyển hóa dịch đường houblon hóa thành bia dưới tác dụng của nấm men.  $C_6H_{12}O_6 \rightarrow 2C_2H_5OH + CO_2 + \text{sản phẩm phụ khác}$  Quá trình lên men diễn ra 2 giai đoạn

- Lên men chính kéo dài 5 ngày, nhiệt độ lên men khoảng 15°C. Quá trình lên men chính chuyển hóa 90% các chất hòa tan trong dịch đường thành rượu etylic, CO<sub>2</sub> và một số sản phẩm phụ khác. Khí CO<sub>2</sub> phát sinh trong quá trình này được thải tự nhiên.

- Lên men phụ kéo dài khoảng 14 ngày, nhiệt độ lên men phụ từ 4°C xuống -1°C. Lên men phụ là quá trình tiếp tục lên men triệt để phân đường còn lại



kỳ, đảm bảo nhà hàng vận hành hiệu quả, ổn định và tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm cũng như kinh doanh.

**1.3.3. Sản phẩm của cơ sở:**

*Bảng 2. Sản phẩm của cơ sở*

TT	Hạng mục	Sản phẩm năm 2025	Sản phẩm xin cấp phép
1	Sản xuất bia hơi	1.026.039 lít/năm	5 triệu lít/năm
2	Khu nhà hàng và giới thiệu sản phẩm	100 thực khách/ngày	600 thực khách/ngày



*Sản phẩm bia hơi của cơ sở*

**1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:**

**1.4.1. Nhu cầu về nguyên nhiên liệu, hoá chất**

- Các nguyên, nhiên liệu sử dụng cho sản xuất bia cụ thể tại Bảng sau:

*Bảng 3. Các loại nguyên liệu và năng lượng sử dụng cho sản xuất bia của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên*

STT	Danh mục	Đơn vị	Khối lượng cho 1000 lít bia	Khối lượng sử dụng năm 2025 cho 1.026.039 lít bia	Khối lượng cho 5 triệu lít bia
<b>I</b>	<b>Nguyên liệu chính</b>				
1	Malt	kg	112	114.916	560.000
2	Gạo tẻ	kg	50	51.302	250.000
3	Hoa houbon	kg	0,25	257	1.250
4	Cao hoa	kg	0,05	51	250
<b>II</b>	<b>Vật liệu phụ</b>				
5	Khí CO <sub>2</sub>	Kg	5,49	5.633	27.450
6	Bột trợ lọc	Kg	0,9	923	4.500
7	Giấy lọc	Kg	1	1.026	5.000
8	NaOH	Kg	0,25	257	1.250
9	Khí làm	lít	0,6	616	3.000

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**

STT	Danh mục	Đơn vị	Khối lượng cho 1000 lít bia	Khối lượng sử dụng năm 2025 cho 1.026.039 lít bia	Khối lượng cho 5 triệu lít bia
	lạnh NH <sub>3</sub>				
<b>III</b>	<b>Năng lượng</b>				
10	Than cục Quảng Ninh	Kg	95	97.474	475.000
11	Còn 100 <sup>0</sup>	lít	0,5	513	2.500

- Nguyên liệu sử dụng phục vụ cho hoạt động của Nhà hàng:

*Bảng 4. Nguyên liệu sử dụng cho hoạt động của Nhà hàng*

STT	Danh mục	Đơn vị	Khối lượng cho 100 khách/ngày	Khối lượng cho 600 khách/ngày
1	Thịt gà	kg/ngày	2	12
2	Thịt bò	kg/ngày	2	12
3	Thịt lợn+ cật	kg/ngày	2	12
4	Cá	kg/ngày	2	12
5	Rau, củ, quả	kg/ngày	10	60
5	Gia vị các loại	kg/tháng	5	30
10	Gas	kg/tháng	140	840

*(Nguồn: Thống kê của Công ty)*

Các nguyên, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất bia và khu nhà hàng được mua từ các cơ sở trong nước.

- Hoá chất sử dụng cho trạm xử lý nước thải:

*Bảng 5. Khối lượng hoá chất sử dụng cho trạm xử lý nước thải*

STT	Tên hóa chất	Tác dụng	Công đoạn sử dụng	Khối lượng
1	Javen	Khử trùng	Bể khử trùng	3 kg/tháng
2	Poly Aluminium Chloride - PAC	Hóa chất keo tụ	Tháp keo tụ - lắng	5 kg/tháng
3	Polymer	Hóa chất trợ keo tụ	Tháp keo tụ - lắng	1kg/tháng
4	NaOH	Bổ sung tại bể điều hoà	Bể điều hoà	35 kg/tháng

*(Nguồn: Nhật ký vận hành trạm xử lý nước thải)*

### **1.4.2. Nhu cầu về điện**

- *Nhu cầu về sử dụng điện:* Điện được cấp từ hệ thống cấp điện chung của khu vực thông qua trạm biến áp công suất 630kVA của Công ty. Để đảm bảo hoạt động liên tục trong trường hợp mất điện, Công ty còn trang bị 01 máy phát điện dự phòng công suất 400 kVA. Khối lượng tiêu thụ điện năm 2025 của Công ty như sau:

*Bảng 6. Khối lượng tiêu thụ điện của Công ty năm 2025*

<b>Tháng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn vị</b>
Tháng 01	18.227	kWh
Tháng 02	23.988	kWh
Tháng 03	43.213	kWh
Tháng 04	71.143	kWh
Tháng 05	70.139	kWh
Tháng 06	68.021	kWh
Tháng 07	73.572	kWh
Tháng 08	64.169	kWh
Tháng 09	49.883	kWh
Tháng 10	33.006	kWh
Tháng 11	21.920	kWh
Tháng 12	26.480	kWh
<b>Trung bình ngày</b>	<b>133.008</b>	<b>kWh</b>

*(Nguồn: Hoá đơn sử dụng điện năm 2025 của Công ty)*

Như vậy tổng lượng điện sử dụng: Khoảng 1.545 kW/ngày (tính trung bình theo hóa đơn tiền điện hàng tháng năm 2025).

### **1.4.3. Nhu cầu về sử dụng nước:**

*\*Nhu cầu sử dụng nước năm 2025 tại cơ sở:*

- Nguồn cấp: Công ty sử dụng 01 giếng khoan phục vụ cấp nước sinh hoạt và vệ sinh nhà xưởng (đã được cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 1327/GP-UBND ngày 19/06/2024, với tổng lưu lượng khai thác được cấp phép là 60 m<sup>3</sup>/ngđ), nước được khai thác bằng bơm công suất 5 m<sup>3</sup>/giờ, vận hành trung bình 8 giờ/ngày, lưu lượng khai thác khoảng 40m<sup>3</sup>/ngđ. Ngoài ra Công ty sử dụng nguồn nước sạch do Công ty cổ phần nước sạch Thái Nguyên cung cấp để phục vụ hoạt động sản xuất bia hơi. Nhu cầu sử dụng nước của Công ty trong năm 2025 như sau:

*Bảng 7. Nhu cầu sử dụng nước hiện trạng của cơ sở*

<b>TT</b>	<b>Thời gian sử dụng</b>	<b>Khối lượng sử dụng nước giếng khoan (m<sup>3</sup>/tháng)</b>	<b>Khối lượng sử dụng nước sạch (m<sup>3</sup>/tháng)</b>	<b>Tổng cộng khối lượng sử dụng nước (m<sup>3</sup>/tháng)</b>	<b>Khối lượng sử dụng nước (m<sup>3</sup>/ngày)</b>
1	Tháng 1/2025	1.240	64	1.304	42,1
2	Tháng 2/2025	1.120	924	2.044	73,0

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**

3	Tháng 3/2025	1.240	653	1.893	61,1
4	Tháng 4/2025	1.200	665	1.865	62,2
5	Tháng 5/2025	1.240	2264	3.504	113,0
6	Tháng 6/2025	1.200	1180	2.380	79,3
7	Tháng 7/2025	1.240	842	2.082	67,2
8	Tháng 8/2025		5.339 (theo hoá đơn)		
		1.240	600 (thực dùng)	1.840	59,4
9	Tháng 9/2025	1.200	866	2.066	68,9
10	Tháng 10/2025	1.240	487	1.727	55,7
11	Tháng 11/2025	1.200	336	1.536	51,2
12	Tháng 12/2025	1.240	354	1.594	51,4

(Nguồn: Hoá đơn sử dụng nước và Báo cáo tình hình khai thác sử dụng nước dưới đất năm 2025 của Công ty)

Theo ghi nhận tại biên bản kiểm tra giữa Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên và Công ty CP nước sạch Thái Nguyên thì hoá đơn sử dụng nước tháng 8/2025 bị tăng đột biến do vỡ đường ống nước, sự cố đã được phát hiện và khắc phục ngay sau đó, theo kế hoạch sản xuất của Công ty lưu lượng sử dụng nước sạch tháng 8/2025 chỉ khoảng 600m<sup>3</sup>.

→ Như vậy với công suất sản xuất năm 2025 là 1.026.039 lít bia, số thực khách trung bình của nhà hàng là 100 người/ngày và số lao động là 37 người thì lượng tiêu thụ nước tại tháng cao điểm nhất của Công ty khoảng: 113m<sup>3</sup>/ngđ (chỉ tính nước cấp bổ sung). Dựa trên cơ sở nhu cầu sử dụng nước thực tế, tính toán nhu cầu sử dụng nước tối đa khi Công ty hoạt động theo quy mô xin cấp phép với công suất sản xuất 5 triệu lít bia/năm, 71 lao động và nhà hàng phục vụ khoảng 600 thực khách/ngày. Kết quả tính toán được trình bày chi tiết tại bảng sau:

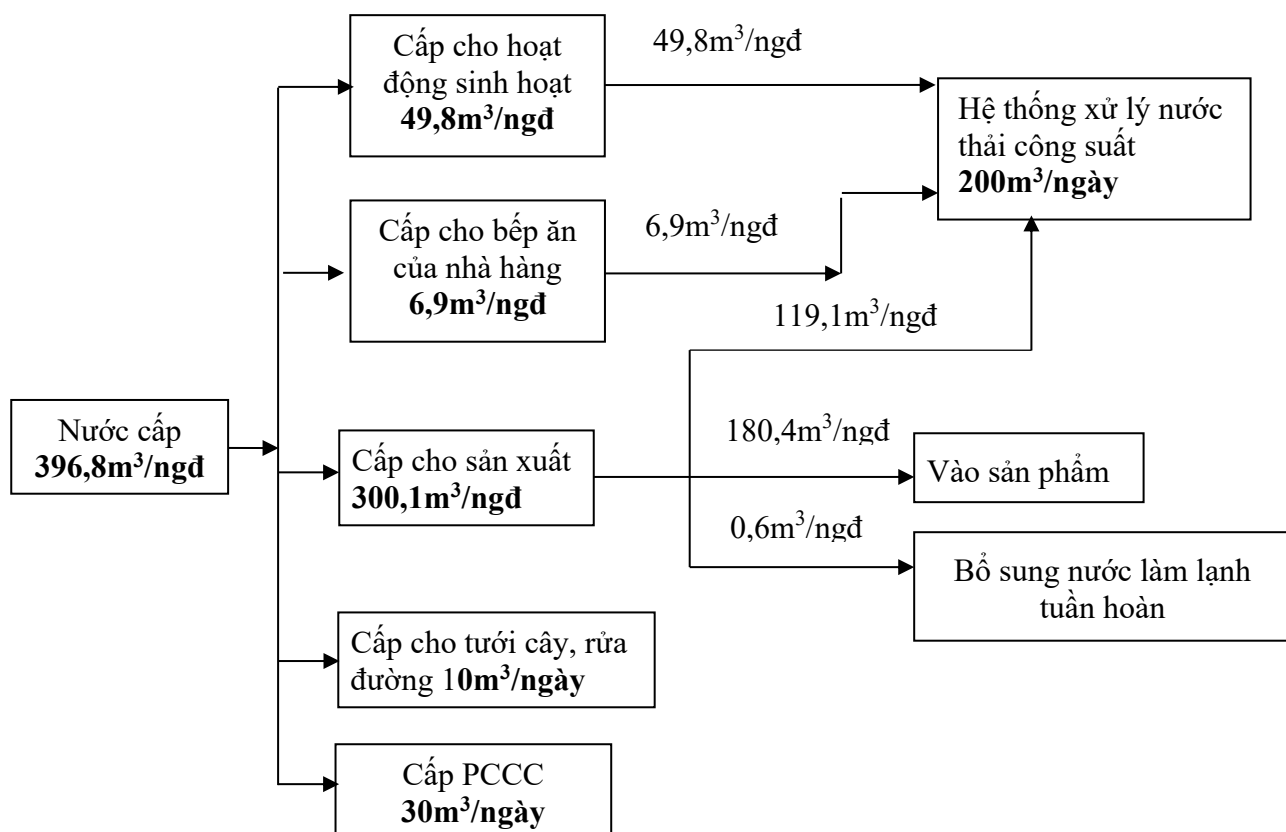
*Bảng 8. Tổng hợp nhu cầu cân bằng nước theo công suất năm 2025 và công suất xin cấp phép của cơ sở*

STT	Đối tượng dùng nước	Nhu cầu sử dụng nước tối đa năm 2025 (m <sup>3</sup> /ngđ)	Nhu cầu sử dụng nước tối đa theo công suất xin cấp phép	Ghi chú
1	Nước cấp sinh hoạt cho CNV và nhà hàng	8,3	49,8	Phát sinh nước thải
2	Nước cấp cho bếp ăn của nhà hàng	3	6,9	Phát sinh nước thải
3	Nước cấp cho	61,7	300,1	

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**

	<b>sản xuất bia</b>			
-	Nước cấp cho công nghệ	37,0	180,4	Không phát sinh nước thải
-	Nước cấp làm lạnh (bổ sung do bay hơi)	0,3	0,6	Không phát sinh nước thải
-	Nước cấp lò hơi (bổ sung do xả đáy)	0,1	0,2	Phát sinh nước thải xả đáy
-	Nước sử dụng rửa nguyên liệu, bom chứa, thiết bị lọc, nồi nấu, thùng nhân giống, lên men và các thiết bị khác	14,3	71,5	Phát sinh nước thải
-	Nước rửa sàn, phòng lên men, phòng tăng trữ	10	47,4	Phát sinh nước thải
<b>3</b>	<b>Nước PCCC</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	Không phát sinh nước thải
<b>4</b>	<b>Nước tưới cây</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	Không phát sinh nước thải
	<b>Tổng</b>	<b>113</b>	<b>396,8</b>	

—> Như vậy với công suất sản xuất là 5 triệu lít bia, số thực khách của nhà hàng là 600 người/ngày và số lao động là 71 người thì nhu cầu sử dụng nước tối đa khoảng:  $Q = 396,8 \text{m}^3/\text{ngđ}$  (chỉ tính lượng nước cấp bổ sung).



*Hình 3. Sơ đồ cấp nước và thu gom nước thải tối đa theo công suất xin cấp phép của Cơ sở*

**1.5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: đơn vị không sử dụng phế liệu nhập khẩu.**

**1.6. Các công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải và công trình bảo vệ môi trường còn tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường: Không có**

**1.7. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở**

**1.7.1. Giới thiệu tóm tắt cơ sở**

**\* Vị trí của cơ sở:**



Hình 4. Vị trí của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên qua hình ảnh vệ tinh

Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên có vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:

- Phía Đông Bắc giáp đường Minh Cầu;
- Phía Đông Nam giáp nhà máy may TNG;
- Phía Tây Bắc và Tây Nam giáp khu dân cư.

**\* Quá trình hình thành cơ sở:**

Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp bánh kẹo Bắc Thái được xây dựng năm 1973 và đi vào hoạt động năm 1975. Trải qua quá trình phát triển đến ngày 1 tháng 1 năm 2003, Xí nghiệp đổi tên thành Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên (sau đây gọi là Công ty) và bắt đầu xây dựng, thay thế công nghệ sản xuất bia cũ bằng công nghệ sản xuất bia mới với công suất từ 5 triệu đến 10 triệu lít/năm (Được phê duyệt tại QĐ số 1808/QĐ-TNMT ngày 16/09/2004 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Báo cáo tác động môi trường Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bia công suất 5-10 triệu lít/năm). Năm 2007 Công ty mở rộng lĩnh vực kinh doanh, hoạt động thêm Nhà hàng Vicocity-Chi nhánh giới thiệu sản phẩm Vicocity (sau đây gọi là Nhà hàng) (Được UBND thành phố Thái Nguyên xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản của Nhà hàng Vicocity- chi nhánh giới thiệu sản phẩm Vicocity tại Giấy xác nhận số 311/GXN-UBND ngày 16/09/2014).

Năm 2005, Công ty được đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước tại Quyết định số 829/QĐ-UB ngày 11/05/2005 (thời hạn cấp phép là 10 năm) với lưu lượng xả tối đa là 200m<sup>3</sup>/ngđ. Năm 2015, Công ty thực hiện nâng cấp, cải tạo lại hệ thống xử lý nước thải nhằm đảm bảo chất lượng nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B với Kq=0,9, Kf=1,1 và được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước tại Quyết định số 794/GP-UBND ngày 15/04/2016 với thời hạn cấp phép là 05 năm, lưu lượng xả tối đa là 194 m<sup>3</sup>/ngđ. Quá trình cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải được chia làm 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 cải tạo hệ thống xử lý nước thải, với công suất xử lý 200m<sup>3</sup>/ngày.đêm (*đã thực hiện*). Giai đoạn 2 nâng công suất xử lý nước thải từ 200m<sup>3</sup>/ngày.đêm lên 400m<sup>3</sup>/ngày.đêm (*chưa thực hiện*).

Năm 2021, Công ty đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước tại Quyết định số 2486/GP-UBND ngày 22/7/2021 với thời hạn cấp phép là 5 năm, lưu lượng xả tối đa là 200 m<sup>3</sup>/ngđ. Từ năm 2021 đến nay công ty không có nhiều thay đổi, riêng công suất sản xuất và số người lao động tại công ty giảm dần do ảnh hưởng dịch bệnh, hạn chế kinh doanh nhà hàng.

Hàng năm Công ty thực hiện quan trắc chất lượng nước thải định kỳ theo Quyết định số 1808/QĐ-TNMT ngày 16/09/2004 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Báo cáo tác động môi trường Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bia công suất 5-10 triệu lít/năm với tần suất quan trắc 1 lần/năm và gửi báo cáo quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên. Trong thời gian thực hiện, công ty không để xảy ra sự cố về môi trường đối với nước thải và nghiêm túc đóng đầy đủ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

### **1.7.1. Các hạng mục công trình của cơ sở**

Tổng diện tích đất của Công ty là 11.230 m<sup>2</sup> (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB104152) được bố trí các hạng mục công trình phục vụ hoạt động của Công ty. Các hạng mục công trình chính của Công ty được thể hiện trong bảng dưới đây:

*Bảng 9. Các hạng mục công trình phục vụ hoạt động sản xuất bia và kinh doanh nhà hàng, giới thiệu sản phẩm*

STT	Hạng mục	Diện tích theo Đề án và ĐTM (m <sup>2</sup> )	Diện tích theo giấy phép xả thải (m <sup>2</sup> )	Diện tích xin cấp phép (m <sup>2</sup> )	Hiện trạng
<b>I</b>	<b>Các công trình chính</b>				
1	Nhà bán hàng và giới thiệu sản phẩm	615	615	615	Đang sử dụng
2	Nhà sản xuất bia (2 nhà)	1.011	790	790	Đang sử dụng

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**

STT	Hạng mục	Diện tích theo Đề án và ĐTM (m <sup>2</sup> )	Diện tích theo giấy phép xả thải (m <sup>2</sup> )	Diện tích xin cấp phép (m <sup>2</sup> )	Hiện trạng	
3	Nhà phụ trợ sản xuất bia	224		224	Đang sử dụng	
<b>II</b>	<b>Các công trình phụ trợ</b>					
1	Nhà văn phòng	140	290	290	Đang sử dụng	
2	Nhà kho (nhà sản xuất bia cũ)	315	9.175	315	Đang sử dụng	
3	Hàng rào	810		810	Đang sử dụng	
4	Trạm biến áp, hành lang lưới điện	660		660	Đang sử dụng	
5	Bảo vệ	7.780		15	Đang sử dụng	
6	Sân đường, cây xanh			7.348	Đang sử dụng	
<b>III</b>	<b>Các công trình BVMT</b>					
1	Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt				15	Đang sử dụng
2	Kho chứa chất thải rắn nguy hại				12	Đang sử dụng
3	Trạm xử lý nước thải				360	Đang sử dụng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>11.300</b>		<b>11.230</b>	<b>11.230</b>	

**1.7.2. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở**

Để vận hành Công ty đã đầu tư các trang thiết bị, cụ thể như sau:

*Bảng 10. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của nhà máy*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Thiết bị phục vụ sản xuất bia</b>			
<b>I</b>	<b>Hệ thống xử lý và vận chuyển nguyên liệu</b>			
1	Máy nghiền gạo 500kg/h	Cái	1	Hoạt động bình thường
2	Máy nghiền malt 800 kg/h	Cái	1	
3	HT chứa và tải malt	Hệ	1	
4	HT chứa và tải gạo	Hệ	1	
<b>II</b>	<b>Hệ thống thiết bị nấu bia</b>			
1	Nồi hồ hoá 4,5m <sup>3</sup>	Nồi	1	

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Thiết bị phục vụ sản xuất bia</b>			
2	Nồi đường hoá 9m <sup>3</sup>	Nồi	1	
3	Nồi lọc bã 9,2m <sup>3</sup>	Nồi	1	
4	Nồi hút lông hoá 12,7m <sup>3</sup>	Nồi	1	
5	Thùng lắng xoáy 9,5m <sup>3</sup>	Thùng	1	
6	Thiết bị lạnh nhanh dịch đường công suất làm lạnh dịch 9 m <sup>3</sup> /h	Cái	1	
7	HT các thiết bị khác, phụ kiện và đường ống HT nấu bia	Hệ	1	
8	Tủ điện động lực và điều khiển bán tự động nhiệt hệ thống nấu bia	Tủ	1	
<b>III</b>	<b>Hệ thống CIP nhà nấu bia</b>			
1	Thùng CIP nóng 1,8m <sup>3</sup>	Tank	1	
2	Thùng CIP 1,8m <sup>3</sup>	Tank	1	
3	HT bơm, phụ kiện, đường ống	Hệ	1	
<b>IV</b>	<b>Hệ thống nước nóng lạnh</b>			
1	Thùng chứa nước lạnh 15m <sup>3</sup>	Tank	1	
2	Thùng chứa nước nóng 15m <sup>3</sup>	Tank	1	
3	Thiết bị lạnh nhanh nước lạnh 2°C công suất 5m <sup>3</sup> /h	Cái	1	
4	HT bơm, phụ kiện và đường ống	Hệ	1	
<b>V</b>	<b>Hệ thống tank lên men và tank thành phẩm</b>			
1	Tank lên men loại 42 m <sup>3</sup> /tank	Tank	6	
2	Tank bia thành phẩm 13,5m <sup>3</sup>	Cái	3	
3	HT bơm, mạng đường ống phụ kiện, ...	Hệ	1	
4	HT điện điều khiển bán tự động	Hệ	1	
<b>VI</b>	<b>Hệ thống CIP nhà lên men bia</b>			
1	Thùng CIP 1,8m <sup>3</sup>	Tank	4	
2	HT bơm, phụ kiện, đường ống, ...	Hệ	1	
3	Tủ điện hệ thống CIP nhà lên men	Hệ	1	
4	Máy lọc bia trong	Cái	1	
<b>VI</b>	<b>Hệ thống gây rửa men</b>			
1	Tank nhân men 0,5m <sup>3</sup>	Cái	1	
2	Tank nhân men 2,5m <sup>3</sup>	Cái	1	
3	Tank khuấy rửa men 0,3m <sup>3</sup>	Cái	2	
4	Tank nước lạnh 3m <sup>3</sup>	Cái	1	
5	Tank bảo quản lên men 1m <sup>3</sup>	Cái	1	
6	HT phụ kiện, máy, vật tư thiết bị	Hệ	1	
<b>VII</b>	<b>Hệ thống nén khí</b>			
1	HT máy nén khí khô 50 m <sup>3</sup> /h	Hệ	1	
2	Tủ điện hệ thống nén khí	Hệ	1	
<b>VIII</b>	<b>Hệ thống lò hơi 2000 kg/h</b>			
1	Lò hơi đốt than 2000 kg/h	Lò	1	
2	Phụ kiện lò hơi	Hệ	1	
3	Bộ khử bụi	Bộ	1	
4	Tủ điện điều khiển lò hơi	Tủ	1	
<b>IX</b>	<b>Hệ thống lò hơi 1000 kg/h</b>			
1	Lò hơi đốt than 1000 kg/h	Lò	1	Hồng

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>A</b>	<b>Thiết bị phục vụ sản xuất bia</b>			
2	Phụ kiện lò hơi	Hệ	1	
3	Bộ khử bụi	Bộ	1	
4	Tủ điện điều khiển lò hơi	Tủ	1	
<b>X</b>	<b>Hệ thống lạnh</b>			
1	Máy nén lạnh N <sub>4</sub> WB-MY COM	Cụm	2	
2	Bình tách dầu	Cái	1	
3	Giàn ngưng tụ bốc hơi 216 m <sup>3</sup>	Giàn	1	
4	Bình chứa cao áp 1m <sup>3</sup>	Bình	1	
5	Bình bay hơi 180 m <sup>2</sup>	Bình	1	
6	Bình thu hồi dầu	Bình	1	
7	Thùng chứa glycol 9m <sup>3</sup> /tank	Tank	2	
8	HT phụ kiện, máy, vật tư	Hệ	1	
9	Tủ điện hệ thống lạnh	Hệ	1	
<b>B</b>	<b>Thiết bị phục vụ kinh doanh nhà hàng và giới thiệu sản phẩm</b>			
1	Điều hoà	Cái	12	Hoạt động bình thường
2	Tủ bảo ôn	Cái	3	
3	Bếp Gas	Cái	4	
4	Máy hút mùi	Cái	3	
5	Hệ thống tủ, bàn ghế	Cái	01	
<b>C</b>	<b>Hệ thống thiết bị bảo vệ môi trường</b>			
1	Tủ điều khiển HT xử lý nước thải sinh hoạt	Hệ	1	
2	Bơm nước thải	Cái	4	
3	Bơm bùn	Cái	4	
4	Bơm định lượng	Cái	2	
5	Máy thổi khí	Cái	2	
6	Quạt hút	Cái	1	
<b>D</b>	<b>Hệ thống trang thiết bị văn phòng</b>			
1	Hệ thống máy vi tính	Hệ thống	1	
2	Hệ thống thiết bị nội thất văn phòng	Hệ thống	1	

## **Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

**2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định (nếu có):**

### ***a, Sự phù hợp của cơ sở với Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia***

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với mục tiêu tổng quát là: chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhằm bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của nhân dân trên cơ sở sắp xếp, định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; phát triển kinh tế- xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu.

Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bia và kinh doanh nhà hàng giới thiệu sản phẩm. Hoạt động của Công ty phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với quy hoạch phân vùng môi trường.

### ***b, Sự phù hợp với quy hoạch tỉnh Thái Nguyên***

*\* Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:*

Hoạt động sản xuất bia và kinh doanh nhà hàng giới thiệu sản phẩm của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên hoàn toàn phù hợp với các định hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường của tỉnh Thái Nguyên tại Nghị quyết số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể:

- Về định hướng phát triển ngành: Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa theo hướng nâng cao năng suất, giá trị gia tăng và sử dụng tiết kiệm tài nguyên, thân thiện môi trường. Tập trung nâng cao hiệu quả công tác giải phóng mặt bằng, đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng, thu hút đầu tư lấp đầy các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp có lợi thế, công nghiệp phụ trợ, hỗ trợ: Điện - điện tử - bán dẫn, chế biến, cơ khí - luyện kim, chế biến nông, lâm sản, chế biến khoáng sản, ngành may mặc... Đề xuất Trung ương sớm ban hành các đề án liên kết sản xuất điện, điện tử, cơ khí cao tại Thái Nguyên và vùng, cũng như đề án liên kết doanh nghiệp nội địa và FDI nhằm nâng cao tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm công nghiệp. Hình thành và phát triển các doanh nghiệp lớn trong ngành xây dựng, với năng lực thiết kế, thi công công trình quy mô lớn,

công nghệ cao. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bia (thuộc nhóm ngành thực phẩm, đồ uống) đóng góp trực tiếp vào mục tiêu chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo.

- Về định hướng phát triển thương mại - dịch vụ: Phát triển nhanh và bền vững các loại hình thương mại, dịch vụ trên địa bàn, xây dựng tỉnh Thái Nguyên thành trung tâm thương mại cấp vùng, trung tâm giao thương và kinh tế của khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Thủ đô Hà Nội. củng cố, phát triển các kênh phân phối hàng hóa theo hướng văn minh, hiện đại; kết hợp hài hòa giữa phát triển các loại hình thương mại truyền thống gắn với phát triển TMĐT. Tạo sự đột phá trên cơ sở mở rộng quy mô, đa dạng hóa loại hình thương mại, dịch vụ nâng cao chất lượng đáp ứng nhu cầu xã hội và đời sống Nhân dân. Việc kết hợp kinh doanh nhà hàng để giới thiệu sản phẩm bia của Công ty phù hợp với chủ trương phát triển hệ thống phân phối hiện đại, đẩy mạnh quảng bá sản phẩm địa phương và phát triển dịch vụ ăn uống để thu hút khách du lịch.

- Về tổ chức không gian phát triển: Dự án nằm trong định hướng phát triển các cực tăng trưởng và đầu mối kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt là tại các vùng động lực công nghiệp - đô thị - dịch vụ (như khu vực phía Nam hoặc các đô thị trung tâm) vốn là nơi tập trung thu hút các hoạt động kinh tế và lao động.

- Về bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh: 90% các cơ sở sản xuất xây dựng cũ phải xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường và hướng tới mô hình kinh tế tuần hoàn, ít phát thải. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp thu gom, xử lý chất thải theo quy định, phù hợp với phân vùng môi trường và khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững của địa phương.

Với những căn cứ trên, dự án của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên không chỉ phù hợp với quy hoạch về mặt ngành nghề và bảo vệ môi trường mà còn đồng hành cùng mục tiêu tăng trưởng GRDP giai đoạn 2026-2030 của tỉnh đạt trên 10,5%/năm.

*\* Phân vùng môi trường:*

Cơ sở có địa chỉ tại phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên là đô thị loại II (quy định tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 10/03/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên) là khu vực bảo vệ nghiêm ngặt theo Hệ thống phân vùng môi trường tỉnh Thái Nguyên được phê duyệt tại Nghị quyết số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường, cơ sở luôn thực hiện tốt việc thu gom và xử lý nước thải, khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra nguồn tiếp nhận; thực hiện thu gom và quản lý chất thải rắn nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt theo quy định, bảo đảm không gây tác động xấu tới nguồn tiếp nhận và đến môi trường xung quanh.

\* *Khoảng cách an toàn về môi trường*: Trạm xử lý nước thải công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm được xây dựng tại phía Bắc của cơ sở. Trong điều kiện quỹ đất hạn chế, cơ sở đã bố trí tường rào ngăn cách với khu dân cư lân cận nhằm hạn chế ảnh hưởng từ hoạt động của trạm xử lý nước thải, góp phần đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường và an toàn đối với cộng đồng xung quanh.

## **2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường**

Tại thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, khả năng chịu tải của môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Theo Đề án bảo vệ môi trường đơn giản và ĐTM được phê duyệt, cơ sở đã xây dựng, lắp đặt các công trình xử lý chất thải gồm:

+ 01 hệ thống xử lý khí, bụi thải từ lò hơi với lưu lượng 10.000 m<sup>3</sup>/giờ xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K<sub>p</sub>= 1, K<sub>v</sub>=0,8) trước khi xả ra môi trường.

+ 01 trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200m<sup>3</sup>/ngày đêm xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, K<sub>q</sub>=0,9, K<sub>f</sub>=1,1) trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Với trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200m<sup>3</sup>/ngày đêm, được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước năm 2021, xử lý nước thải sẽ đạt chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, K<sub>q</sub>=0,9, K<sub>f</sub>=1,1) đến ngày 31/12/2031, đạt cột B – QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp từ ngày 1/1/2032 trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là tuyến cống thoát nước chung trên đường Minh Cầu và đưa về Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng (được chấp thuận tại văn bản số 205/CTTN-TH ngày 28/03/2026 của Công ty thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên).

Cống thoát nước chung trên đường Minh Cầu là hệ thống cống tròn kín với chức năng là thu gom nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh và các hộ dân trong khu vực. Trong khu vực cống thoát nước chung trên đường Minh Cầu không có hoạt động khai thác, sử dụng nước tại cống này. Trong thời gian vừa qua tại khu vực cống thoát nước chung không có nhiều thay đổi nguồn xả thải lớn, hiện tại các nguồn thải vào cống thoát nước chung này chủ yếu là nước thải sinh hoạt của các hộ dân sinh sống trên địa bàn phường Phan Đình Phùng và các hộ kinh doanh nhỏ lẻ.

- Hệ thống xử lý khí, bụi thải từ lò hơi với lưu lượng 10.000 m<sup>3</sup>/giờ xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K<sub>p</sub>= 1, K<sub>v</sub>=0,8) đến ngày 31/12/2031, đạt cột A, bảng 1, bảng 2 – QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp trước khi xả ra môi trường.

- Đối với chất thải rắn thông thường: Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định.

- Đối với chất thải nguy hại: Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.

Do đó các nguồn thải của cơ sở phù hợp với khả năng tiếp nhận của môi trường. Qua kết quả quan trắc môi trường định kỳ cho thấy môi trường khu vực cơ sở còn khá tốt, các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép (Kết quả chi tiết được thể hiện tại Chương V).

**Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

Các hạng mục công trình biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở được đầu tư xây dựng hoàn thiện, cụ thể như sau:

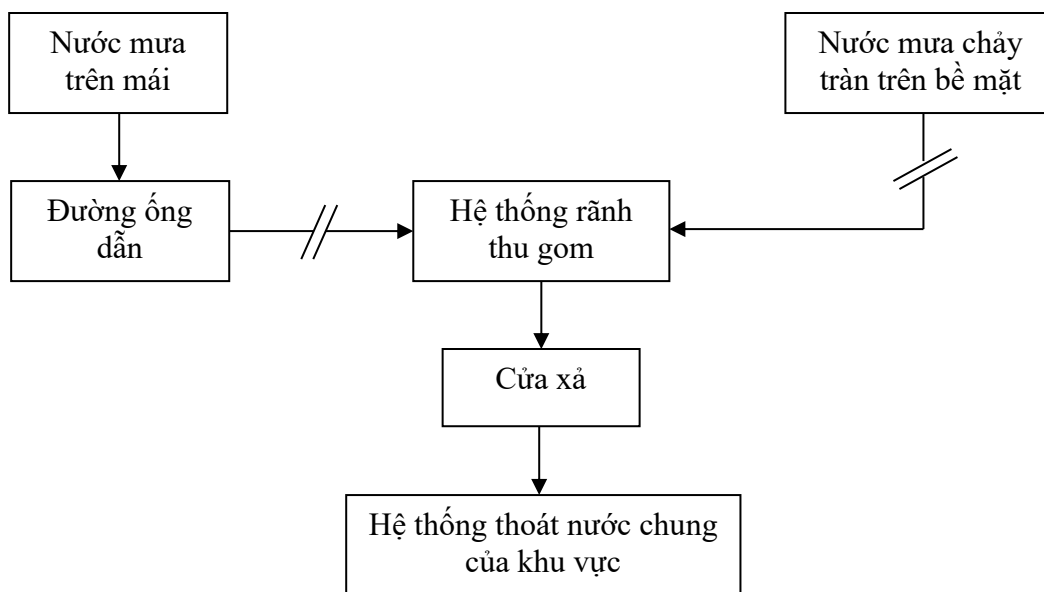
*Bảng 11. Tổng hợp các hạng mục công trình bảo vệ môi trường đã hoàn thành*

<b>TT</b>	<b>Tên hạng mục</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Thời điểm hoàn thành</b>
<b>1</b>	<b>Hệ thống thu gom thoát nước mưa</b>	60	m	2005
<b>2</b>	<b>Thu gom, xử lý nước thải</b>			
	Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt	60	m	2005
	Hệ thống thu gom nước thải sản xuất	270	m	2005
	Bể tự hoại khu vực nhà hàng	01	BỂ	2007
	Bể tự hoại khu vực văn phòng	01	BỂ	2005
	Hố ga tách mỡ	01	Hố	2007
	Trạm xử lý nước thải	200	m <sup>3</sup> /ng.đ	2015
<b>3</b>	<b>Thu gom, quản lý CTR</b>			
	Điểm tập kết chất thải sinh hoạt	15	m <sup>2</sup>	2005
	Kho chứa chất thải nguy hại	12	m <sup>2</sup>	2005
<b>4</b>	<b>Hệ thống lọc bụi cyclone</b>	10.000	m <sup>3</sup> /h	2005

**3.1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:**

**3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:**

Sơ đồ thoát nước mưa của cơ sở như sau:



*Hình 5. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa*

**\* Mô tả hệ thống thu gom nước mưa:**

- Để thu gom nước mưa từ mái các công trình văn phòng, nhà hàng, nhà sản xuất... thiết kế các máng thu trên mái các công trình, sau đó nước mưa được gom theo đường ống nhựa D110 dẫn xuống hệ thống mương kín bố trí quanh chân các công trình, chảy vào hệ thống thu gom nước mưa trên mặt bằng của cơ sở.

- Đối với mặt bằng khu vực sân nội bộ có bố trí các miệng thu để thu nước mưa dọc theo các tuyến đường vào hệ thống mương kín. Hệ thống mương kín là hệ thống mương bê tông kiên cố, có nắp đậy bê tông. Hệ thống mương chạy dọc theo các tuyến đường nội bộ của Công ty, chảy theo hướng dốc địa hình từ phía Tây Nam xuống Đông Bắc, chảy về khu vực công sau đó thoát ra cửa xả nằm tại phía Đông Bắc của Công ty. Nước mưa sau khi thoát qua 1 điểm xả được chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

**\* Thông số kỹ thuật:**

*Bảng 12. Khối lượng hạng mục thu gom nước mưa của cơ sở*

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Ống thu nước mưa mái PVC D110	m	200
2	Mương kín, nắp đậy bê tông 0,3x0,4	m	60
3	Hố ga lắng cạn 0,8x0,8x1m	Hố	10
4	Cửa xả	Cửa	01



*Hình 6. Hệ thống thoát nước mưa*

- Vị trí thoát nước mưa:

Toàn bộ nước mưa chảy (gồm nước mưa mái và nước mưa chảy trên mặt bằng) được thu gom theo hệ thống mương rãnh thu nước mặt và chảy ra điểm tiếp nhận tại 01 vị trí:

+ Cửa xả nước mưa ra hệ thống thoát nước chung nằm bên lề phải đường Minh Cầu, toạ độ: X: 2388242.6; Y: 431282.8 (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến  $106^{\circ}30'$  múi chiều  $3^{\circ}$ ).

- Phương thức thu gom: Tự chảy.

\* ***Biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước mưa***

- Thiết kế riêng hệ thống thu gom nước thải và nước mưa.
- Thực hiện quản lý, thu gom chất thải theo quy định.
- Thực hiện tốt các công tác vệ sinh công cộng để giảm bớt nồng độ các chất trong nước mưa.
- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống mương rãnh thoát nước. Kiểm tra phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời.

\* **Kết luận:**

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của nhà máy đang hoạt động hiệu quả, không gây ảnh hưởng đến môi trường và đảm bảo an toàn cho hoạt động của cơ sở.

**3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:**

*Trong giai đoạn vận hành, cơ sở phát sinh các loại nước thải như sau:*

- **Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:**

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên trong công ty và khu vực nhà hàng Vicocity.

+ Nguồn số 2: Nước thải từ bếp ăn của nhà hàng Vicocity.

**- Nguồn phát sinh nước thải sản xuất:**

+ Nguồn số 3: Nước thải sản xuất từ quá trình rửa sàn, rửa nguyên liệu, bom chứa, thiết bị lọc, nồi nấu, thùng nhân giống, lên men và các thiết bị khác.

+ Nguồn số 4: Nước thải từ xả đáy lò hơi

+ Nguồn số 5: Nước thải từ quá trình làm lạnh

\* *Lưu lượng phát sinh*: Lượng nước thải phát sinh từ các hoạt động của cơ sở bằng 100% lượng nước sử dụng nên lượng thải như sau:

*Bảng 13. Tổng hợp lưu lượng nước thải tại cơ sở*

TT	Nguồn phát sinh	Công đoạn phát sinh	Lượng thải theo công suất năm 2025 (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Lượng thải theo công suất xin cấp phép (m <sup>3</sup> /ngày đêm)
<b>I</b>	<b>Nước thải sinh hoạt</b>			
1	Nguồn số 1:	Từ hoạt động sinh hoạt công nhân viên trong công ty và khu vực nhà hàng Vicocity.	8,3	49,8
2	Nguồn số 2	Từ bếp ăn của nhà hàng Vicocity.	3	6,9
<b>II</b>	<b>Nước thải sản xuất</b>			
1	Nguồn số 3:	từ quá trình rửa sàn, rửa nguyên liệu, bom chứa, thiết bị lọc, nồi nấu, thùng nhân giống, lên men và các thiết bị khác.	20,3	118,9
2	Nguồn số 4:	Nước thải từ xả đáy lò hơi	0,1	0,2
3	Nguồn số 5:	Nước thải từ quá trình làm lạnh	0	0

Đơn vị đã lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải sau khi xử lý, trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận.



*Hình 7. Đồng hồ đo lưu lượng xả nước thải*

**a. Hệ thống thu gom nước thải**

Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh về Trạm xử lý nước thải công suất 200 m<sup>3</sup>/ngđ gồm:

- *Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt:*

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên trong công ty và khu nhà hàng.

++ Nước thải xám (nước rửa tay chân, rửa sàn) từ các khu vực vệ sinh của văn phòng được thu gom theo đường ống PVC D110, dài 30m dẫn về trạm XLNT tập trung để xử lý.

++ Nước thải đen từ các khu nhà vệ sinh của văn phòng và nhà hàng được thu gom xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại với tổng dung tích 45m<sup>3</sup>, sau đó đấu nối vào tuyến đường ống PVC D110, dài 30m dẫn về trạm XLNT tập trung để xử lý.

+ Nguồn số 02: Nước thải bếp ăn của nhà hàng: được xử lý sơ bộ qua hố ga tách dầu mỡ sau đó theo đường ống PVC D110, dài 30m dẫn về trạm XLNT tập trung để xử lý.

- *Hệ thống thu gom nước thải sản xuất:*

+ Nguồn số 3: Nước thải sản xuất từ quá trình rửa sàn, rửa nguyên liệu, bom chứa, thiết bị lọc, nồi nấu, thùng nhân giống, lên men và các thiết bị khác.

Được thu gom qua hệ thống rãnh bê tông kín có kích thước 0,3mx0,5m, dài 150m bố trí bao quanh các nhà xưởng và dẫn về hố ga có kích thước 1mx1m tại đầu nhà xưởng nấu bia, sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung bằng tuyến cống BTCT D600, dài 100m.

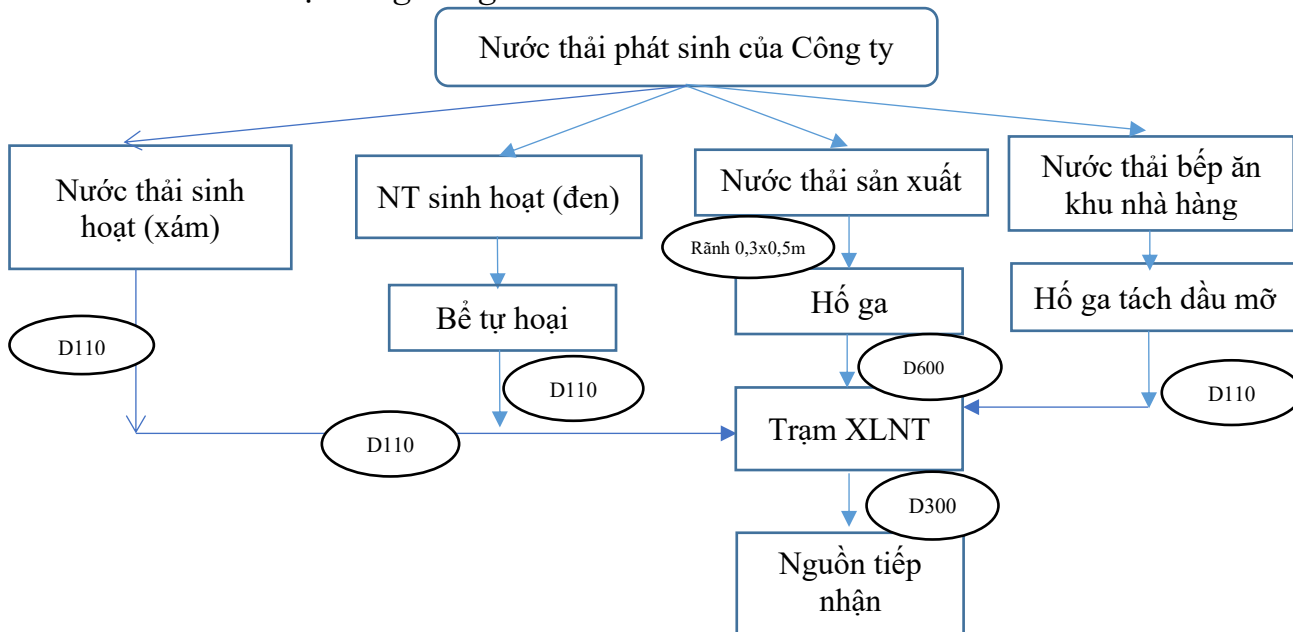
+ Nguồn số 4: Nước thải từ xả đáy lò hơi: được thu gom qua đường ống D42, dài 5m sau đó chảy vào hệ thống rãnh bê tông chung của thoát nước thải sản xuất dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Nguồn số 5: Nước thải từ quá trình làm lạnh: chảy theo đường ống D110, dài 15m qua tháp giải nhiệt và tuần hoàn lại cho quá trình làm lạnh không thải bỏ ra ngoài môi trường.

*Bảng 14. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước thải của cơ sở*

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
<b>I</b>	<b>Nước thải sinh hoạt</b>	
1	Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên trong công ty và khu nhà hàng.	- 2 bể tự hoại dung tích 45 m <sup>3</sup> - Đường ống PVC D110, dài 30m
2	Nguồn số 02: Nước thải bếp ăn của nhà hàng	- 01 hố ga tách dầu mỡ 1 m <sup>3</sup> - Đường ống PVC D110, dài 30m
<b>I</b>	<b>Nước thải sản xuất</b>	
1	Nguồn số 3: Nước thải sản xuất từ quá trình rửa sàn, rửa nguyên liệu, bom chứa, thiết bị lọc, nồi nấu, thùng nhân giống, lên men và các thiết bị khác	- Kích thước: rãnh (0,3x0,5)m, dài 150m và cống D600, dài 100m - Kết cấu: Bê tông cốt thép
2	Nguồn số 4: Nước thải từ xả đáy lò hơi	- Đường ống D62, dài 5m
3	Nguồn số 5: Nước thải từ quá trình làm lạnh	- Đường ống D110, dài 15m

\* Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của cơ sở như sau:



*Hình 8. Sơ đồ thu gom nước thải của Công ty*

**b, Công trình thoát nước thải:**

Nước thải sau xử lý được dẫn qua 01 cửa xả theo chế độ tự chảy vào hệ thống thoát nước chung trên đường Minh Cầu thông qua tuyến cống BTCT D300 có chiều dài khoảng 20 m. Đường ống được lắp đặt ngầm và đầu nối vào hệ thống thoát nước chung tại hố ga SM 5D thuộc tuyến thu gom nước thải

(được chấp thuận tại văn bản số 205/CTTN-TH ngày 28/03/2025 của Công ty thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên).

**c, Điểm xả nước thải sau xử lý:**

Hiện tại, Công ty đang có 01 cửa xả. Cụ thể:

- Tọa độ vị trí xả nước thải của cửa xả là: Tọa độ VN2000 kinh tuyến trực  $106^{\circ}30'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ : X = 2388263 m; Y = 431244 m.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục

- Lưu lượng xả thải lớn nhất:  $200 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ ;  $8,3 \text{ m}^3/\text{giờ}$

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Tuyến cống thoát nước chung trên đường Minh Cầu, sau đó được đưa về Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng.

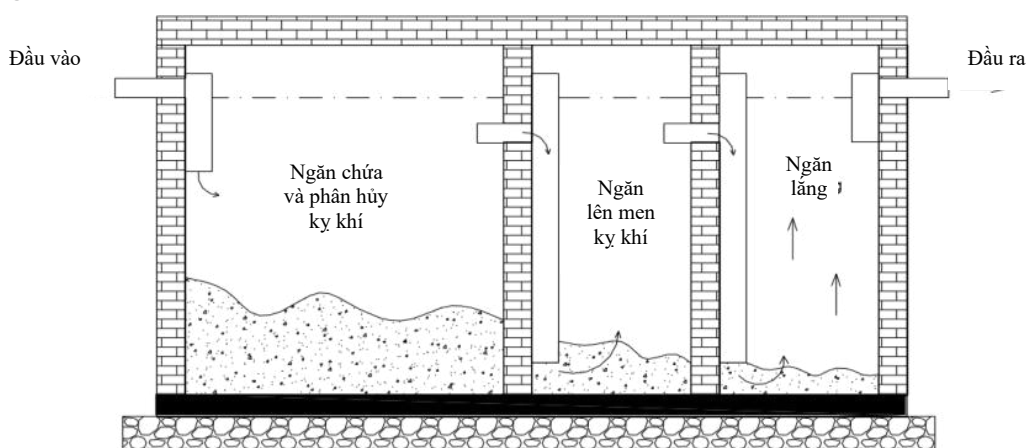
**3.1.3 Xử lý nước thải**

**3.1.3.1. Bể tự hoại**

Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu, bồn tiểu được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi về Trạm xử lý nước thải tập trung của Công để xử lý đảm bảo chất lượng.

Chủ cơ sở bố trí 02 bể tự hoại (trong đó 01 bể 3 ngăn tại khu văn phòng và 01 bể tự hoại 3 ngăn tại khu nhà hàng) với tổng dung tích  $45\text{m}^3$ . Bể tự hoại được bố trí ngầm dưới các nhà vệ sinh khu vực nhà văn phòng, khu nhà hàng.

Nguyên lý hoạt động và kích thước, kết cấu của 02 bể tự hoại về cơ bản là giống nhau. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại được thể hiện tại hình dưới.



Hình 9. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại

- Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại như sau: Bể tự hoại 3 ngăn (ngăn chứa và phân hủy kỵ khí, ngăn lên men kỵ khí, ngăn lắng) là công trình làm đồng thời hai chức năng lắng và phân hủy cặn lắng. Trong các ngăn kỵ khí xảy ra quá trình phân hủy các chất hữu cơ hòa tan và các chất dạng keo trong nước thải với sự tham gia của hệ vi sinh vật kỵ khí. Trong quá trình sinh trưởng và phát triển, vi sinh vật kỵ khí sẽ hấp thụ các chất hữu cơ hòa tan có trong nước

thải, phân hủy và chuyển hóa chúng thành các hợp chất ở dạng khí (khoảng 70 – 80% là metan, 20 – 30% là cacbonic). Bọt khí sinh ra bám vào các hạt bùn cặn. Các hạt bùn cặn này nổi lên trên làm xáo trộn, gây ra dòng tuần hoàn cục bộ trong lớp cặn lơ lửng. Hiệu quả khử BOD và COD có thể đạt 70 – 90%.

- **Kết cấu:** Bê tông lót đáy đá 4x6 mác 150, bê tông tấm đan đá 2x4 mác 200, thành bể xây gạch chỉ vữa XM mác 75.

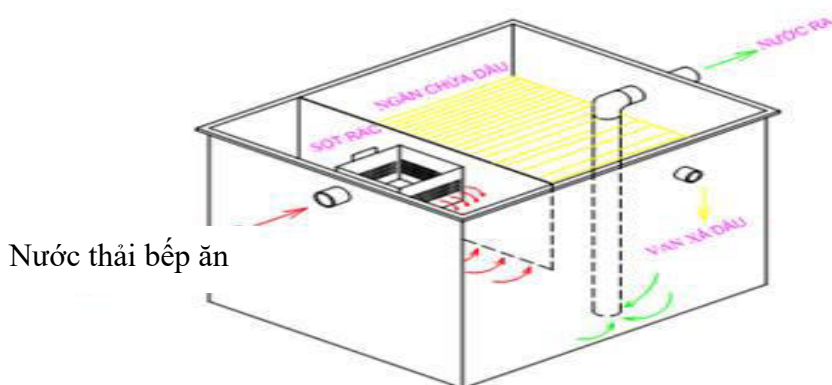
Nước thải sau khi xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại được chảy ngầm theo đường ống PVC D110 về trạm xử lý nước thải.

### **3.1.3.2. Hồ ga tách dầu mỡ:**

Nước thải phát sinh từ khu vực bếp ăn của nhà hàng được thu gom và dẫn qua hồ ga tách dầu mỡ trước khi đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- **Kết cấu:** Hồ ga tách dầu mỡ được xây dựng bằng bê tông cốt thép

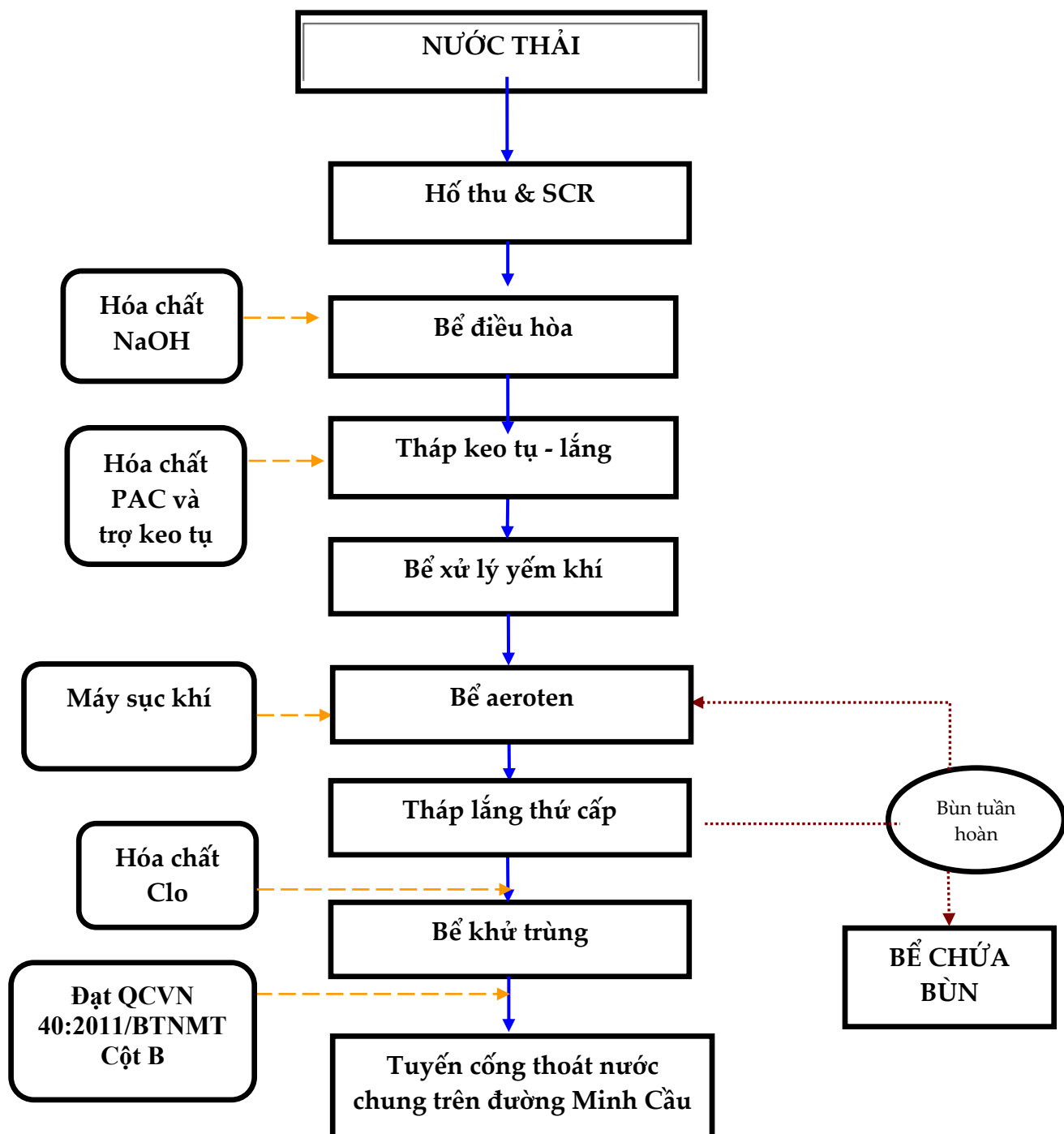
- **Nguyên lý hoạt động:** theo nguyên lý lắng và phân tách tự nhiên do dầu mỡ có khối lượng riêng nhẹ hơn nước nên nổi lên trên bề mặt, gồm các ngăn hướng dòng nhằm giảm vận tốc dòng chảy và tăng thời gian lưu nước để dầu mỡ nổi lên trên bề mặt. Lớp dầu mỡ tích tụ được công nhân định kỳ vớt thủ công bằng dụng cụ chuyên dụng và thu gom, xử lý theo quy định, đồng thời cặn lắng dưới đáy hồ được nạo vét, vệ sinh định kỳ để hạn chế phát sinh mùi hôi và tránh gây tắc nghẽn đường ống thoát nước.



Hình 10. Sơ đồ nguyên lý hồ ga tách dầu mỡ

### **3.1.3.3. Trạm xử lý nước thải tập trung**

\*Quy trình công nghệ của trạm xử lý nước thải công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày:



Hình 11. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của công ty

**Trạm xử lý nước thải:**

- Chức năng: xử lý các thành phần hữu cơ và vi sinh trong nước thải.
- Công suất: 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Công nghệ: Xử lý hóa lý
- Phần bồn bể xử lý nước thải được xây như sau:
  - + Phần xây chìm bao gồm: Hố thu, bể điều hòa, bể xử lý yếm khí, bể aeroten, bể khử trùng.

+ Phần đặt nổi bao gồm: Tháp keo tụ- lắng và tháp lắng thứ cấp

• Thuyết minh quy trình:

- *Hồ thu & SCR*: Loại bỏ các tạp chất và các chất lơ lửng có kích thước lớn.

Nước thải từ các nguồn phát thải theo đường công thu gom chảy về hồ thu – song chắn rác đặt trước bể điều hòa. Song chắn rác có tác dụng loại bỏ các tạp chất, lơ lửng có kích thước lớn trong nước thải, những tạp chất này có thể gây tắc nghẽn đường ống, làm hỏng máy bơm. Rác định kỳ được vớt lên bằng thủ công, nước thải sau khi tách rác được chảy về bể điều hòa.

- *Bể điều hòa*: Bể điều hòa có chức năng duy trì sự ổn định của dòng thải, hạn chế các ảnh hưởng do sự dao động lưu lượng và nồng độ nước thải, từ đó nâng cao hiệu quả của các công đoạn xử lý phía sau. Nước thải từ hồ thu gom sau khi được loại bỏ các chất thải có kích thước lớn sẽ tự chảy vào bể điều hòa để ổn định lưu lượng và thành phần trước khi chuyển sang các công đoạn xử lý tiếp theo.

- *Tháp keo tụ – lắng*: Loại bỏ các chất ô nhiễm lơ lửng. Từ bể điều hòa, nước thải được bơm vào ngăn trộn keo tụ. Hóa chất keo tụ PAC được đưa vào nhờ bơm định lượng và khuấy trộn đều với nước thải bằng cơ cấu trộn thủy lực. Tại đây các bông keo tụ được hình thành và lắng xuống đáy bể.

Để tăng cường quá trình phát triển của bông keo tụ, cho thêm chất trợ keo tụ Polymer vào buồng phản ứng tạo bông ở giữa bể lắng. Trong vùng lắng của bể, các hạt cặn lơ lửng có trong nước thải sẽ liên kết với các bông keo tụ làm cho kích thước của chúng ngày càng lớn và dưới tác dụng của trọng lực sẽ bị lắng xuống dưới đáy bể. Nước trong sau lắng tràn vào máng thu nước, theo đường ống dẫn chảy vào bể xử lý lọc sinh học. Cặn bùn lắng xuống đáy bể định kỳ xả về bể chứa bùn qua đường ống xả bùn lắp ở đáy bể.

- *Bể xử lý yếm khí*: Loại bỏ phần lớn các chất hữu cơ hòa tan. Nước thải từ tháp keo tụ lắng sau khi được loại bỏ các chất rắn lơ lửng bằng phương pháp hóa lý được tự chảy vào bể xử lý yếm khí. Nước thải được đưa vào bể xử lý yếm khí sẽ được phân phối đều theo diện tích đáy bể. Nước đi từ dưới lên chảy qua lớp vật liệu đệm. Các chất hữu cơ sẽ bám tại lớp vật liệu đệm có chứa vi khuẩn yếm khí và tạo thành lớp màng vi sinh vật. Tại đây các chất hữu cơ sẽ được hấp thụ và phân hủy. Bùn cặn sẽ được lưu tại đáy bể và định kỳ được bơm sang bể chứa bùn.

- *Bể Aeroten*: Loại bỏ các chất hữu cơ hòa tan còn lại trong nước thải. Nước thải từ bể xử lý yếm khí đi vào bể xử lý hiếu khí. Hệ thống sục khí trong bể hiếu khí có tác dụng cung cấp oxi cho quần thể vi khuẩn hiếu khí oxi hóa và khoáng hóa các chất hữu cơ có trong nước thải.

- *Tháp lắng thứ cấp*: tách nhanh bùn hoạt tính. Từ bể lọc sinh học hiếu khí, nước lẫn bùn hoạt tính được bơm lên tháp lắng thứ cấp. Bùn hoạt tính được lắng xuống đáy bể và định kỳ được bơm tuần hoàn về bể xử lý hiếu khí. Bùn dư được

định kỳ hút xả về bể phân hủy bùn. Nước trong sau khi tách bùn hoạt tính chảy vào bể khử trùng.

- *Bể khử trùng*: Tại bể khử trùng, nước thải được trộn với hóa chất khử trùng có chứa clo hoạt tính, được cấp vào nhờ bơm định lượng.

Nước sau khử trùng đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B,  $K_q=0,9$ ,  $K_f=1,1$ ) đến hết ngày 31/12/2031, đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột B) từ ngày 01/01/2032 trước khi đầu nối vào tuyến cống thoát nước chung trên đường Minh Cầu, đưa về Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng để xử lý tập trung.

- *Bể chứa bùn*: Bùn cặn lắng từ tháp keo tụ - lắng và bùn hoạt tính thải từ bể lắng thứ cấp được đưa về bể chứa bùn. Tại đây, dưới tác dụng của hệ vi sinh vật yếm khí, bùn cặn được phân hủy làm cho thể tích bùn giảm đi nhiều và định kỳ được hút đi xử lý theo quy định. Nước trong từ bể bùn được quay trở lại bể hiếu khí để xử lý lại.

- *Hoạt động một số thiết bị hệ thống xử lý*:

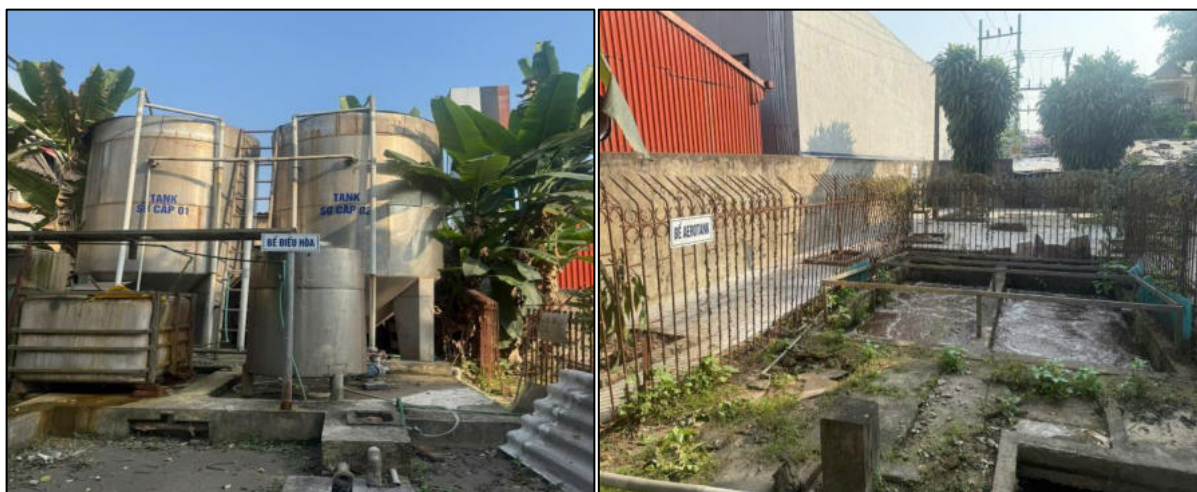
+ Tủ điều khiển: Điều khiển thiết bị vận hành theo cài đặt công nghệ

+ Hệ thống 2 máy thổi khí: Chạy luân phiên 12h/máy, có tác dụng cung cấp Ôxy cho vi sinh vật, và cho các hệ thống bơm nâng.

+ Hệ thống 2 bơm bể điều hòa: Lắp đặt chìm dưới bể, dùng để bơm nước thải đẩy lên tháp kéo tụ- lắng, từ đó kiểm soát được lưu lượng nước thải đẩy vào tháp.

+ Hệ thống 2 bơm bể Aeroten: Được lắp đặt chìm trong bể nhằm bơm nước thải lên bể lắng thứ cấp.

Nước thải sau xử lý thoát ra ngoài qua 01 cửa xả là tuyến cống BTCT D300, dài 20m, chảy vào cống thoát nước chung trên đường Minh Cầu.





Hình 12. Một số hình ảnh của Trạm xử lý nước thải

• Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 15. Kích thước các bể của hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên công trình	Thông số (Dài x rộng x cao)	Thể tích (m <sup>3</sup> )
1	Hồ thu	1x1x3m	3
2	Bể điều hoà	6,5x3,2x3,07m	63,8
3	Tháp keo tụ - lắng	2 tháp, kích thước mỗi tháp: 2,2x4,5x3m	59,4
4	Bể xử lý yếm khí	5,25x4x5,1m	107,1
5	Bể Aeroten	11,45x4,2x4m	192,4
6	Tháp lắng thứ cấp	3 tháp, kích thước mỗi tháp 2,4x4,4x3m	95,1
7	Bể khử trùng	5,3x2,2x2,9m	33,8
8	Bể chứa bùn	5,25x4x5,1m	107,1
<b>Tổng thể tích</b>			<b>661,7</b>

• Danh mục các thiết bị lắp đặt của Trạm xử lý nước thải:

Bảng 16. Chi tiết danh mục thiết bị của Trạm xử lý nước thải

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ
3	Bơm nước thải từ bể điều hòa lên tháp keo tụ - lắng	Cái	2	Q = 10 - 15 m <sup>3</sup> /h; H = 8-12m; N = 1 KW	Italia
4	Bơm nước thải từ bể Aerotan lên tháp lắng thứ cấp,	Cái	2	Q = 10 - 15 m <sup>3</sup> /h; H = 8-12m; N = 1 KW	Italia
5	Bơm bùn lấp cạn từ tháp keo tụ lắng về bể bùn	Cái	2	Q = 3 - 5 m <sup>3</sup> /h; H = 8-12m; N = 0.75 KW	Italia

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ
6	Bơm bùn lắp cạn tuần hoàn bùn từ tháp lắng thứ cấp về bể bùn	Cái	1	Q = 3 -5 m <sup>3</sup> /h; H = 8-12m; N = 0.75 KW	Italia
7	Bơm định lượng	Cái	2	Q <sub>max</sub> = 30 l/h	USA
8	Thùng composit	Cái	2	V = 400l	Việt Nam
9	Đệm lọc bể yếm khí	m <sup>3</sup>	18	Nhựa PVC + Nhiệt độ làm việc: 45 độ C. + Bề mặt riêng: ≥200 - 220 m <sup>2</sup> /m <sup>3</sup> . + Độ rỗng xốp: ≥93%.	Việt Nam
10	Giá đỡ đệm lọc bể yếm khí;	Cái	1	Inox SUS 304	Việt Nam
11	Tủ điện điều khiển	Cái	1	800 x 600 x 250 (mm)	
12	Máy thổi khí đặt trên cạn	Cái	2	Q = 4,65 m <sup>3</sup> /ph; H = 4m; N=5KW	ShinmayWa (Nhật bản)

- Chế độ vận hành của trạm xử lý nước thải: vận hành bán tự động, liên tục 24/24 giờ.

- Chế độ xả nước thải: tự chảy, liên tục 24/24 giờ.

• Quy trình vận hành Trạm xử lý nước thải:

- Kiểm tra hệ thống điện cung cấp

+ Kiểm tra về điện áp: đủ áp (220V hoặc 380V), đủ pha (1 pha hoặc 3 pha). Nếu không đủ điều kiện vận hành: mất pha, thiếu hoặc dư áp thì không nên hoạt động hệ thống vì lúc này các thiết bị sẽ dễ xảy ra sự cố.

+ Kiểm tra trạng thái làm việc của các công tắc, cầu dao. Tất cả các thiết bị phải ở trạng thái sẵn sàng làm việc.

Những biểu tượng trong tủ điện chính:

ON, OFF: kết nối và ngắt kết nối nguồn cấp cho tủ điện. AUTO/MAN: Điều chỉnh tự động/Thủ công.

Đèn của mỗi thiết bị trong tủ biểu thị tình trạng của thiết bị đó Đèn xanh: Đang hoạt động

Đèn đỏ: Sự cố

Điều chỉnh tự động (AUTO) – làm việc theo lập trình đã được lập sẵn của đơn vị thiết kế.

Điều chỉnh thủ công (MAN) – làm việc theo sự điều khiển của nhân viên vận hành.

*Lưu ý:* Đối với những nhân viên không được giao nhiệm vụ vận hành, tuyệt đối không điều chỉnh các công tắc trên tủ điện điều khiển.

- Kiểm tra thiết bị

Trước khi bật máy cũng như sau khi máy đã hoạt động cần kiểm tra tình trạng của tất cả các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải. Sau khi hệ thống hoạt động liên tục, ổn định cần kiểm tra lại tình trạng của các thiết bị, máy móc sau mỗi ngày, chú ý những hiện tượng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của chúng.

- Vận hành

Sau khi tiến hành các bước kiểm tra và chuẩn bị hóa chất, ta tiến hành cho hệ thống đi vào hoạt động theo các quy trình sau:

- Bước 1: Mở cửa tủ điều khiển (TĐK) trung tâm, kéo các công tắc trên CB tổng và các CB con để chuyển tất cả CB sang vị trí ON (nếu trước đó chưa bật). Điều này cho phép điện đã được cấp vào các tiếp điểm của tất cả các khởi động từ.

- Bước 2: Đóng cửa tủ điều khiển. Kiểm tra các đèn báo và đồng hồ hiển thị bên ngoài cửa tủ điện.

- Bước 3: Bắt đầu vận hành thiết bị theo chế độ tự động hoặc bằng tay khi các đèn báo, đồng hồ đo áp, đo vận hoạt động ổn định. Trường hợp có sự cố, dừng và kiểm tra, tìm nguyên nhân và khắc phục, sau khi giải quyết xong thì chuyển sang bước 4.

➤ *Vận hành ở chế độ tự động*

Bước 4: Bật công tắc của các thiết bị tại vị trí “AUTO”. Lúc này các thiết bị sẽ được điều khiển bởi PLC hoặc các timer, các thiết bị sẽ hoạt động theo chương trình đã cài đặt

➤ *Vận hành ở chế độ không tự động*

Chế độ vận hành không tự động chỉ sử dụng trong trường hợp thử máy, hoặc hệ thống chạy tự động gặp sự cố. Khi đó chỉ cần bật máy sang chế độ MAN. Lưu ý trong khi vận hành các máy bơm ở chế độ không tự động, cần theo dõi mực nước, không để bị cạn, có thể cháy bơm.

➤ *Dừng do sự cố*

Khi hệ thống điện gặp sự cố chạm đất, CB tổng sẽ tự động ngắt. Trước khi khởi động lại hệ thống cần phải kiểm tra và khắc phục thiết bị đã bị chạm.

Khi đèn đỏ trên bảng điều khiển bật sáng báo hiệu máy/thiết bị tại vị trí tương ứng gặp sự cố ⇒ bật công tắc và CB của thiết bị đó sang vị trí “OFF” để kiểm tra và phát hiện sự cố.

*Lưu ý:* Trong trường hợp dừng hệ thống bằng nút EM.STOP hoặc bằng đóng CB tổng trong TĐK hoặc do cúp điện thì khi khởi động lại nên bật tất cả các công tắc về trạng thái OFF và thực hiện lại quá trình vận hành từ Bước 1 như trên. Điều này giúp tránh các máy đồng loạt khởi động gây sụt áp hệ thống

• **Hoá chất sử dụng:**

*Bảng 17. Khối lượng hoá chất sử dụng cho trạm xử lý nước thải*

STT	Tên hóa chất	Tác dụng	Công đoạn sử dụng	Khối lượng
1	Javen	Khử trùng	Bể khử trùng	3 kg/tháng
2	Poly Aluminium Chloride - PAC	Hóa chất keo tụ	Tháp keo tụ - lắng	5 kg/tháng
3	Polymer	Hóa chất trợ keo tụ	Tháp keo tụ - lắng	1kg/tháng
4	NaOH	Bổ sung tại bể điều hoà	Bể điều hoà	9 35 kg/tháng

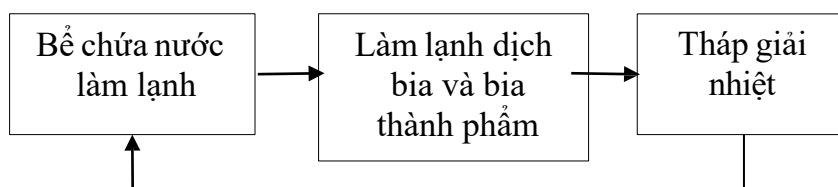
• **Lượng điện tiêu hao** cho hệ thống xử lý nước thải trung bình khoảng 220 kWh/ngày.

• **Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải của trạm xử lý nước thải:** Căn cứ vào kết quả quan trắc nước thải năm 2025, 2026 (được tổng hợp tại bảng 25) cho thấy hầu hết các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT (cột B,  $K_q=0,9$ ,  $K_f=1,1$ ). Như vậy, hệ thống xử lý nước thải của cơ sở đang hoạt động ổn định và hiệu quả xử lý tốt.

**3.1.3.4. Tháp giải nhiệt**

Quá trình sản xuất của cơ sở có sử dụng nước làm lạnh dịch bia và bia thành phẩm, toàn bộ nước làm lạnh được thu gom qua tháp giải nhiệt và tuần hoàn lại cho quá trình làm lạnh không thải bỏ ra ngoài môi trường, hàng ngày bổ sung lượng nước do bay hơi.

Nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý nước làm lạnh của cơ sở như sau:



*Hình 13. Sơ đồ nguyên lý tuần hoàn nước làm lạnh*

- **Nguyên lý:** Nước từ quá trình làm mát thiết bị được đưa qua tháp giải nhiệt sau đó chảy sang bể chứa nước làm lạnh để tuần hoàn cho quá trình làm lạnh dịch bia và bia thành phẩm. Công ty không thải bỏ nước làm lạnh.

- *Kết cấu:* Thép mạ kẽm



*Hình 14. Tháp giải nhiệt của Công ty*

*Bảng 18. Thông số kỹ thuật của hệ thống tuần hoàn nước làm lạnh*

TT	Hạng mục	Số lượng	Thông số
1	Tháp giải nhiệt	01 tháp	Dung tích: 16,3 m <sup>3</sup> (Kích thước: 2,5m x 2,5m x 2,6m)
2	Bể chứa nước làm lạnh	01 bể	Dung tích: 1 m <sup>3</sup> (Kích thước: 1m x 1m x 1m)

### **3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:**

#### **3.2.1. Nguồn phát sinh**

Nguồn phát sinh bụi, khí thải của công ty như sau:

- Bụi, khí thải từ hoạt động của lò hơi đốt than công suất 2 tấn/h.
- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông vận tải.
- Bụi phát sinh từ quá trình nhập liệu, cấp liệu, nghiền.

#### **3.2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu.**

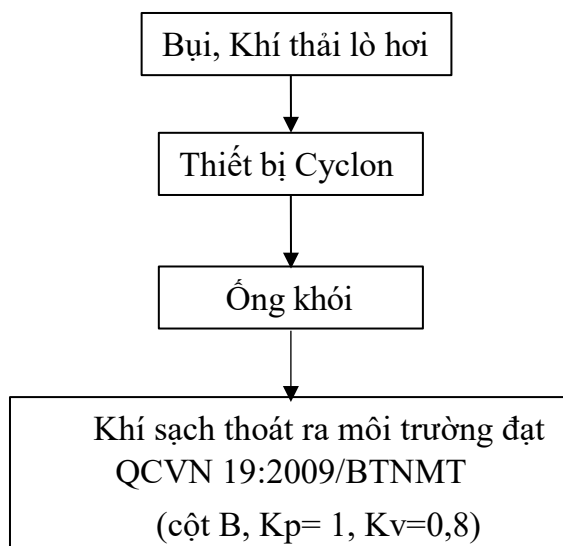
**a, Công trình xử lý khí thải từ hoạt động của lò hơi đốt than công suất 2tấn/h.**

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải: Khí bụi từ lò hơi → Đường ống B200mm, dài 1m → Thiết bị tách bụi cyclone (chiều cao 2.500mm, Φ1000mm) → Đường ống Φ400mm, dài 3m → Quạt hút lưu lượng 10.000 m<sup>3</sup>/giờ → Đường ống 0,2x0,3m, dài 4m → Ống khói cao 16m.

Khí thải của lò hơi chủ yếu mang theo bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>. Để xử lý bụi và khí thải phát sinh từ quá trình đốt than (không chứa chất thải nguy hại), nhà máy sử dụng thiết bị lắng cyclone để tách bụi, khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với

bụi và các chất vô cơ (cột B, với  $k_p=1$  lưu lượng nguồn thải nhỏ hơn 20.000  $m^3/h$ ,  $k_v=0,8$  áp dụng cho khu vực đô thị loại 3).

Lò hơi có công suất 2 tấn hơi/giờ, được sử dụng để cấp hơi cho quá trình sản xuất bia như nấu, hấp trùng, vệ sinh thiết bị, nhiên liệu sử dụng cho lò hơi là than. Khí thải phát sinh từ lò hơi được xử lý bằng hệ thống xử lý khí thải đi kèm với lò hơi, quy trình công nghệ xử lý khí thải lò hơi được mô tả theo sơ đồ sau:



Hình 15. Quy trình công nghệ xử lý khí thải lò hơi của cơ sở

- Thuyết minh quy trình: Khí thải lò hơi

Khí thải, bụi từ lò hơi được thu gom theo đường ống được đưa vào thiết bị cyclon (tháp khử bụi khô). Khí thải đi vào theo phương tiếp tuyến với thiết bị, dưới tác dụng của lực ly tâm, bụi lẫn trong khí thải bị văng ra thành thiết bị, khi một hạt va chạm với thành cyclone thì nó sẽ chậm lại và rơi xuống do lực ma sát. Các hạt đó sẽ được tách ra khỏi dòng khí chính và bị đẩy xuống phần hình nón bởi các thành phần đi xuống của vận tốc khí. Lực ly tâm tác động đến khối lượng của hạt, do đó hạt nặng hơn được thu thập dễ dàng hơn. Bụi rời khỏi cyclone tại đầu ra của bụi khi dòng khí đi đến phần dưới cùng của hình nón, dòng khí đổi hướng quay ngược trở lại và chuyển động lên trên và hình thành “dòng xoắn trong”. Khí sau khi lọc sạch bụi được đưa lên phía trên. Hiệu suất của thiết bị này với hạt bụi 15-20mm là 95% và 2-5mm là 90%.

Toàn bộ lượng bụi, khí thải sau khi được xử lý bằng hệ thống xử lý khí thải được thoát ra ngoài môi trường bằng ống khói cao 16m.

- Các thông số cơ bản của lò hơi:

- + Công suất: 2000 kg/h
- + Áp suất nồi hơi: 10at
- + Nhiệt độ nồi hơi: 183°C
- + Diện tích tiếp nhiệt nồi hơi: 80m<sup>2</sup>

+ Dung tích nồi hơi: Phần chứa hơi 0,45m<sup>3</sup>, phần chứa nước 2,57m<sup>3</sup>

+ Nguyên liệu sử dụng đốt là than. Khối lượng than trung bình sử dụng cho lò hơi khoảng 267 kg/ngày. Than được mua từ các cơ sở trong nước.

- Thông số kỹ thuật của thiết bị xử lý bụi, khí thải từ lò hơi:

+ Tháp khử bụi: Đường kính 1000mm, cao 2500mm.

+ Quạt hút khói: Công suất 5,5 kw, lưu lượng gió 10.000m<sup>3</sup>/h

+ Chiều cao ống khói: 16m, Đường kính: 110mm.

### ***b, Biện pháp giảm thiểu khác***

Đối với các nguồn phát thải khí, bụi khác. Công ty áp dụng các biện pháp để ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm không khí trong khu vực như sau:

- Lập kế hoạch điều động các xe ô tô chuyên chở nguyên liệu ra vào Nhà máy hợp lý và khoa học.

- Bê tông hóa tất cả các đường giao thông trong phạm vi nội bộ nhà máy.

- Phun nước thường xuyên trên đường nội bộ về mùa nắng và hanh khô để hạn chế bụi từ mặt đường;

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân bốc dỡ như: mũ, khẩu trang, quần áo BHLĐ, ...

- Khuyến khích sử dụng xăng dầu đạt tiêu chuẩn.

- Không chở hàng hóa vượt quá tải trọng của xe ô tô.

- Không sử dụng các loại phương tiện cũ nát, hết thời gian lưu hành cho phép.

- Công ty đã trồng nhiều cây xanh có tán lớn để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn, bụi phát tán ra ngoài môi trường.

### **3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:**

#### ***3.3.1. Nguồn phát sinh***

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thành phần là các chất hữu cơ dễ phân huỷ (như vỏ hoa quả, đồ ăn thừa). Ngoài ra còn có một phần nhỏ các loại bao bì thực phẩm, giấy phế liệu. Chất thải rắn còn có chứa một lượng không đáng kể các thành phần khó phân huỷ như bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, thủy tinh. Định mức phát sinh chất thải rắn sinh hoạt khoảng 0,5 kg/ngày đêm với 37 công, nhân viên làm việc tại Công ty và lượt khách trung bình khoảng 100 người/ngày. Khối lượng phát sinh chất thải sinh hoạt tại Công ty khoảng 68,5 kg/ngày, tương đương 25 tấn/năm.

- Chất thải rắn sản xuất bao gồm:

+ Chất thải thông thường phát sinh từ quá trình sản xuất gồm bã hèm, bã hoa, nguyên liệu hỏng mốc, vỏ chai, lon hỏng, vỏ thùng carton hỏng.

+ Chất thải thông thường phát sinh từ hoạt động của lò hơi và hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi gồm tro bụi thải từ lò hơi và hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

+ Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, từ các bể tự hoại.

Khối lượng chất thải rắn thông thường của công ty được thống kê trong bảng sau:

*Bảng 19. Khối lượng chất thải rắn thông thường theo công suất năm 2025 và dự báo theo công suất xin cấp phép*

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng theo công suất năm 2025	Dự báo khối lượng theo công suất xin cấp phép
<b>I</b>	<b>Chất thải rắn sản xuất thông thường</b>	<b>Kg/năm</b>	<b>221.500</b>	<b>839.500</b>
1	Bã hèm, bã hoa, men bia	Kg/năm	200.000	800.000
2	Tro, bụi thải	Kg/năm	9.000	20.000
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	Kg/năm	10.000	15.000
4	Bùn bể tự hoại	Kg/năm	2.000	2.500
5	Vỏ chai, lon hồng, vỏ thùng carton hồng, bao gạo, ...	Kg/năm	500	2.000
<b>II</b>	<b>Chất thải rắn sinh hoạt</b>	<b>Tấn/năm</b>	<b>25</b>	<b>60</b>

### **3.3.2. Công trình thiết bị lưu giữ chất thải rắn thông thường:**

#### **a, Công trình, thiết bị lưu giữ chất thải sinh hoạt**

- Bố trí 5 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực nhà hàng, và sản xuất. Hàng ngày, nhân viên vệ sinh tập kết rác từ khu vực phát sinh về điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 15m<sup>2</sup>, đổ nền bê tông, có mái che; hợp đồng với đơn vị có chức năng hằng ngày thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt cồng kềnh: Bao gồm chất thải có kích thước lớn, nặng như máy móc thiết bị hỏng, đồ gia dụng...được lưu chứa tạm trong kho chứa. Liên hệ, thỏa thuận và thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo quy định.

Hiện tại, Công đang ký hợp đồng thu gom với Chi nhánh vệ sinh môi trường- Công ty CP môi trường và công trình đô thị Thái Nguyên tại hợp đồng số CD.02.089/HĐVS-2026 ngày 02/01/2026 để thu gom, vận chuyển đi xử lý.

*Bảng 20. Thiết bị thu gom CTR sinh hoạt*

Stt	Hạng mục	Số lượng hiện trạng	Ghi chú
1	Thùng chứa rác	60 thùng	Được bố trí tại các nhà

	100 lít		xưởng và khu nhà hàng
2	Xe đẩy tay 0,5m <sup>3</sup> /xe	01 xe	Để thu gom từ các thùng
3	Điểm tập kết CTR sinh hoạt	15m <sup>2</sup>	Để xe rác



*Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt*

#### ***a, Biện pháp giảm thiểu do tác động của chất thải rắn sản xuất***

+ Đối với bã hèm, bã hoa, men bia: phát sinh trong quá trình sản xuất bia, cơ sở thực hiện thu gom và chuyển giao ngay sau mỗi mẻ nấu cho đơn vị thu mua, góp phần giảm thiểu chất thải và bảo vệ môi trường. Cơ sở đã ký hợp đồng mua bán số 05/2025/HĐ-KT ngày 01/05/2025 với ông Lê Quang Khản để thực hiện việc thu gom, vận chuyển theo quy định.

+ Đối với tro, bụi thải: Được đóng bao và lưu giữ tại khu vực lò hơi theo quy định nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường. Sau đó, lượng tro, bụi này được chuyển giao cho người dân có nhu cầu sử dụng làm vật liệu cải tạo đất hoặc phục vụ mục đích phù hợp khác.

+ Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và bùn bể tự hoại thuê đơn vị có chức năng đến hút đi xử lý theo quy định. Bình quân định kỳ khoảng 1 năm/lần sẽ thuê thực hiện hút bùn từ trạm xử lý nước thải và bùn bể tự hoại.

+ Các loại chất thải khác được thu gom, tập kết tại khu lưu giữ chất thải của Công ty và được đơn vị có chức năng đến vận chuyển đi xử lý theo quy định.

### **3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:**

#### ***3.4.1. Nguồn phát sinh***

- Hoạt động của văn phòng: thiết bị, linh kiện điện tử thải, pin acquy thải, ...
- Hoạt động sản xuất: giẻ lau dính dầu mỡ thải, vật liệu lọc thải, dầu máy thải, ...

Trong quá trình hoạt động Công ty phát sinh các loại chất thải nguy hại với số lượng cụ thể như bảng sau:

*Bảng 21. Khối lượng CTNH phát sinh của cơ sở theo công suất năm 2025 và dự báo theo công suất xin cấp phép*

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Lượng phát sinh theo công suất năm 2025 (kg/năm)	Dự báo khối lượng theo công suất xin cấp phép ((kg/năm)
1	Các loại dầu thải khác	17 07 03	350	600
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	10	50
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	-	30
4	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	-	30
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	-	30
6	Bao bì thải có chứa thành phần nguy hại (vỏ lọ thủy tinh)	18 01 04	-	40
	<b>Tổng</b>		<b>360</b>	<b>780</b>

*(Nguồn: Số liệu hiện trạng theo thống kê và dự báo của Công ty)*

#### **3.4.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ CTNH:**

Chất thải có tính chất nguy hại chủ yếu là dầu thải, giẻ lau thải... được tiến hành thu gom, lưu trữ, quản lý và hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể:

- Phân loại các loại chất thải nguy hại riêng biệt theo mã: dầu thải (17 07 03), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (18 02 01)...
- Không để lẫn chất thải nguy hại với chất thải thông thường.

Các loại CTNH đều được lưu chứa trong kho CTNH có biển cảnh báo của kho, có mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; Có mái che kín nằng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH; được phân thành các khu vực riêng biệt với mỗi loại chất thải, có gờ rãnh chống tràn; đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.... với diện tích khoảng 12m<sup>2</sup>. Công ty ký hợp đồng vận chuyển, xử lý chất CTNH với Công ty TNHH môi trường Sông Công.

*Bảng 22. Thống kê thiết bị lưu chứa CTNH tại cơ sở*

Stt	Hạng mục	Số lượng hiện trạng	Ghi chú
5	Thùng chứa 100 lít	02 thùng	Chứa CTNH
6	Kho lưu chứa CTNH	12 m <sup>2</sup>	Đặt các thùng lưu chứa CNTH



*Kho chứa CTNH*

### **3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

#### **\* Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- + Nguồn số 1: Tiếng ồn phát sinh từ động cơ máy nghiền gạo
- + Nguồn số 2: Tiếng ồn phát sinh từ động cơ máy nghiền malt
- + Nguồn số 3: Tiếng ồn phát sinh từ quạt hút hệ thống xử lý khí thải lò hơi
- + Nguồn số 4: Tiếng ồn phát sinh từ máy thổi khí của trạm xử lý nước thải

#### **\* Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Để đảm bảo môi trường lao động an toàn nhất cho người lao động, chủ cơ sở đã, đang và sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung như sau:

+ Thực hiện lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: xây dựng bệ máy cho mỗi loại máy, cân bằng máy khi lắp đặt, lắp đặt các bộ tắt chấn động lực dùng các kết cấu đàn hồi để giảm rung, ...

+ Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý.

+ Kiểm tra mức ồn của thiết bị, nếu mức ồn lớn hơn giới hạn cho phép thì phải lắp các thiết bị giảm âm;

+ Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị máy móc, cải tiến quy trình công nghệ theo hướng giảm tiếng ồn.

+ Quy định thời gian làm việc hợp lý cho nhân viên: lập đồ thị làm việc cho nhân viên để họ có thời gian nghỉ ngơi hợp lý, làm giảm thời gian có mặt của họ ở những nơi có mức ồn, rung động cao.

+ Trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị chống ồn như nút bịt tai, quần áo bảo hộ...

### **3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải:**

#### **3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với HTXL nước thải**

##### *a. Biện pháp phòng ngừa sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải:*

- Duy trì công tác ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải. Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường, được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành, ứng phó sự cố hỏng hóc thiết bị máy móc trong hệ thống xử lý nước thải.

- Tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu nước, công thoát nước tránh tình trạng tắc cống thu gom. Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín của tất cả các tuyến ống.

##### *b. Quy trình ứng phó sự cố môi trường*

- Bước 1: Thông báo với trường bộ phận

- Bước 2: Đánh giá khả năng có thể không chế được

- Bước 3: Xử lý sự cố. Trong quá trình thực hiện cần chú ý công tác cháy nổ, chống điện giật.

- Bước 4: Trong trường hợp vượt quá khả năng xử lý của công ty, khẩn cấp thông báo ngay cho các cơ quan có chức năng về môi trường, đồng thời cung cấp chi tiết các thông tin liên quan đến sự cố.

\* Các kịch bản ứng phó sự cố:

(1) Kịch bản ứng phó sự cố mất điện toàn trạm:

Công ty có máy phát điện dự phòng đảm bảo phát điện cho hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định. Vì sinh có thể sinh sống bình thường ổn định nếu mất điện trong vòng 24h.

(2) Kịch bản ứng phó đối với các sự cố thường gặp với hệ thống xử lý nước thải như: hỏng máy bơm, hỏng máy thổi khí, vỡ đường ống dẫn nước, chập cháy tủ điện v...v...

- Tổng lượng nước thải phát sinh lớn nhất tại Cơ sở là khoảng 138,4 m<sup>3</sup>/ngày và hệ thống xử lý nước thải của cơ sở có công suất là 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm, do vậy khi gặp sự cố nước thải có thể được bơm trở ngược lại bể điều hòa để lưu giữ và khóa van cửa xả nước thải. Ngoài ra đối với mạng lưới đường ống và các bể còn lại cũng có thể lưu thêm nước thải trong trường hợp gặp sự cố bể. Thời gian lưu nước thải 0,5 ngày của bể điều hòa và các mạng lưới đường ống, giúp cán bộ chuyên môn có thể tiến hành các biện pháp khắc phục sự cố trước khi hoạt động trở lại. Trường hợp phải khắc phục dài ngày sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải đi xử lý không xả thải chưa qua xử lý ra môi trường.

- Tại các bể của mỗi hệ thống xử lý nước thải đều được bố trí các thiết bị chạy luân phiên – Dự phòng đối với các thiết bị hay bị sự cố (máy thổi khí, bơm, tủ điện....) và được điều khiển bởi hệ thống tủ điện. Trong trường hợp hoạt động bình thường hầu hết các thiết bị sẽ hoạt động luân phiên theo chế độ cài đặt sẵn tại tủ điện (chế độ bán tự động) để tăng tuổi thọ của các thiết bị, giảm sự cố hỏng, cháy. Trong trường hợp có thiết bị hỏng hóc, chuyển sang chế độ bằng tay để chỉ chạy 1 thiết bị bình thường đảm bảo hệ thống vẫn hoạt động liên tục và tháo thiết bị hỏng để sửa chữa, bảo dưỡng hoặc có thể thay thế (chế độ này đã được cài đặt sẵn tại tủ điện). Riêng đối với trường hợp tủ điện gặp sự cố có tủ điện dự phòng, cán bộ chuyên môn sẽ thực hiện đấu điện vào tủ điện dự phòng, cán bộ chuyên môn có thể xử lý máy hỏng trong khoảng thời gian từ 3-5h trong trường hợp này. Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị của hệ thống xử lý đều có các máy móc thiết bị dự phòng, do đó trường hợp máy móc thiết bị hỏng sẽ khắc phục rất nhanh chóng

*Bảng 23. Một số biện pháp ứng phó sự cố máy móc thiết bị trong quá trình vận hành hệ thống XLNT*

TT	Hạng mục công trình	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
1	Bể điều hòa, Bể Aerotan	- Bơm hoạt động nhưng không lên nước. - Bơm hoạt động nhưng lên ít nước, yếu, ... - Hết nước trong bể mà bơm vẫn hoạt động	- Mất điện hay báo lỗi chip. - Bơm bị nghẹt do vật lạ. - Bơm bị hỏng. - Sự cố ở phao điện cực. - Điện cực bị bám bẩn.	- Kiểm tra hệ thống điện, bị nhảy chip nên kiểm tra bơm trước khi nhân trip lại. - Vệ sinh bơm, sửa chữa bơm nếu bơm bị hỏng. - Kiểm tra và vệ sinh điện cực hoặc thay mới nếu không khắc phục được

			Ejector bị hỏng.	Sửa chữa nếu Ejector bị hỏng
2	Bể Aerotan	- Máy thổi khí và hệ thống phân phối khí không hoạt động hoặc bị hỏng	Máy thổi khí hoạt động quá tải hoặc bị sự cố về điện,...	- Kiểm tra hệ thống điện, điều chỉnh van cấp khí cho bể (tăng hoặc giảm) Sửa chữa máy thổi khí nếu bị hỏng.
3	Hệ thống bơm định lượng hóa chất	- Bơm định lượng bị nghẹt hoặc không hoạt động	- Bơm bị nghẹt hoặc bị hỏng Hết hóa chất trong bồn	- Vệ sinh bơm định lượng - Pha hóa chất
4	Kiểm tra nước thải sau xử lý	- Nước đục, cặn lơ lửng nhiều - Nước thải sau xử lý có mùi khó chịu	- Quá trình lọc không hiệu quả. - Chưa phân hủy hết chất hữu cơ có trong nước thải.	- Kiểm tra và khắc phục các nguyên nhân tạo ra ở bể vi sinh.

*(3) Kịch bản ứng phó Sự cố vi sinh:*

Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở sử dụng công nghệ sinh học, có thể xảy ra các sự cố ở bể vi sinh như: vi sinh yếu, sốc tải, chết sẽ được xử lý bằng cách nhanh chóng bổ sung vi sinh. Đối với nước thải của cơ sở không chứa các thành phần nguy hại, trường hợp vi sinh chết hàng loạt là rất thấp, vi sinh có thể bị yếu, khắc phục bằng cách bổ sung nuôi cấy và trong vòng 6-8h vi sinh có thể hoạt động ổn định.

*(4) Sự cố nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép:*

Trường hợp nước thải không đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B,  $K_q=0,9$ ,  $K_f=1,1$ ), Công ty sẽ thực hiện tất cả các biện pháp để xử lý sự cố và trong trường hợp nếu đã áp dụng các biện pháp phòng ngừa nhưng vẫn xảy ra sự cố vận hành hệ thống xử lý nước thải không đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B,  $K_q=0,9$ ,  $K_f=1,1$ ) và Công ty không kịp thời sửa chữa hệ thống xử lý nước thải thì Nhà máy sẽ dừng hoạt động sản xuất để sửa chữa lại hệ thống xử lý nước thải.

**3.6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với HTXL khí thải:**

Để phòng ngừa và ứng phó với sự cố của hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò hơi, chủ cơ sở đã, đang và sẽ áp dụng các biện pháp sau:

*\*Biện pháp phòng ngừa.*

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng và kiểm tra các mối hàn, các điểm tiếp nối, chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

- Tuân thủ nghiêm ngặt hướng dẫn vận hành của hệ thống.

- Thực hiện nhật ký vận hành để theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Khi sự cố xảy ra, Nhà máy sẽ dừng hoạt động công đoạn phát sinh khí thải để khắc phục sự cố, sau khi sự cố được khắc phục xong mới đưa vào vận hành và tiến hành quan trắc để đánh giá hiệu quả.

*\*Biện pháp ứng phó.*

- Ngừng hoạt động hoặc giảm công suất lò hơi và dây chuyền sản xuất có sử dụng hơi nước để khắc phục khi có sự cố.

- Khẩn trương sơ tán công nhân ra khỏi khu vực xảy ra sự cố, cách ly khu vực xảy ra sự cố để đảm bảo an toàn.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Bước 1: Người phát hiện sự cố thông báo với trưởng bộ phận.

+ Bước 2: Đánh giá khả năng có thể xử lý được trong nội bộ.

+ Bước 3: Trường hợp nằm trong khả năng xử lý của công ty thì tiến hành xử lý sự cố. Trong quá trình thực hiện cần chú ý công tác cháy nổ, chống điện giật.

+ Bước 4: Trong trường hợp vượt quá khả năng xử lý của công ty thuê chuyên gia xử lý khắc phục kịp thời, đồng thời cung cấp chi tiết các thông tin liên quan đến sự cố.

**3.6.3. Phương án, phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu, rò rỉ hóa chất**

Chủ cơ sở đã, đang và sẽ tiếp tục áp dụng một số biện pháp phòng chống rò rỉ nhiên liệu, hóa chất như sau:

- Kiểm tra nghiêm ngặt kho chứa nhiên liệu, hóa chất, kho thành phẩm và các phương tiện vận tải;

- Hóa chất trong kho được dán nhãn, sắp xếp hợp lý, gọn gàng, dễ phân biệt khi có nhiều loại; Từng lô hàng được đánh dấu và ghi bảng tên trên tường để thuận tiện cho việc kiểm tra và giám sát. Trong quá trình nhập kho, cần kiểm tra kỹ bao bì, phuy chứa đựng hóa chất để đảm bảo không có hiện tượng nứt vỡ thùng chứa, rách thùng bao bì, tránh hiện tượng rò rỉ tràn đổ;

- Thực hiện nghiêm ngặt quy định kỹ thuật, an toàn trong quá trình nhập xuất nhiên liệu; các phương tiện vận chuyển phải có đủ tư cách pháp nhân cũng như đáp ứng tiêu chuẩn an toàn, kỹ thuật khi vận chuyển trên đường giao thông;

- Tuân thủ các quy định về quản lý an toàn hóa chất chất theo đúng luật hóa chất số 69/2025/QH15 ngày 14/06/2025 và các nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan:

+ Có người chuyên trách về an toàn hóa chất.

- + Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, hướng dẫn thực hiện an toàn hóa chất cho người lao động, người quản lý trực tiếp.
- + Xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo đúng quy định.
- + Cập nhật, lưu trữ thông tin về các hóa chất sử dụng.
- + Chấp hành các yêu cầu kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện các quy định về an toàn hóa chất
- + Thực hiện các quy định của pháp luật về xử lý, thải bỏ hóa chất nguy hiểm và dụng cụ chứa hóa chất đó.

#### **3.6.4. Sự cố từ nổ bồn $NH_3$ và rò rỉ khí $NH_3$**

##### *\*Biện pháp phòng chống sự cố rò rỉ, nổ bồn chứa $NH_3$*

- Có hệ thống thông gió sự cố, hệ thống hoạt động theo nguyên tắc cảm biến mùi, khi sự cố xảy ra hệ thống tự hoạt động bằng cách hút không khí trong phòng đặt hệ thống lạnh phát tán ra ngoài vùng khác hoặc đưa vào thiết bị thu gom xử lý.

- Khi lượng  $NH_3$  rò rỉ ở nồng độ từ 200 đến 800 ppm: hệ thống sẽ báo động bằng chuông. Nếu lượng  $NH_3$  rò rỉ trong không khí lớn hơn 800ppm thì hệ thống lạnh sẽ tự động khóa các van điều khiển;

- Kiểm tra thường xuyên tất cả các bộ phận của máy nén lạnh, hệ thống đường ống dẫn để phát hiện kịp thời chỗ rò rỉ.

##### *\*Biện pháp ứng phó sự cố rò rỉ, nổ bồn chứa $NH_3$*

- Ngưng hoạt động của hệ thống, đóng các van đường ống, bồn chứa hồi lưu...

- Di chuyển công nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm để khắc phục, sửa chữa sự cố.

- Các nhân viên sửa chữa khắc phục sự cố được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết. Nhà máy đã trang bị mặt nạ, bình thở ôxy để công nhân sử dụng trong trường hợp xảy ra sự cố. Bên cạnh đó phòng đặt máy được đặt trong không gian phân xưởng mở giúp dễ dàng thoát khí khi xảy ra sự cố giúp thông thoáng không khí trong khu vực nhà xưởng.

- Dùng vòi nước phun vào nơi rò rỉ để hoà tan khí  $NH_3$  (tuyệt đối không dùng nước phun trực tiếp vào  $NH_3$  lỏng);

- Sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị đã hỏng, kiểm tra độ kín và các chỉ tiêu kỹ thuật khác theo qui định và vận hành thử đạt yêu cầu trước khi đưa hệ thống làm lạnh hoạt động trở lại.

#### **3.6.5. Sự cố rò rỉ $CO_2$**

##### *\*Biện pháp phòng chống sự cố rò rỉ $CO_2$ :*

- Các van an toàn, van xả, đường ống được kiểm tra thường xuyên để phát hiện các hiện tượng khác thường nhằm ngăn chặn kịp thời sự cố xảy ra.

- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ nhằm duy trì sự hoạt động hiệu quả của hệ thống lên men chính, phụ.

- Áp dụng chương trình hướng dẫn vận hành an toàn hệ thống lên men chính, phụ một cách triệt để.

*\*Biện pháp xử lý khi xảy ra sự cố rò rỉ CO<sub>2</sub>:*

Khi xảy ra sự cố rò rỉ CO<sub>2</sub>, Nhà máy thực hiện các bước sơ tán theo quy trình Sơ tán trong tình huống khẩn cấp rò rỉ CO theo các bước thực hiện chính như sau:

- An toàn:

+ Các nhân viên tham gia xử lý phải được trang bị bảo hộ lao động chuyên dùng cho tiếp xúc với CO<sub>2</sub> bao gồm: áo quần bảo hộ chuyên dùng, bình thở và mặt nạ O<sub>2</sub>, ủng chuyên dùng, găng tay chuyên dùng.

+ Các nhân viên không tham gia xử lý phải di chuyển về nơi tập kết theo lối thoát hiểm gần nhất.

- Chuẩn bị:

+ Đặt biển báo “Cấm vào đang rò rỉ CO<sub>2</sub>”

+ Giăng dây cách ly khu vực rò rỉ 30m.

- Tiến trình:

Nhân viên khi phát hiện thấy có rò rỉ CO<sub>2</sub>:

+ Gọi điện thoại hoặc dùng phương tiện nhanh nhất báo cho người có trách nhiệm tại khu vực đó, Trưởng bộ phận hoặc giám đốc nhà máy thông báo khu vực có rò rỉ CO<sub>2</sub> và mức độ nghiêm trọng.

+ Nếu thấy an toàn, cùng tham gia xử lý và giúp đỡ người bị nạn.

+ Nếu ngoài khả năng, hãy lập tức rời khỏi khu vực nguy hiểm để đến vị trí khác an toàn hơn và thông báo cho những người khác gặp trên đường biết.

Giám đốc nhà máy hoặc người được ủy quyền:

+ Giám đốc nhà máy hoặc người được ủy quyền khi nhận được thông báo, nhanh chóng đến ngay khu vực có sự cố.

+ Phát lệnh sơ tán: CỬ NHÂN VIÊN ĐÁNH KÈNG BÁO ĐỘNG SƠ TÁN (3 tiếng kèng liên tiếp nhau cách nhịp, tạo thành một hồi dài khoảng 20 giây) thông báo cho các trưởng bộ phận, cho nhân viên trực tổng đài để loan báo rộng rãi cho tất cả các đơn vị phòng ban biết.

+ Điều khiển công tác sơ tán, cứu chữa, tìm kiếm cứu hộ.

+ Chỉ huy nhân viên bảo vệ hiện trường (kể cả hiện trường triển khai cứu chữa).

+ Lập báo cáo.

+ Tổ chức thu dọn hiện trường ổn định sản xuất.

Đội trưởng/trưởng ca bảo vệ:

+ Khi nghe tín hiệu hoặc điện thoại yêu cầu sơ tán, lập tức xác nhận nơi xảy ra sự cố. Cách ly khu vực, ngăn cản những trường hợp vô phận sự vào khu vực có tình trạng khẩn cấp.

+ Hướng dẫn nhân viên trong ĐỘI CỨU CHỮA bên ngoài (nếu có) tiếp cận khu vực diễn ra sự cố.

+ Hướng dẫn nhân viên và nhà thầu đến khu vực tập kết trật tự và an ninh trên các ngã đường đến khu vực tập kết.

Nhân viên trực tổng đài:

+ Khi nhận được lệnh sơ tán, lập tức báo ngay cho toàn nhân viên sơ tán .

+ Nếu nhận được lệnh yêu cầu hỗ trợ từ các cơ quan chức năng bên ngoài báo cho công an PCCC/lực lượng phản ứng nhanh số điện thoại 3842 330 hoặc 114/113).

+ Báo ngay cho Bác sỹ/ĐỘI SƠ CẤP CỨU và ĐỘI TÌM KIẾM CỨU NẠN. Nếu không liên lạc được với Bác sỹ, phải gọi đến trung tâm cấp cứu y tế công cộng 115.

+ Di chuyển ngay đến điểm tập kết.

Đội sơ tán:

+ Đội trưởng huy động, tập trung lực lượng.

+ Di chuyển đến các ngã đường đến khu vực tập kết để theo dõi tình hình sơ tán.

+ Trợ giúp chỉ huy nhà máy để hỗ trợ việc sơ tán.

+ Báo cho chỉ huy trưởng về bất cứ biến cố nào.

+ Hỗ trợ lực lượng trong ĐỘI CỨU CHỮA & KHẮC PHỤC SỰ CỐ của nhà máy và đội cứu chữa bên ngoài (nếu cần).

+ Ghi lại và lưu giữ báo cáo/biên bản sự cố.

Nhân viên y tế và đội sơ cứu:

+ Lập tức mang theo các thiết bị sơ cứu

+ Lập một trạm y tế dã chiến và thông báo cho các trưởng phòng biết vị trí trạm.

+ Thực hiện sơ cứu. Nếu cần, gọi điện cho Trung tâm cấp cứu công cộng 115.

+ Chuyển người bị thương lên xe cấp cứu (nếu cần).

+ Ghi và lưu lại toàn bộ lý lịch và diễn biến sức khỏe của người bị thương.

Trưởng bộ phận:

- + Thông báo lệnh sơ tán.
- + Hướng dẫn nhân viên mình đến địa điểm tập kết.
- + Điềm danh lần lượt các nhân viên của mình đã đến vị trí tập kết và báo ngay cho Đội trưởng ĐỘI TÌM KIẾM – CỨU NẠN những nhân viên chưa đến được nơi tập để tổ chức tìm kiếm.
- + Khi tình hình khẩn cấp qua đi, hướng dẫn nhân viên của mình về lại vị trí làm việc.

Đội cứu chữa, khắc phục sự cố:

- + Chỉ được tham gia cứu chữa khắc phục sự cố khi nhận được lệnh của Giám đốc nhà máy hoặc người được ủy quyền cho phép.
- + Đội trưởng đội cứu chữa kết hợp với trưởng bộ phận tại khu vực rò rỉ thông báo và huy động nhân viên trong đội:
- + Đến hiện trường và đánh giá tình hình: Bản vẽ thiết kế, sơ đồ công nghệ, xác định vị trí bị sự cố ...
- + Chuẩn bị phương tiện cứu chữa bao gồm: Trang bị đồ bảo hộ chuyên dụng để xử lý rò rỉ CO<sub>2</sub> (quần áo, ủng, mặt nạ và bình dưỡng khí). Các dụng cụ đồ nghề kỹ thuật phục vụ cho việc xử lý sự cố.
- + Sửa chữa, khôi phục những thiết bị, phương tiện hoặc cơ sở hư hỏng.
- Khi có lực lượng chuyên nghiệp đến, Đội trưởng ĐỘI CỨU CHỮA – KHẮC PHỤC SỰ CỐ phải báo cáo lại sự việc với chỉ huy lực lượng chuyên nghiệp về phương pháp và biện pháp cứu chữa.

- Báo cáo cho giám đốc nhà máy về kết quả khắc phục sự cố.

Đội tìm kiếm, cứu nạn:

- Nắm chắc thông tin về nơi xảy ra sự cố.
- Thực hiện tìm kiếm theo thông báo của Giám đốc nhà máy hoặc người được ủy quyền và các trưởng bộ phận.
- Trang bị đồ bảo hộ chuyên dụng để tìm kiếm trong khu vực có rò rỉ CO<sub>2</sub> (quần áo, ủng, mặt nạ và bình dưỡng khí).
- Nỗ lực tìm kiếm và cứu hộ các nạn nhân nhưng vẫn đảm bảo không nguy hiểm đến tính mạng mình.
- Hỗ trợ công tác sơ cứu.
- Chuyển người bị thương đến trạm y tế dã chiến.
- Vị trí tập kết:
  - Là khu vực trước văn phòng hành chính, đây sẽ là điểm tập kết của nhân viên trong công ty. Khu vực này đã được phân định bởi vạch màu vàng, vị trí tập kết chỉ định của từng bộ phận.

- Trình tự thực hiện sơ tán:

- Khi nghe thấy tín hiệu sơ tán phát ra bởi: 3 tiếng keng liên tiếp nhau tạo thành một hồi dài khoảng 30 giây, hoặc hiệu lệnh sơ tán của trưởng bộ phận hoặc người giám sát trực tiếp.

- Ngắt điện tất cả mọi thiết bị, máy móc trong khu vực cần sơ tán.

- Đóng tất cả các cửa sổ (nhưng không khoá).

- Đứng cố mang theo vật dụng cá nhân (giỏ, túi xách).

- Lập tức rời khỏi khu vực làm việc bằng các lối thoát hiểm hoặc bất cứ lối ra gần nhất.

- Khép tất cả cửa ra vào phía sau bạn (nhưng không khoá).

- Đi tới vị trí tập kết và tập trung theo khu vực đã được chỉ định.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các khách hàng, nhà thầu, khách thăm viếng mà bạn cần gặp đến vị trí tập kết.

- Nếu như vị trí tập kết chỉ định không an toàn, bạn sẽ được Đội sơ tán cho biết sẽ đi tới đâu.

- Đứng rời khỏi vị trí tập kết an toàn cho đến khi có thông báo của trưởng bộ phận hoặc giám sát trực tiếp.

### ***3.6.6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ***

*\* Biện pháp phòng ngừa:*

- Xây dựng nội dung, quy trình phòng cháy, chữa cháy và phổ biến đến toàn thể công nhân trong Công ty:

+ Phòng cháy, chữa cháy là trách nhiệm của toàn thể cán bộ công nhân viên;

+ Đối với người được giao trách nhiệm theo dõi công tác phòng cháy, chữa cháy phải có trách nhiệm bảo quản và đặt phương tiện phòng cháy chữa cháy đúng quy định, đảm bảo dễ nhận thấy thuận tiện cho việc sử dụng khi cần thiết;

+ Mọi cán bộ công nhân viên của Công ty phải tham gia luyện tập phòng cháy, chữa cháy;

- Công ty xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy cho các sự cố có thể xảy ra. Thành lập đội PCCC của nhà máy. Trang bị các phương tiện PCCC đủ số lượng và chủng loại các phương tiện PCCC trên cơ sở ý kiến của chuyên gia về PCCC;

- Tổ chức thường xuyên các đợt tập huấn về PCCC cho công nhân viên trong nhà máy mỗi năm;

- Đường nội bộ trong nhà máy đủ rộng để xe cứu hỏa đến được tất cả các phân xưởng, đảm bảo tưới nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể khống chế được bất kỳ lửa phát sinh ở vị trí nào trong Công ty;

- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa được bố trí thật an toàn. Sử dụng các thiết bị điện: dây dẫn, cầu dao, cầu chì, attomat của những hãng có thương hiệu;

- Bố trí bình cứu hỏa cầm tay ở tất cả các hạng mục, công trình trong nhà máy. Bình cứu hỏa phải còn niêm phong kẹp chì và được đặt ở những vị trí thích hợp để thuận tiện cho việc sử dụng;

- Kiểm tra bể nước PCCC đảm bảo lúc nào cũng phải có đầy nước trong bể.

*\* Biện pháp ứng phó:*

Khi phát hiện ra sự cố thì tất cả các cán bộ công nhân viên hay là khách hàng đều phải thông báo:

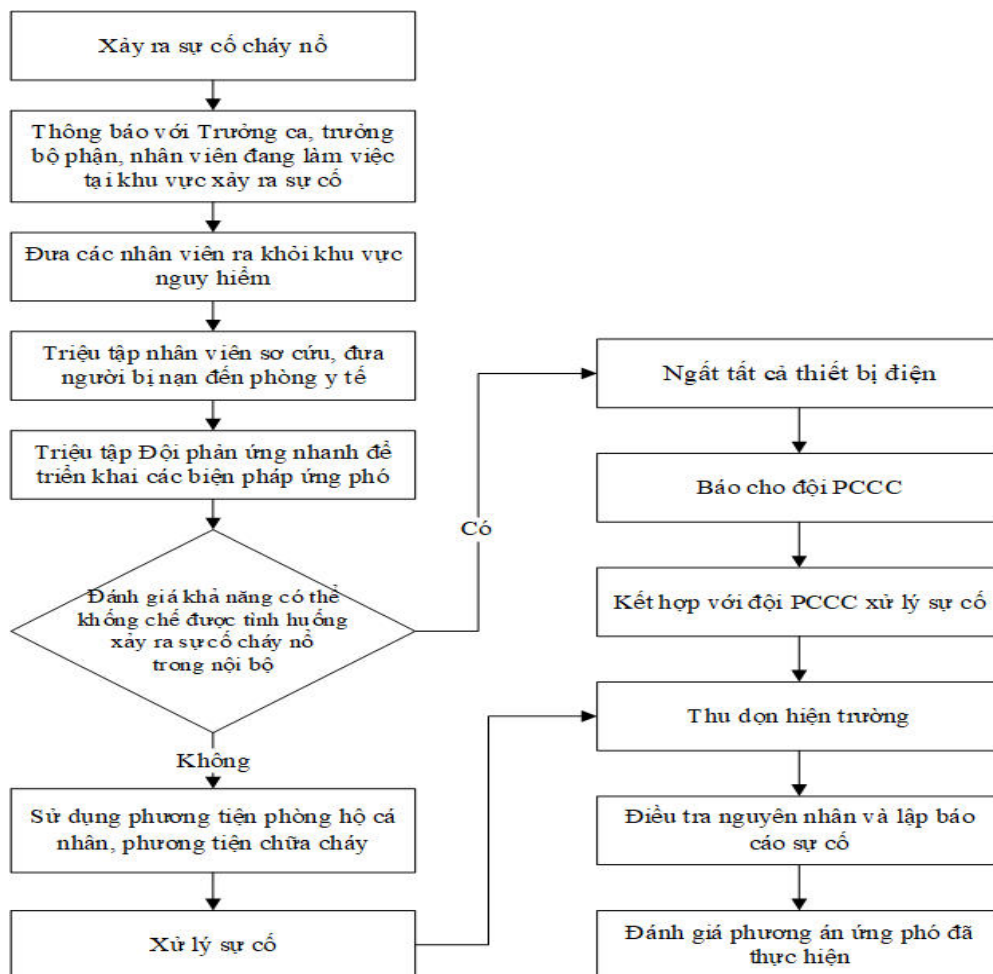
- Ngắt ngay cầu dao điện;

- Báo động bằng bất cứ hình thức nào;

- Di tản tài sản ra ngoài vùng bị cháy;

- Huy động mọi người sử dụng các phương tiện chữa cháy hiện có: bình chữa cháy cầm tay, vòi nước cứu hỏa, cát, ...

- Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ như sau:



Hình 16. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

### **3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:**

\* *Giảm thiểu ảnh hưởng của nhiệt:* Trong các xưởng sản xuất được thiết kế đảm bảo điều kiện vệ sinh công nghiệp, thông thoáng và chế độ vi khí hậu bên trong nhất là tại những vị trí thao tác của công nhân bằng cách lắp đặt quạt thông gió tại vị trí sinh nhiệt.

Trang bị bảo hộ lao động đủ cho công nhân theo chế độ: Mặt nạ, kính, găng tay, quần áo, ủng...

\* *Đảm bảo môi trường vi khí hậu:*

Yếu tố vi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ của cán bộ, công nhân viên trong nhà máy, để giảm nhẹ các chất ô nhiễm gây ra cho con người và môi trường sẽ áp dụng các biện pháp như:

- Nhà máy xây dựng đảm bảo đủ ánh sáng thông thoáng và chống nóng, có thông gió quạt để đảm bảo yếu tố vi khí hậu trong môi trường lao động.

- Vệ sinh công nghiệp Nhà máy, kho bãi sẽ được tăng cường và duy trì thường xuyên hàng ngày.

### **3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:**

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, Công ty đã có thay đổi so với ĐTM và Đề án bảo vệ môi trường đơn giản như sau:

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**

*Bảng 24. Các nội dung thay đổi của Công ty so với ĐTM và Đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã được phê duyệt*

<b>Nội dung</b>	<b>Quyết định phê duyệt ĐTM số 1808/QĐ-TNMT và Giấy xác nhận đăng ký đề án số 311/GXN-UBND</b>	<b>Giấy phép xả thải số 2486/GP-UBND</b>	<b>Nội dung xin cấp phép môi trường</b>	<b>Lý do điều chỉnh</b>
Công suất sản xuất	Sản xuất bia với công suất 5-10 triệu lít/năm	Công suất sản xuất bia trung bình: 3,604 triệu lít/năm.	Sản xuất bia với công suất 5 triệu lít/năm	Hiện nay, thị trường tiêu thụ bia của công ty giảm thiểu đáng kể nên việc sản xuất bia của cơ sở giảm so với trước đây.
Công nghệ sản xuất bia	Gồm các công đoạn chính: Nghiền, ngâm đường hoá, lọc dịch đường, nấu hoa, lọc bã hoa, lắng wirlpool, làm lạnh, lên men chính phụ, lọc bia, nén CO <sub>2</sub> , chiết chai đóng nắp, chiết bom, tiêu thụ	Gồm các công đoạn chính: Nghiền, ngâm đường hoá, lọc dịch đường, nấu hoa, lọc bã hoa, lắng wirlpool, làm lạnh, lên men chính phụ, lọc bia, nén CO <sub>2</sub> , chiết chai đóng nắp, chiết bom, tiêu thụ	Gồm các công đoạn chính: Nghiền, ngâm đường hoá, lọc dịch đường, nấu hoa, lọc bã hoa, lắng wirlpool, làm lạnh, lên men chính phụ, lọc bia, chiết bom, tiêu thụ	Điều chỉnh bỏ công đoạn nén CO <sub>2</sub> , chiết chai đóng nắp do không còn sản xuất bia chai.
Sản phẩm	Bia hơi, bia chai	Bia hơi, bia chai	Bia hơi	Do nhu cầu tiêu thụ bia chai giảm, hiệu quả kinh doanh không cao công ty đã điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, ngừng sản xuất bia chai và chỉ duy trì sản xuất bia hơi.
Hệ thống	01 lò hơi đốt than 1000	-	01 lò hơi đốt than 2000	Điều chỉnh hệ thống lò hơi để phù hợp với nhu cầu sản xuất thực tế, bảo

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**

lò hơi	kg/giờ		kg/giờ	đảm cung cấp hơi ổn định cho quá trình sản xuất.
Hệ thống xử lý nước thải	<p>Trạm xử lý được chia làm 2 giai đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giai đoạn 1 trạm công suất 200 m<sup>3</sup>/ngđ, với quy trình: Nước thải→Bể kỵ khí→ Bể lắng →hệ thống thoát nước thành phố</li> <li>- Giai đoạn 2 công suất 400 m<sup>3</sup>/ngđ: Bổ sung bể Aeroten sau bể kỵ khí</li> </ul>	<p>Đã thực hiện giai đoạn 1, trạm xử lý nước thải công suất 200 m<sup>3</sup>/ngđ, với quy trình: Nước thải→Hố thu (bố trí SCR→ Bể điều hoà→tháp keo tụ - lắng →bể xử lý yếm khí →bể aeroten→tháp lắng thứ cấp→Bể khử trùng → Công thoát nước chung trên đường Minh Cầu</p>	<p>Đã thực hiện giai đoạn 1, trạm xử lý nước thải công suất 200 m<sup>3</sup>/ngđ, với quy trình: Nước thải→Hố thu (bố trí SCR→ Bể điều hoà→tháp keo tụ - lắng →bể xử lý yếm khí →bể aeroten→tháp lắng thứ cấp→Bể khử trùng → Công thoát nước chung trên đường Minh Cầu</p>	<p>Bổ sung một số công trình xử lý so với ĐTM nhằm nâng cao hiệu quả xử lý nước thải, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Nội dung điều chỉnh không làm thay đổi quy mô, công suất hoạt động và không làm gia tăng tác động xấu đến môi trường của dự án; đồng thời hệ thống đã được cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2486/GP-UBND ngày 22/7/2021.</p>
	<p>Công trình xử lý sơ bộ: 01 bể tự hoại 50 m<sup>3</sup> và 01 bể tự hoại 70 m<sup>3</sup></p>	<p>Công trình xử lý sơ bộ: 01 bể tự hoại 30 m<sup>3</sup> và 01 bể tự hoại 15 m<sup>3</sup> và 01 hố ga tách dầu mỡ 1 m<sup>3</sup></p>	<p>Công trình xử lý sơ bộ: 01 bể tự hoại 30 m<sup>3</sup> và 01 bể tự hoại 15 m<sup>3</sup> và 01 hố ga tách dầu mỡ 1 m<sup>3</sup></p>	<p>Điều chỉnh thể tích bể tự hoại phù hợp hơn với số lượng người sử dụng thực tế. Bên cạnh đó, dự án bổ sung hố ga tách dầu mỡ tại khu vực nhà hàng nhằm tăng hiệu quả xử lý sơ bộ, tách dầu mỡ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung. Công trình đã được cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2486/GP-UBND ngày 22/7/2021.</p>

\* **Đánh giá:** Các nội dung điều chỉnh, thay đổi so với ĐTM đã được phê duyệt chỉ mang tính chất thay đổi cục bộ, phù hợp với nhu cầu sản xuất, không làm thay đổi về quy mô, công suất sản xuất, công nghệ sản xuất, không làm gia tăng tác động xấu

đến môi trường. Các nội dung thay đổi thuộc đối tượng quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 37 Luật bảo vệ môi trường 2020, Công ty tự đánh giá tác động môi trường, xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật, tích hợp trong Giấy phép môi trường.

## **Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:**

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:

++ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên trong công ty và khu vực nhà hàng Vicocity.

++ Nguồn số 2: Nước thải từ bếp ăn của nhà hàng Vicocity.

+ Nguồn phát sinh nước thải sản xuất:

++ Nguồn số 3: Nước thải sản xuất từ quá trình rửa sàn, rửa nguyên liệu, bom chứa, thiết bị lọc, nồi nấu, thùng nhân giống, lên men và các thiết bị khác.

++ Nguồn số 4: Nước thải từ xả đáy lò hơi

++ Nguồn số 5: Nước thải từ quá trình làm lạnh (tuần hoàn quay trở lại sản xuất)

Toàn bộ nước thải phát sinh từ nguồn số 1, 2, 3, 4 được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sau đó xả ra 01 cửa xả.

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải của Công ty.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa:  $200 \text{ m}^3/\text{ngày}$  (khoảng  $8,33 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ).

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả thải: Cửa xả nước thải tại trạm xử lý nước thải của Công ty thuộc Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Tọa độ (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến  $106^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^0$ ):  $X = 2388263 \text{ m}$ ;  $Y = 431244 \text{ m}$ .

+ Phương thức xả thải: Tự chảy.

+ Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24 giờ/ngày).

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý tại Trạm xử lý nước thải công suất  $200 \text{ m}^3/\text{ngđ}$  tự chảy vào tuyến cống BTCT D300, chiều dài khoảng 20m, chảy vào tuyến cống thoát nước chung trên đường Minh Cầu và đưa về Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng (được chấp thuận tại văn bản số 205/CTTN-TH ngày 28/03/2026 của Công ty thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và sẽ đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B,  $Kq=0,9$ ,  $Kf=1,1$ ) đến ngày 31/12/2031, cụ thể như sau:

*Bảng 25. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải xin cấp phép theo QCVN 40:2011/BTNMT áp dụng đến hết 31/12/2031*

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2011 (cột B, Kq=0,9, Kf=1,1)
1	pH	-	5,5-9
2	BOD <sub>5</sub> ở (20 °C)	mg/L	49,5
3	COD	mg/L	148,5
4	Chất rắn lơ lửng	mg/L	99
5	Asen	mg/L	0,099
6	Thủy ngân	mg/L	0,0099
7	Chì	mg/L	0,495
8	Cadimi	mg/L	0,099
9	Đồng	mg/L	1,98
10	Kẽm	mg/L	2,97
11	Sắt	mg/L	4,95
12	Sunfua	mg/L	0,495
13	Amoni (tính theo N)	mg/L	9,9
14	Clo dư	mg/L	1,98
15	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	5,94
16	Tổng nitơ	mg/L	39,6
17	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	9,9
18	Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	5000

Trong đó:

+ QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

+ Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

+ Kq = 0,9 áp dụng lưu lượng nguồn tiếp nhận nước thải  $Q \leq 50 \text{ m}^3/\text{s}$

+ Kf = 1,1 áp dụng lưu lượng nguồn thải  $50 < F \leq 500 \text{ m}^3/\text{ngđ.}$

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, Bảng 1 với  $F \leq 2.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ , cột B, Bảng 2), cụ thể như sau:

*Bảng 26. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải xin cấp phép theo QCVN 40:2025/BTNMT*

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2025/BTNMT (Cột B, Bảng 1 với $F \leq 2.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ , cột B, Bảng 2)
1	pH	-	6-9
2	BOD <sub>5</sub> ở (20 °C)	mg/L	$\leq 60$

3	COD	mg/L	≤90
4	Chất rắn lơ lửng	mg/L	≤80
5	Asen	mg/L	≤0,25
6	Thủy ngân	mg/L	≤0,005
7	Chì	mg/L	≤0,5
8	Cadimi	mg/L	≤0,1
9	Đồng	mg/L	≤3,0
10	Kẽm	mg/L	≤5,0
11	Sắt	mg/L	≤10
12	Sunfua	mg/L	≤0,5
13	Amoni (tính theo N)	mg/L	≤10
14	Clo dư	mg/L	≤2.0
15	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	≤14
16	Tổng nitơ	mg/L	≤40
17	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	≤5,0
18	Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	≤5000

Trong đó:

- QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Cột B quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả nước thải ra nguồn nước tiếp nhận có mục đích quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước như Mức B, Bảng 2, Bảng 3 QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp)

#### **4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:**

- Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 1: Bụi, khí thải từ hoạt động của lò hơi đốt than công suất 2 tấn/h.

Bụi, khí thải từ lò hơi được thu gom về hệ thống lọc bụi cyclone với lưu lượng 10.000 m<sup>3</sup>/giờ để xử lý sau đó thải ra môi trường.

- Dòng khí thải: 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của lò hơi

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 10.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Vị trí, phương thức xả khí thải:

## **Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**

+ Vị trí xả thải: Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Tọa độ (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến  $106^{\circ}30'$ , múi chiều  $3^0$ ): X = 2388171 m; Y = 431200 m.

+ Phương thức xả thải: Khí thải sau khi xử lý được hút bởi 01 quạt hút xả ra ngoài môi trường qua 01 ống khói D110 cao 16m ra môi trường khu vực tại số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

+ Chế độ xả: Xả liên tục (24 giờ/ngày).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Chất lượng khí thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B,  $K_p=1$ ,  $K_v=0,8$ ) đến ngày 31/12/2031, cụ thể như sau:

*Bảng 27. Giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải xin cấp phép theo QCVN 19:2009/BTNMT*

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $C_{max}$ với $K_p = 1$ , $K_v = 0,8$
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	160
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	800
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	400
4	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	680

Trong đó:

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

+ Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

+ Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

-  $K_p=1$  lưu lượng nguồn thải nhỏ hơn 20.000 m<sup>3</sup>/h,  $K_v=0,8$  áp dụng cho khu vực đô thị loại 3).

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, áp dụng QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, Bảng 1 và Bảng 2), cụ thể như sau:

*Bảng 28. Giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải xin cấp phép theo QCVN 19:2024/BTNMT*

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2024/BTNMT (cột A, bảng 1, bảng 2)
----	------------------	-------------	--

## Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên

1	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 300
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 250
3	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 250
5	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 40

Trong đó:

- QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột A quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động nằm trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt.

### 4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 1: Tiếng ồn phát sinh từ động cơ máy nghiền gạo

+ Nguồn số 2: Tiếng ồn phát sinh từ động cơ máy nghiền malt

+ Nguồn số 3: Tiếng ồn phát sinh từ quạt hút hệ thống xử lý khí thải lò hơi

+ Nguồn số 4: Tiếng ồn phát sinh từ máy thổi khí của trạm xử lý nước thải

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31/12/2026, cụ thể như sau:

+Tiếng ồn:

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

+ Từ ngày 01/01/2027, tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**

tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

<b>Khu vực bị ảnh hưởng</b>	<b>Khoảng thời gian</b>		
	Ngày (06h00' đến trước 18h00')	Tối (18h00' đến trước 22h00')	Đêm (22h00' đến trước 06h00')
Khu vực E	70	65	60

Ghi chú:

- Khu vực E bao gồm các công trình sau đây:

+ Nhà ga (hàng không, đường thủy, đường sắt), bến xe ô tô, bãi đỗ xe;

+ Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định pháp luật;

+ Các công trình quốc phòng, an ninh mà không sử dụng theo các mục đích tương đương với các công trình tại các khu vực A, B, C, D;

+ Các công trình khác.

+ Độ rung:

<b>Khu vực bị ảnh hưởng</b>	<b>Khoảng thời gian</b>	
	Ngày (06h00' đến trước 22h00')	Đêm (22h00' đến trước 06h00')
Khu vực D	75	70

Ghi chú:

- Khu vực D bao gồm các công trình sau đây:

+ Nhà ga (hàng không, đường thủy, đường sắt), bến xe ô tô, bãi đỗ xe;

+ Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định pháp luật;

+ Các công trình quốc phòng, an ninh mà không sử dụng theo các mục đích tương đương với các công trình tại các khu vực A, B, C, D;

+ Các công trình khác.

## **Chương V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

### **5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:**

*\* Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của mở:* Trong thời gian qua Công ty đã tích cực, chủ động thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Các thủ tục, hồ sơ về môi trường đã thực hiện:

+ Quyết định số 1808/QĐ –TNMT ngày 16 tháng 09 năm 2004 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bia công suất 5-10 triệu lít/năm của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên.

+ Giấy xác nhận số 311/GXN-UBND ngày 16/9/2014 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản của nhà hàng Vicocity-Chi nhánh giới thiệu sản phẩm Vicocity tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2486/GP-UBND ngày 22/7/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên (thời hạn 05 năm)

+ Thực hiện quan trắc giám sát môi trường định kỳ hàng năm.

+ Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi.

- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện:

(1) Thực hiện tách riêng nước mưa, nước thải. Đầu tư trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày duy trì hoạt động ổn định cho đến nay.

(2) Về bụi, khí thải: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi được xử lý qua hệ thống cyclone lưu lượng 10.000 m<sup>3</sup>/giờ.

(3) Thực hiện quản lý, phân loại, thu gom các loại chất thải nguy hại, sinh hoạt theo đúng quy định: Có điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt 15m<sup>2</sup> kho chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích 12m<sup>2</sup>, có các thùng chứa riêng biệt, hợp đồng với đơn vị chức năng đi xử lý.

(4) Thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy theo quy định.

*\* Các vấn đề liên quan đến môi trường đã gửi cơ quan có thẩm quyền:* không có

**5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:**

- Nước thải của Công ty được xử lý qua bể tự hoại, hồ ga tách dầu mỡ sau đó được đưa về trạm xử lý nước thải công suất 200 m<sup>3</sup>/ngđ. Theo chương trình quan trắc môi trường được phê duyệt, Công ty thực hiện quan trắc chất lượng môi trường định kỳ với tần suất 1 lần/năm, kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2025, 2026 như sau:

*Bảng 29. Kết quả quan trắc định kỳ chất lượng nước thải trước và sau xử lý năm 2025, năm 2026*

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	NT trước xử lý		NT sau xử lý		QCVN 40:2011 BTNMT (Cột B, Kq=0,9;Kf=1,1)
			Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	
1	pH	-	6,8	7,3	7	7,2	5,5-9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	315,3	192,16	40,21	28,36	49,5
3	COD	mg/L	621,4	365,4	79,01	57,2	148,5
4	TSS	mg/L	108,6	1277,5	102,8	<10	99
5	As	mg/L	0,0042	0,0034	0,0064	0,0053	0,099
6	Hg	mg/L	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	0,0099
7	Pb	mg/L	<0,002	0,002	<0,002	0,0034	0,495
8	Cd	mg/L	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	0,099
9	Cu	mg/L	0,0064	0,004	0,0066	0,0083	1,98
10	Zn	mg/L	<0,01	0,028	<0,01	<0,01	2,97
11	Fe	mg/L	1,17	3,359	0,441	0,301	4,95
12	S <sup>2-</sup>	mg/L	<0,05	<0,05	<0,05	<0,05	0,495
13	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N	mg/L	2,8	46,5	<1,5	1,7	9,9
14	Clo dư	mg/L	<1	<1	<1	<1	1,98
15	Tổng P	mg/L	0,63	10,14	2,29	4,11	5,94
16	Tổng N	mg/L	50,4	51,52	16,8	24,08	39,6
17	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	<2,5	<2,5	<2,5	2,67	9,9
18	Coliform	MPN/100ml	1100	4300	KPH	KPH	5000

**Ghi chú:**

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Giá trị sau dấu “<” thể hiện giới hạn định lượng của phương pháp.
- Dấu (-) là không quy định.
- QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- Kq = 0,9 áp dụng lưu lượng nguồn tiếp nhận nước thải  $Q \leq 50 \text{ m}^3/\text{s}$
- Kf = 1,1 áp dụng lưu lượng nguồn thải  $50 < F \leq 500 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ .

**Nhận xét:** Kết quả quan trắc nước thải năm 2025 và 2026 của Công ty cho thấy nước thải đầu vào có đặc trưng hàm lượng BOD và COD tương đối cao. Tuy nhiên, sau xử lý, hầu hết các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong giới hạn cho

phép theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B,  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,1$ ). Riêng chỉ tiêu TSS trong năm 2025 vượt quy chuẩn không đáng kể, với giá trị vượt 1,04 lần. Ngay sau khi phát hiện, cơ sở đã tiến hành kiểm tra, rà soát hệ thống xử lý nước thải và thực hiện các biện pháp khắc phục như tăng cường xả bùn định kỳ, kiểm tra và điều chỉnh quá trình lắng, đồng thời tối ưu lượng hóa chất sử dụng nhằm nâng cao hiệu quả xử lý. Sau khi áp dụng các biện pháp trên, chất lượng nước thải đầu ra đã được cải thiện, chỉ tiêu TSS giảm và cơ sở tiếp tục duy trì công tác vận hành, theo dõi hệ thống theo đúng quy trình.

### **5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải:**

- Hiện nay công trình xử lý khí thải của Công ty gồm 01 hệ thống xử lý khí, bụi cyclone với lưu lượng 10.000 m<sup>3</sup>/h, không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ. Để kiểm soát chất lượng không khí môi trường khu vực Công ty đã tiến hành quan trắc không khí tại 4 khu vực, kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí năm 2025, 2026 của Công ty như sau:

#### **\*Tại khu vực lò hơi**

*Bảng 30. Bảng kết quả đo, phân tích các chỉ tiêu tại khu vực lò hơi*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2026	QCVN 02:2019/BYT QCVN 03:2019/BYT QCVN 24:2019/BYT
1	Bụi TSP	µg/Nm <sup>3</sup>	74	108	-
2	CO	µg/Nm <sup>3</sup>	<15000	<15000	40000
3	NO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	<80	<80	10000
4	SO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	<45	<45	10000
5	Tiếng ồn	dBA	61,3	60,5	85

#### **\*Tại khu vực xưởng nấu bia**

*Bảng 31. Bảng kết quả đo, phân tích các chỉ tiêu tại khu vực xưởng nấu bia*

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2026	QCVN 02:2019/BYT QCVN 03:2019/BYT QCVN 24:2019/BYT
1	Bụi TSP	µg/Nm <sup>3</sup>	69	101	-
2	CO	µg/Nm <sup>3</sup>	<15000	<15000	40000
3	NO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	<80	<80	10000
4	SO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	<45	<45	10000
5	Tiếng ồn	dBA	61,6	61,3	85

#### **\*Tại khu vực ủ và lên men bia.**

*Bảng 32. Bảng kết quả đo, phân tích các chỉ tiêu tại khu vực xưởng nấu bia*

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2026	QCVN 02:2019/BYT QCVN 03:2019/BYT QCVN 24:2019/BYT
1	Bụi TSP	µg/Nm <sup>3</sup>	64	104	-
2	CO	µg/Nm <sup>3</sup>	<15000	<15000	40000
3	NO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	<80	<80	10000
4	SO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	<45	<45	10000

## Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên

5	Tiếng ồn	dBA	62,8	60,7	85
---	----------	-----	------	------	----

### \* **Ghi chú:**

- Giá trị sau dấu < thể hiện giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 02:2019/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi
- QCVN 03:2019/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hoá học tại nơi làm việc
- QCVN 24:2019/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn- mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

\* **Nhận xét:** Kết quả quan trắc môi trường không khí năm 2025 và 2026 cho thấy các thông số được theo dõi đều đạt quy chuẩn cho phép, phản ánh chất lượng môi trường không khí tại khu vực sản xuất tương đối tốt và ổn định.

### \* **Tại khu vực văn phòng**

*Bảng 33. Bảng kết quả đo, phân tích các chỉ tiêu tại khu vực văn phòng*

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2026	QCVN 05:2023/BTNMT QCVN 26:2010/BTNMT
1	Bụi TSP	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	78	71	300
2	CO	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<15000	<15000	30000
3	NO <sub>2</sub>	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<80	<80	200
4	SO <sub>2</sub> (*)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<45	<45	350
5	Tiếng ồn	dBA	60,3	59,2	70

### \* **Ghi chú:**

- Giá trị sau dấu < thể hiện giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 05:2023/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- QCVN 26:2010/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

\* **Nhận xét:** Từ bảng tổng hợp kết quả quan trắc không khí năm 2025 và 2026 khu vực văn phòng cho thấy các chỉ tiêu quan trắc không khí đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn.

## 5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:

Hoạt động của mỏ có 3 nguồn chất thải rắn chủ yếu: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất và chất thải nguy hại. Các loại chất thải hiện tại đều được phân loại và hợp đồng với các đơn vị vận chuyển thu gom và xử lý. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải năm 2024, 2025 cụ thể như sau:

*Bảng 34. Khối lượng chất thải chuyển giao xử lý năm 2024, 2025*

STT	Chất thải	Đơn vị	Khối lượng phát sinh, chuyển giao		Tổ chức tiếp nhận
			2024	2025	
<b>I</b>	<b>Chất thải rắn sản xuất thông thường</b>	<b>Kg/năm</b>	188.450	221.500	
1	Bã hèm, bã hoa, men bia	Kg/năm	180.000	200.000	Ông Lê Văn Khản

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**

2	Tro, bụi thải	Kg/năm	8.000	9.000	Người dân có nhu cầu
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	Kg/năm	-	10.000	Công ty CP môi trường và công trình đô thị Thái Nguyên
4	Bùn bề tự hoại	Kg/năm	-	2.000	
5	Vỏ chai, lon hỏng, vỏ thùng carton hỏng, bao gạo, ...	Kg/năm	450	500	
<b>II</b>	<b>Chất thải rắn sinh hoạt</b>	<b>Tấn/năm</b>	<b>25</b>	<b>25</b>	
<b>III</b>	<b>Chất thải nguy hại</b>	<b>Kg/năm</b>	<b>355</b>	<b>360</b>	
<b>1</b>	Các loại dầu thải khác	Kg/năm	350	350	Công ty TNHH môi trường Sông Công
<b>2</b>	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Kg/năm	05	10	

**5.5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:****5.5.1. Các cuộc thanh kiểm tra tại cơ sở**

Trong thời gian hoạt động, nhà máy luôn chấp hành đầy đủ các yêu cầu về công tác bảo vệ môi trường. Trong thời gian 2 năm gần đây, Công ty chỉ có 01 cuộc kiểm tra về môi trường, cụ thể như sau:

- Cuộc kiểm tra ngày 20/10/2025 theo Quyết định số 680/QĐ-KT ngày 20/10/2025 của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, về việc kiểm tra chất hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm. Trong đó nêu các nội dung có dấu hiệu vi phạm quy định về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm quy định tại Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 05/9/2018 của Chính phủ, cụ thể như sau:

+ Không thực hiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải trong phạm vi của cơ sở sản xuất theo quy định của pháp luật ;

+ Tường, trần, nền nhà khu vực sản xuất, kinh doanh, kho bảo quản bị thấm nước, rạn nứt, ẩm mốc.

- Theo kết luận kiểm tra ngày 20/11/2025, Công ty đã tiến hành cho vệ sinh lại khu vực xưởng sản xuất cũng như lăn sơn chống mốc và hiện tại đã hoàn thành vào ngày 30/10/2025. Do đó không tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi tường trần, nền nhà khu vực sản xuất của Công ty có hiện tượng bị thấm nước, ẩm mốc.

- Đối với hành vi vi phạm không thực hiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải theo quy định Công ty đã nhận Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 883/QĐ-XPHC ngày 23/11/2025.

**5.5.1. Các nội dung giải trình, khắc phục các vấn đề tồn tại, vi phạm về môi trường.**

*\* Về việc thực hiện khắc phục các hành vi theo Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 883/QĐ-XPHC ngày 23/11/2025:*

+ Công ty đã thực hiện nghĩa vụ tài chính: nộp phạt với tổng số tiền là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng).

+ Đã triển khai các biện pháp khắc phục như sau: Bố trí khu vực lưu chứa chất thải rắn, thực hiện thu gom, lưu giữ chất thải, rác thải theo đúng quy định.

## **Chương VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

### **6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:**

- Đối với nước thải: Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và khoản 1 điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

- Đối với khí thải: Hệ thống lọc bụi lưu lượng 10.000 m<sup>3</sup>/h không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và khoản 1 điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

### **6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.**

#### **6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:**

- Quan trắc nước thải: Công ty có 01 trạm xử lý nước thải công suất 200 m<sup>3</sup>/ngđ. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và mục 2 Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ Công ty không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: Công ty có 01 hệ thống xử lý khí, bụi thải có lưu lượng 10.000m<sup>3</sup>/giờ, do đó không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải công nghiệp định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và mục 9 Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi khoản 56 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính Phủ.

#### **6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:**

- Quan trắc nước thải: Công ty có 01 trạm xử lý nước thải công suất 200 m<sup>3</sup>/ngđ. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và mục 2 Phụ lục XXVIII Phụ lục kèm theo Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ Công ty không thuộc đối tượng phải quan trắc quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: Công ty có 01 hệ thống xử lý khí, bụi thải có lưu lượng 10.000m<sup>3</sup>/giờ, do đó không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải công nghiệp tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và mục 9 Phụ lục

XXIX Phụ lục kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi bổ sung bởi khoản 56 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính Phủ.

**6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.**

Nhằm giám sát hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải, Công ty xin đề xuất thực hiện quan trắc nước thải sau xử lý theo chương trình sau:

*Bảng 35. Chương trình giám sát môi trường của Công ty*

<b>Loại mẫu</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Số lượng mẫu</b>	<b>Tần suất giám sát</b>	<b>Chỉ tiêu giám sát</b>	<b>Quy chuẩn so sánh</b>
Nước thải	Nước thải sau xử lý của hệ thống XLNT	01	1 lần/năm	pH, BOD <sub>5</sub> , COD, TSS, As, Hg, Pb, Cd, Cu, Zn, Fe, S <sub>2</sub> <sup>-</sup> , NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N, Clo dư, Tổng P, Tổng N, Tổng dầu mỡ, khoáng Coliform	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, hệ số K <sub>q</sub> =0,9; K <sub>f</sub> =1,1) Từ ngày 01/01/2032, QCVN 40:2025/BTNMT (cột B, Bảng 1 với F ≤ 2.000m <sup>3</sup> /ngày, cột B, Bảng 2),

### **6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm**

Ước tính kinh phí giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành của Công ty khoảng 10 triệu đồng/năm.

**CHƯƠNG VII. NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG  
TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ  
THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH**

Dự án không thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

## **Chương VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

### **Chủ dự án cam kết:**

#### **1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường**

Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên cam kết các thông tin trong hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

#### **2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan**

- Cam kết thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật môi trường:

+ Thu gom xử lý toàn bộ nước thải phát sinh về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý trước đầu nối vào tuyến cống thoát nước chung trên đường Minh Cầu, sau đó được đưa về Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng. Nước thải sau xử lý sẽ đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B,  $K_q=0,9$ ,  $K_f=1,1$ ) đến ngày 31/12/2031, đạt cột B – QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp từ ngày 1/1/2032.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B,  $K_p=1$ ,  $K_v=0,8$ ) đến ngày 31/12/203, đạt cột A QCVN 19:2024/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp từ ngày 1/1/2032.

- Cam kết quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu đảm bảo tiếng ồn, độ rung đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31/12/2026, đạt QCVN

26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung từ ngày 01/01/2027.

- Cam kết thực hiện vận hành thường xuyên, bảo trì bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải đảm bảo hiệu quả.

- Cam kết tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

### **3. Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường**

- Cam kết không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn vào nguồn tiếp nhận. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý phòng chống ngập lụt khu vực xung quanh dự án; giám sát các nhà đầu tư các công trình trong khuôn khổ dự án thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định.

- Cam kết thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, trong suốt quá trình hoạt động của dự án như đã trình bày trong báo cáo.

- Cam kết chủ động thực hiện các biện pháp giám sát đối với nước thải, đảm bảo nước thải xử lý đạt quy chuẩn so sánh trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Cam kết thực hiện lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12) gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Cam kết chịu trách nhiệm, thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do hoạt động của dự án gây ra.

- Cam kết điểm xả nước thải có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

- Cam kết có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành Trạm XLNT; ghi chép, lưu giữ đầy đủ số liệu, dữ liệu theo quy định.



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 4600307512**

*Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 01 năm 2003*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 09 tháng 03 năm 2026*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THÁI NGUYÊN**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số 158, Đường Minh Cầu, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

Điện thoại: 02083.856.452

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

**3. Vốn điều lệ: 4.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Bốn tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 40.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ, chữ đệm và tên: **NGUYỄN VĂN DŨNG**

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *01/05/1959*

*Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *030059012871*

Chức danh: **Giám đốc**

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 18, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Ninh Văn Đức**

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 03 năm 2026



**GIẤY XÁC NHẬN**  
Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Tỉnh Thái Nguyên  
Địa chỉ trụ sở: Số 16A đường Nha Trang, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: 0208 385 4237

Số Fax:

Thư điện tử: [dkkd.thainguyen@gmail.com](mailto:dkkd.thainguyen@gmail.com)

Website:

**Xác nhận:**

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THÁI NGUYÊN

Mã số doanh nghiệp: 4600307512

**Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.**

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
2	Sản xuất rượu vang	1102
3	Sản xuất bia	1103(Chính)
4	Sản xuất mạch nha ủ men bia	1104
5	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1105
6	Bán buôn đồ uống	4633
7	Bán buôn thực phẩm	4632
8	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
9	Bán lẻ lương thực	4721
10	Bán lẻ thực phẩm	4722
11	Bán lẻ đồ uống	4723
12	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
13	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
14	Dịch vụ ăn uống khác	5629
15	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
16	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510



STT	Tên ngành	Mã ngành
17	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520
18	Cơ sở lưu trú khác	5590
19	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
20	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
21	Bốc xếp hàng hóa	5224
22	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn than các loại - Bán buôn xăng, dầu, khí gas	4671
23	Bán lẻ nhiên liệu động cơ Chi tiết: Bán lẻ xăng, dầu	4730
24	Xây dựng nhà để ở	4101
25	Xây dựng nhà không để ở	4102
26	Xây dựng công trình đường bộ	4212
27	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp	4299
28	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
29	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4724
30	Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp và các hoạt động làm đẹp khác	9622
31	Dịch vụ spa và xông hơi	9623
32	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4661
33	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4662
34	Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác	4781
35	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	9531
36	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
37	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động của các trạm sạc, dịch vụ trạm sạc - Dịch vụ hỗ trợ trạm sạc điện lưu động, cứu hộ - Hoạt động quản lý, trông giữ tại các bãi, điểm đỗ ô tô, xe máy, các phương tiện đường bộ khác.	5225
38	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống trạm sạc điện	4321
39	Cho thuê xe có động cơ	7710
40	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
41	Truyền tải và phân phối điện	3513
42	Giáo dục tiểu học	8521
43	Giáo dục trung học cơ sở	8522
44	Giáo dục trung học phổ thông	8523
45	Đào tạo sơ cấp	8531
46	Đào tạo trung cấp	8532

STT	Tên ngành	Mã ngành
47	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Bán buôn nguyên liệu sản xuất bia	4679
48	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

**Thông tin đăng ký thuế:**

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): NGUYỄN VĂN DŨNG Điện thoại: 0913.286.262
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: TRẦN THỊ PHƯƠNG Điện thoại: 0912.348.398
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số 158, Đường Minh Cầu, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam Điện thoại: 02083.856.452 Fax: Email:
4	Hình thức hạch toán: <i>Hạch toán độc lập</i>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12
6	Tổng số lao động: 52
7	Phương pháp tính thuế GTGT:

**Nơi nhận:**

-CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THÁI NGUYÊN. Địa chỉ: Số 158, Đường Minh Cầu, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

- Lưu: Nguyễn Thế Lâm.....

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Ninh Văn Đức**



**QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH HĐQT - GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THÁI NGUYÊN  
" V/V Phê duyệt dự toán đầu tư "  
( Dây chuyền sản xuất bia công suất từ 5 đến 10 triệu lít/năm )**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số:13/1999/QH 10 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/06/1999.  
Căn cứ Nghị quyết của HĐQT tại phiên họp thứ V ngày 12/10/2003.  
Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường họp ngày 26/10/2003.  
Căn cứ dự toán các danh mục thiết bị do Công ty Cơ Nhiệt Điện lạnh Bách khoa Hà Nội ( POLYCO ) lập năm 2003 và dự toán thiết kế của Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thái Nguyên lập tháng 02/2004.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều I :** Nay phê duyệt dự toán đầu tư dây chuyền sản xuất bia, công suất từ 5 đến 10 triệu lít/năm.

Tổng giá trị dự toán

**14 992 573 501 đồng.**

Trong đó :

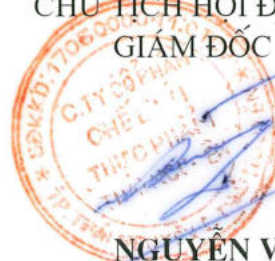
- |  |                      |
|--|----------------------|
| - Thiết bị ( Giá đã có thuế GTGT )                 | 9 4 87 800 000 đồng. |
| - Giá trị xây lắp                                  | 1 174 773 501 đồng.  |
| - Sử lý Nước thải                                  | 1 500 000 000 đồng.  |
| - Mua sắm dụng cụ chứa đựng và phương tiện vận tải | 2 500 000 000 đồng.  |
| - Kiến thiết cơ bản khác                           | 330 000 000 đồng.    |

**Điều II :** Cơ cấu vốn .

- |   |                     |
|---|---------------------|
| - Vốn vay ngân hàng Đầu tư và phát triển Thái Nguyên                  | 4 700 000 000 đồng. |
| - Vốn vay Ngân hàng Nông nghiệp và PT Nông thôn Thành phố Thái Nguyên | 2 000 000 000 đồng. |
| - Vốn tự có và vay huy động khác                                      | 8 292 573 501 đồng. |

**Điều III :** Các ông, bà trong HĐQT, trưởng các bộ phận quản lý tổng hợp, các bộ phận chức năng chiếu quyết định thi hành.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



NGUYỄN VĂN DŨNG

Số: 1808 /QĐ-TNMT

Thái Nguyên ngày 16 tháng 9 năm 2004

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CỦA GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI NGUYÊN**  
về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bia công suất 5 – 10 triệu lít/năm  
của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

- lưu
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường.
  - Căn cứ Nghị định 175/CP ngày 18/10/1994 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường
  - Căn cứ Thông tư 490/1998/TT-BKHCNMT ngày 29/4/1998 của Bộ KHCN&MT về hướng dẫn lập và thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án xin cấp giấy phép đầu tư.
  - Căn cứ Quyết định số 1599/QĐ-TNMT ngày 06/8/2004 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Nguyên về việc thành lập hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bia công suất từ 5 – 10 triệu lít/năm.
  - Xét đơn xin thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bia công suất 5 – 10 triệu lít/năm của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên.
  - Căn cứ kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bia công suất 5 – 10 triệu lít/năm ngày 06/9/2004.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê chuẩn nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bia công suất 5 – 10 triệu lít/năm của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên tại SN 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 06/09/2004 và những nội dung đã được bổ xung theo yêu cầu.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã nêu trong "Báo cáo đánh giá tác động môi trường", "Báo cáo nghiên cứu khả thi" của dự án và các yêu cầu bắt buộc sau:

+ Phải hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường trước khi đưa dự án vào sử dụng và phải được cơ quan quản lý môi trường kiểm tra xem xét các điều kiện an toàn về môi trường. Đặc biệt phải hoàn thành hệ thống thu gom và xử lý nước thải trước khi vận hành dây chuyền sản xuất.

+ Thực hiện đầy đủ các giải pháp về bảo vệ môi trường, các cam kết về bảo vệ môi trường như đã nêu trong hồ sơ của Báo cáo đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý môi trường, đảm bảo không gây ra những tác động xấu ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình hoạt động của dự án.

+ Có kế hoạch theo dõi, giám sát, quan trắc các chỉ tiêu môi trường, kiểm soát được các yếu tố gây ô nhiễm theo đúng định kỳ như kế hoạch đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nhằm kiểm soát chặt chẽ nguồn thải và có biện pháp xử lý kịp thời bằng các biện pháp hóa học, sinh học... đảm bảo đủ tiêu chuẩn thải ra môi trường. Định kỳ hàng năm nộp Báo cáo về công tác bảo vệ môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước 30/11. Sáu tháng sau khi đi vào sản xuất, Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên phải kiểm soát ô nhiễm lần 1 và nộp báo cáo cho cơ quan quản lý môi trường.

+ Có biện pháp xử lý kịp thời các sự cố gây ô nhiễm môi trường và báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Chịu trách nhiệm đền bù và giải quyết hậu quả các sự cố gây ô nhiễm môi trường do quá trình sản xuất gây ra.

+ Cơ sở có trách nhiệm bảo quản cẩn thận hồ sơ thẩm định và xuất trình đầy đủ khi có yêu cầu thanh, kiểm tra về môi trường

+ Khi cần phải thay đổi các nội dung hoạt động khác với các nội dung nêu trong hồ sơ đã trình duyệt cần phải báo cáo với Sở Tài nguyên và môi trường Thái Nguyên và chỉ được thay đổi khi được sự đồng ý bằng văn bản của Sở.

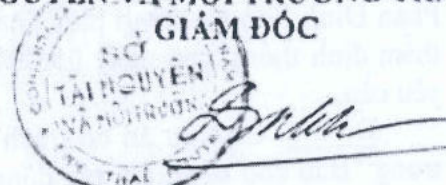
**Điều 3.** Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Chủ dự án.

**Điều 4.** Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình kể cả công trình về bảo vệ môi trường Chủ dự án phải có báo cáo bằng văn bản gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Nguyên theo đúng quy định để kiểm tra, xem xét việc chấp hành các cam kết, các yêu cầu quy định về bảo vệ môi trường của Chủ dự án.

Nơi nhận:

- Công ty CP chế biến thực phẩm Thái Nguyên
- Lưu VT, MTg

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI NGUYÊN



Dương Văn Khanh

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 311/GXN-UBND

TP. Thái Nguyên, ngày 16 tháng 9 năm 2014

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ**  
**ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƠN GIẢN**  
**Của Nhà hàng Vicocity - Chi nhánh giới thiệu sản phẩm Vicocity**  
**tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND&UBND năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường; Nghị định 35/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 29/2011/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản; Thông tư số 22/2014/TT-BTNMT ngày 05/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định và hướng dẫn thi hành Nghị định số 35/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường đơn giản của Nhà hàng Vicocity tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên và văn bản đề nghị xác nhận đăng ký số 135/VC ngày 21/8/2014 của Chi nhánh giới thiệu sản phẩm Vicocity kèm theo Tờ trình số 936/TTr-TNMT ngày 05/9/2014 của phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thái Nguyên,

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

**XÁC NHẬN:**

**Điều 1.** Bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản (sau đây gọi là Đề án) của Nhà hàng Vicocity - Chi nhánh giới thiệu sản phẩm Vicocity lập (sau đây gọi là Chủ cơ sở) đã được đăng ký tại UBND thành phố Thái Nguyên.

**Điều 2. Chủ cơ sở có trách nhiệm:**

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường đề ra trong đề án; đảm bảo các chất thải và các vấn đề môi trường khác được quản lý, xử lý đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.2. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.3. Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác.

**Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.** *Jun*

**Nơi nhận:**

- Chủ cơ sở;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND phường Phan Đình Phùng;
- Lưu VT, TNM *LD*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Mad*  
Lê Quang Tiến

Số: 2486 /GP-UBND

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 7 năm 2021

**GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;*

*Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;*

*Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 379/TTr-STNMT ngày 30/6/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên, địa chỉ tại tổ 13, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên được xả nước thải đã qua xử lý vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc tổ 13, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Vị trí xả nước thải: Tổ 13, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Tọa độ vị trí xả nước thải theo hệ tọa độ Quốc gia VN 2000 (Kinh tuyến trực là  $106^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ):  $X = 2388263$  m;  $Y = 431244$  m.

3. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý theo đường cống bê tông chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực theo phương thức tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24 giờ/ngày đêm).
5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 200,0 m<sup>3</sup>/ngày đêm; 8,3 m<sup>3</sup>/giờ.
6. Chất lượng nước thải: Giá trị các thông số ô nhiễm được phép xả vào nguồn nước không vượt quá giá trị quy định tại cột B của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn Quốc gia về nước thải công nghiệp, với hệ số K<sub>q</sub> = 0,9; K<sub>f</sub> = 1,1. Trong đó giá trị các thông số ô nhiễm đặc trưng được quy định ở bảng 1.

Bảng 1. Giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải trước khi xả

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, hệ số K <sub>q</sub> =0,9; K <sub>f</sub> =1,1)
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD	mg/l	49,5
3	COD	mg/l	148,5
4	TSS	mg/l	99
5	Cu	mg/l	1,98
6	Zn	mg/l	2,97
7	Fe	mg/l	4,95
8	S <sup>2-</sup>	mg/l	0,495
9	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N	mg/l	9,9
10	Tổng N	mg/l	39,6
11	Tổng P	mg/l	5,94
12	Clo dư	mg/l	1,98
13	Dầu mỡ	mg/l	9,9
14	Coliform	MNP/100ml	5000

7. Thời hạn cấp giấy phép: 05 (năm) năm, kể từ ngày ký Giấy phép.

**Điều 2.** Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Tài nguyên nước.
3. Thực hiện quan trắc chất lượng nước thải trước khi vào hệ thống xử lý, quan trắc lưu lượng và chất lượng nước thải sau khi qua hệ thống xử lý với các thông số quan trắc quy định tại Bảng 1, khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này; tần suất quan trắc 03 tháng/01 lần; quan trắc lưu lượng nước thải: hàng ngày.
4. Thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận; thực hiện đúng các biện pháp, kế hoạch giảm thiểu ô nhiễm, khắc phục sự cố và các cam kết như đã nêu

trong hồ sơ đề nghị cấp phép. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

5. Hàng năm, trước 30 tháng 01, tổng hợp báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

**Điều 3.** Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi ngày (90) trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. / *sm*

**Nơi nhận:**

- Công ty CP Chế biến thực phẩm Thái Nguyên;
- Cục quản lý tài nguyên nước;
- Sở TN&MT;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND thành phố Thái Nguyên;
- LĐVP: đ/c Tôn;
- Lưu: HS, VT, CNN&XD.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Quang Tiên**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1327/GP-UBND

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 6 năm 2024

## GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số Điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên ngày 05/6/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 311/TTr-STNMT ngày 13/6/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cho phép Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên, địa chỉ tại số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Phục vụ sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh dịch vụ (nhà hàng ăn uống, giới thiệu sản phẩm)

2. Vị trí công trình khai thác: Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Triat thượng (t<sub>3</sub>).

4. Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt: Bán kính 20m tính từ miệng giếng các giếng khoan.

5. Số giếng khai thác nước dưới đất: 01 giếng khoan.
6. Tổng lượng nước khai thác: 60 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
7. Chế độ khai thác: 365 ngày/năm.
8. Thời hạn của giấy phép là: Mười (10) năm, kể từ ngày 05/6/2024.

Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Tọa độ (Hệ VN2000, Kinh tuyến trục 106°30' múi chiều 3°)		Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y		Từ	Đến		
GKKT	2388132	431217	60	42,5	74,5	26,5	t <sub>3</sub>

(Có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

**Điều 2.** Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên có trách nhiệm:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.
2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định.
3. Thiết lập ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình trên thực địa.
4. Bảo vệ nguồn nước do mình trực tiếp khai thác, sử dụng; theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình. Trường hợp phát hiện hành vi gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác nước của công trình và các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước khác trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác thì phải kịp thời ngăn chặn, đồng thời báo cáo ngay đến chính quyền địa phương nơi gần nhất để xử lý.
5. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.
6. Thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước.
7. Hằng năm, trước ngày 30 tháng 01, tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại khoản 2 Điều này.
8. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường.
9. Thực hiện các cam kết của Công ty trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất. Trường hợp Công ty không thực hiện đầy đủ sẽ bị thu hồi Giấy phép và xử lý theo quy định của pháp luật.

10. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường xảy ra liên quan đến hoạt động khai thác nước dưới đất như sụt lún mặt đất, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

**Điều 3.** Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên nước dùng chung của trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

**Điều 4.** Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Giấy phép có hiệu lực từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên còn nhu cầu khai thác, sử dụng nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục xin gia hạn giấy phép theo quy định; nếu không có nhu cầu khai thác, sử dụng giếng khoan phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định. / *QU*

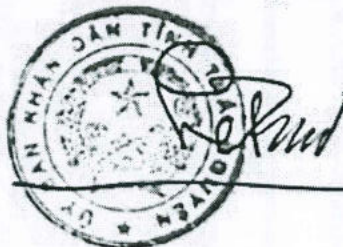
**Nơi nhận:**

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên;
- UBND thành phố Thái Nguyên;
- Cty CP Chế biến thực phẩm Thái Nguyên;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNNXD.

*Manhpn/6/2024*

*Mh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

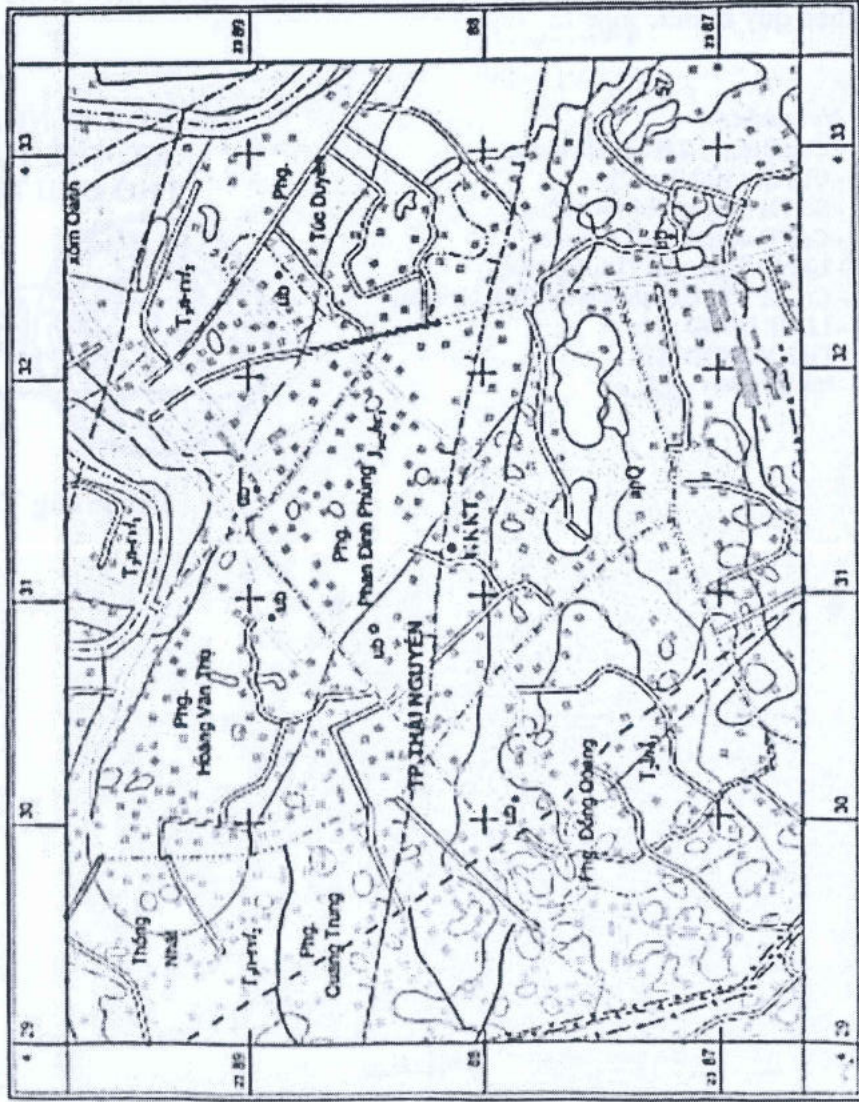


**Lê Quang Tiến**



**SƠ ĐỒ KHU VỰC VÀ VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC**  
**CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THÁI NGUYÊN**

**VỊ TRÍ: SỐ 158, ĐƯỜNG MINH CẦU, PHƯỜNG PHAN ĐÌNH PHÙNG, THÀNH PHỐ NGUYỄN, TỈNH THÁI NGUYÊN**  
 (Kèm theo Giấy phép số: 144/GP-UBND ngày 19/1/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên)



- Đường đồng mức, độ cao
- Ranh giới phường
- Đường giao thông
- Đường sắt
- Sông, suối, hồ
- Ranh giới DCTV, nước DC
- Đất rừng:
  - a - Xác định; b - Giá định; c - Dựa Dữ liệu
- a - Đất gầy thuda
  - b - Đất gầy chùn sphaich
- Hộ dân cư
- Giếng khoan

Tọa độ giếng khoan

STT	Số hiệu giếng (KTT 106'30' mũi chấu 3')	Tọa độ VN-2000	
		X(m)	Y(m)
1	GKKT	2.888.132	431.217

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN  
CÔNG TY THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN  
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 205/CTTN-TH

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 3 năm 2026

V/v chấp thuận phương án đấu nối  
nước thải của Công ty CP chế biến thực  
phẩm Thái Nguyên.

Kính gửi: Công ty CP Chế biến thực phẩm Thái Nguyên

Công ty Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên đã nhận được Văn bản số 10/CV-CT ngày 19/3/2026 của Công ty CP Chế biến thực phẩm Thái Nguyên về việc đề nghị chấp thuận phương án đấu nối nước thải.

Sau khi nghiên cứu nội dung đề nghị và rà soát khả năng tiếp nhận của hệ thống, Công ty có ý kiến như sau:

Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng trước thời điểm bị ảnh hưởng bởi lũ lụt do bão Matmo (tháng 10/2025) có công suất xử lý đạt 8.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, tương ứng với công suất thiết kế. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của lũ lụt, 01/02 bể lắng của Nhà máy bị sự cố đầy nổi, phải dừng hoạt động để khắc phục, dẫn đến công suất xử lý thực tế bị suy giảm so với thiết kế ban đầu.

Hiện nay, Công ty đang áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật, tổ chức vận hành tối ưu để nâng công suất xử lý đạt khoảng 7.400 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, bảo đảm công suất xử lý nước thải tối đa theo điều kiện hiện tại.

Theo hiện trạng, nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải thuộc Công ty CP Chế biến thực phẩm Thái Nguyên đang đấu nối vào tuyến cống thoát nước chung trên đường Minh Cầu; nước thải được tách và đưa về Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng. Như vậy, trên thực tế, Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng vẫn đang tiếp nhận và xử lý nước thải của Công ty.

Trên cơ sở hiện trạng đấu nối và điều kiện vận hành nêu trên, Công ty thống nhất chấp thuận phương án đấu nối nước thải sau xử lý của Quý Công ty vào tuyến cống thoát nước thuộc Dự án, đưa về Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng để xử lý tập trung.

Công ty đề nghị Quý Công ty khi thực hiện đấu nối nước thải phải bảo đảm các điều kiện sau:

(1) Nước thải trước khi đấu nối phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành;

(2) Vị trí đấu nối tại hố ga SM 5-D gần số nhà 154, đường Minh Cầu (hố ga nằm giữa đường Minh Cầu);



(3) Lưu lượng đầu nổi tối đa theo đề nghị là khoảng 200 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; trường hợp vượt lưu lượng này, Quý Công ty cần có văn bản trao đổi, thống nhất với Công ty;

(4) Vị trí, cao độ, đường kính ống đầu nổi và biện pháp thi công phải có hồ sơ thiết kế được thống nhất với bộ phận kỹ thuật của Công ty trước khi triển khai thực hiện, bảo đảm an toàn hệ thống và không ảnh hưởng đến quá trình vận hành chung.

Trên đây là ý kiến của Công ty Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên. Đề nghị Quý Công ty nghiên cứu, phối hợp với các đơn vị liên quan để thực hiện theo đúng quy định.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



**Dương Thái Sơn**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

-----\*\*\*-----

**HỢP ĐỒNG VỆ SINH**

**V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt**  
**Số: CD.02.089/HĐVS-2026**

*Căn cứ luật dân sự số: 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017.*

*Căn cứ Luật thương mại số: 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.*

*Căn cứ Quyết định số: 32/2021/QĐ-UBND ngày 28 tháng 06 năm 2021 của UBND Tỉnh Thái Nguyên về việc Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Tỉnh Thái Nguyên.*

*Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của mỗi bên:*

*Hôm nay, ngày 02 tháng 1 năm 2026. Tại VP Chi nhánh vệ sinh môi trường – Công ty CP môi trường và Công trình đô thị Thái Nguyên, chúng tôi gồm:*

**BÊN A: CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: Số 158, Đ Minh Cầu, P. Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại : 0280.3856 452

Tài khoản : 8501211000101 tại ngân hàng NN & PTNT TP Thái Nguyên-Tỉnh TN

Mã số thuế: 4600 307 512

Đại diện ông: *Nguyễn Văn Dũng* Chức vụ: Giám đốc

**BÊN B: CHI NHÁNH VỆ SINH MÔI TRƯỜNG-CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ : Số 302, Đ. Cách mạng Tháng Tám, P. Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại : 0208.3658 808 Fax: 0208 3851 131

TK: 110000022958 Tại ngân hàng TMCP công thương VN- Chi nhánh Thái Nguyên.

TK: 3905833888 Tại ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển VN-CN Thái Nguyên.

Mã số thuế : 4600 123 233

Đại diện ông: *Hoàng Anh Tuấn* Chức vụ: Giám đốc chi nhánh

*Đơn vị nhận tiền: Công ty cổ phần môi trường và Công trình đô thị Thái Nguyên*

TK: 110000022958 Tại ngân hàng TMCP Công thương VN- Chi nhánh Thái Nguyên.

TK: 3905833888 Tại ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển VN-CN Thái Nguyên

**Nội dung:** Sau khi trao đổi, thỏa thuận hai bên cùng nhau thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt với các điều khoản sau:

**Điều I : Nội dung công việc**

Bên A thuê bên B thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt sinh hoạt từ địa điểm của bên A đến nơi xử lý quy định.

**Điều II: Giá cả và phương thức thanh toán:**

1. Giá cả: **Giá chưa bao gồm thuế GTGT**

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	S.L	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.	tháng	12	795.454,55	9.545.455
<b>Cộng:</b>					<b>9.545.455</b>

(Bằng chữ: Chín triệu năm trăm bốn mươi năm nghìn bốn trăm năm mươi năm đồng)

2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

3. Tiến độ thanh toán: Thanh toán một lần theo biên bản nghiệm thu thực tế giữa bên A và bên B.

**Điều III: Địa điểm, thời gian thực hiện hợp đồng**

1. Địa điểm: Tại Công ty CP chế biến thực phẩm TN, P. Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên

2. Thời gian: Từ ngày 01/01/2026 đến hết tháng 12/2026.

**Điều IV: Trách nhiệm của mỗi bên**

**Bên A:**

- Có trách nhiệm phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định.
- Thanh toán đầy đủ, đúng tiến độ thỏa thuận tại hợp đồng này. Bổ xung khối lượng khi có phát sinh ngoài khối lượng đã ký kết.
- Cử cán bộ giám sát và hướng dẫn công nhân của bên B thực hiện các nội dung của điều I ghi trong hợp đồng.

**Bên B:**

- Có trách nhiệm bố trí lao động thu gom chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo vệ sinh, sạch sẽ. Vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo đúng quy định.
- Được quyền từ chối thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải nếu không phải là chất thải rắn sinh hoạt và không được phân loại theo đúng quy định.

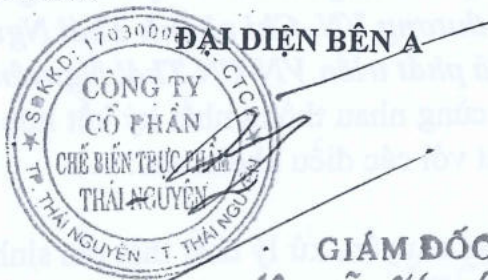
**Điều V: Điều khoản chung**

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ những điều khoản đã ghi trong bản hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, trở ngại gì hai bên phải thông báo kịp thời cho nhau bằng văn bản để cùng nhau giải quyết.

Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được thì khởi kiện đến tòa án Tỉnh Thái Nguyên. Chi phí điều tra, lệ phí do bên vi phạm chịu.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký kết hợp đồng đến ngày 31/12/2026. Hợp đồng này sẽ tự động được thanh lý khi các bên đã thực hiện xong quyền và nghĩa vụ của mình theo các điều khoản trên.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.



GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Văn Dũng



GIÁM ĐỐC  
Hoàng Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CBTP

Thái Nguyên

Số : 05/2025/ HĐ - KT



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\*\*\*\*\*2003\*\*\*\*\*

## HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Căn cứ Bộ Luật dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành năm 2005.

- Căn cứ Luật Thương mại của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên .

Hôm nay, ngày 01 tháng 05 năm 2025 , tại Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên. Chúng tôi gồm có :

**Đại diện bên bán :** CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THÁI NGUYÊN ( gọi tắt là bên A )

Địa chỉ : 158 đường Minh cầu thành phố Thái Nguyên, tỉnh TNghuyên

Điện thoại : 0280 3856452 Fax: 0280 3856452

Tài khoản : 8501 211000101 - Ngân hàng Nông nghiệp Thành phố TNghuyên

Mã số thuế : 46003 07512

Do ông : NGUYỄN VĂN DŨNG Chức vụ giám đốc làm đại diện

**Đại diện bên mua :**

Họ và tên : LÊ QUANG KHẢN

Số CCCD số : 033070001145, do cục Cảnh sát Quản lý HC về trật tự xã hội cấp ngày 26/ 05/2022.

Nơi thường trú : Xã Đức Hợp - Huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

Nơi tạm trú : Phố Trần Nhật Duật, Phường Hiến Nam, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại : 0944251746; 0393254486

Hai bên bàn bạc và cùng nhau thống nhất ký kết hợp đồng về mua bán hàng hoá, nguyên vật liệu với các nội dung sau:

**Điều I : TÊN HÀNG - SỐ LƯỢNG - GIÁ CẢ.**

TT	Tên hàng hoá - vật tư	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ
1	Bã bia phế liệu thu hồi	Tùy theo số lượng nấu của công ty	320 000 đồng/mẻ nấu

**Điều II : TRÁCH NHIỆM MỖI BÊN**

1. Trách nhiệm bên A:

- Tạo điều kiện mặt bằng cho bên B mỗi khi ra bã Bia
- Hỗ trợ bên B về chi phí điện - Nước khi vệ sinh
- Hỗ trợ bên B được dùng các dụng cụ hiện bên A đang dùng để chứa đựng bã và các dụng cụ kèm theo ( nếu có ) .

2. Trách nhiệm bên B:

- Tự bố trí lao động ra bã bia kịp thời, không làm ảnh hưởng tới sản xuất của công ty.
- Tuyệt đối đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường.
- Chấp hành nghiêm các nội quy, quy chế của công ty ( bên A ).
- Hàng ngày phải chở hết số bã bia đã có, không được để tồn tại lại khu vực bên A và quản lý dụng cụ bên A đã giao cho, hỏng phải sửa, mất phải đền ( có biên bản bàn giao ).
- Đặt tiền ký quỹ là: 25 000 000 đồng ( Hai mươi năm triệu đồng chẵn ) để đảm bảo các điều kiện sau:
  - + Phải thường xuyên chở bã bia ra khỏi khu vực công ty theo tiến độ sản xuất.
  - + Thời gian lưu bã bia tại công ty không quá 02 ngày ( Hai ).
  - + Tự phá bỏ hợp đồng không có sự chấp thuận của bên A.

**Điều III : PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN .**

- Giao nhận bã tại cửa ra bã hệ thống nấu bia sau mỗi mẻ.
- Vận chuyển khỏi khu vực công ty: Bên mua thực hiện .

**Điều IV : GIÁ CẢ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN .**

1. Giá cả: Bên A bán cho bên B theo giá thỏa thuận trong năm 2025 là: 320 000 đồng/mẻ
2. Phương thức thanh toán:
  - Bên B thanh toán cho bên A sau mỗi ngày cho tổ nấu bia của bên A.

**Điều V : TRONG TÀI**

- Những vấn đề phát sinh trong khi thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên đưa ra bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng hai bên cùng có lợi. Các tranh chấp mà hai bên không tự giải quyết được sẽ đưa ra giải quyết tại Tòa án kinh tế tỉnh Thái Nguyên và chịu sự phán quyết cuối cùng của Tòa án có tính chất bắt buộc đối với cả hai bên.
- Mọi chi phí trong quá trình thua kiện sẽ do bên thua kiện chi trả.

**Điều V : CAM KẾT CHUNG .**

- Tại thời điểm hợp đồng này, mọi tài liệu thư tín và thoả thuận miệng trước đây liên quan đến hợp đồng này đều không có giá trị.
- Thời hạn hiệu lực của hợp đồng từ ngày ký đến hết ngày 01/05/2025.đền hết ngày 01/05/2026
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký .
- Hợp đồng này coi như thanh lý sau 15 ngày kể từ ngày hết hạn ký hợp đồng khi các bên đã làm tròn nghĩa vụ và không khiếu kiện nại thêm gì nữa.
- Hợp đồng lập thành 02 bản ( Hai ) có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản ( một ) để cùng nhau thực hiện ./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**Lê Quang Khán**





BỘ CÔNG AN

CÔNG AN T. THÁI NGUYÊN

Số 211 TĐ-PCCC(T.M.)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1  
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA  
Ngày 31-3-2004

## GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;  
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;  
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;  
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 2.7/TT ngày 9.1.5.2005 của Công ty cổ phần chi nhánh Thái Nguyên  
Người đại diện là ông / bà: NÔNG THỊ HẰNG Chức danh: phó giám đốc

(1) PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

### CHỨNG NHẬN:

(2) NHÀ BÁN HÀNG VÀ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM  
Địa điểm: Đường Minh Cầu phường Phạm Đình Phùng TP.Thái Nguyên  
Chủ đầu tư / chủ phương tiện: Công ty cổ phần chi nhánh Thái Nguyên  
Đơn vị lập dự án / thiết kế: Trung tâm Kiểm định Chất lượng xây dựng Thái Nguyên  
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

1, Hồ sơ thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy  
Nhà bán hàng và giới thiệu sản phẩm

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3)

1, Thi công công trình theo đúng bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt  
2, Tiến hành kiểm tra thi công và nghiệm thu phòng cháy chữa cháy  
Chạy thử nghiệm khi đưa công trình đi vào sử dụng

Nơi nhận  
- Chủ đầu tư  
- Đơn vị Thiết kế  
- Lưu phòng CS PCCC

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 5 năm 2005

(4) TÁ GIẢM ĐỐC CẢNH SÁT PCCC



Kiểm tra ngày 23

Đào Ngọc Sơn

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.  
(2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.  
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp.  
(4) Chức danh người ký giấy





Thái Nguyên, ngày 25 tháng 5 năm 2004

**BẢN THẨM DUYỆT  
THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Điều 15, Điều 16 Luật Phòng cháy và chữa cháy được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2001, quy định về thiết kế và thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.
- Căn cứ Thông tư số 03/TT-LB ngày 31 tháng 11 năm 1989 của Liên Bộ Nội vụ - Xây dựng, quy định chế độ an toàn phòng cháy chữa cháy, phòng nổ trong xây dựng công trình.
- Căn cứ công văn đề nghị số: 50/CA, ngày 20/5/2004 của Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên.

**PHÒNG CẢNH SÁT PCCC - CÔNG AN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy công trình: Xưởng bia công suất 5 ÷ 10 triệu lít/năm

1. Chấp thuận giải pháp thiết kế về phòng cháy và chữa cháy:

1.1. Nhà máy bia của các hãng xe số: KT-01/13 ÷ KT-13/13 ÷ KT-KC 01/20 ÷ KC 20/20.

1.2. Khu phụ trợ: Từ KT-01/8 ÷ KT-08/8, Từ KC-01 đến KC-08.

2. Đề nghị thực hiện các yêu cầu sau:

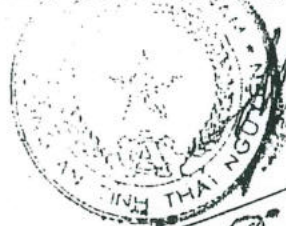
2.1. Bổ sung thiết kế hệ thống cấp nước chữa cháy và thiết kế lắp đặt hệ thống lưu trữ cháy sét cho công trình và 20 bình chữa cháy xách tay (phải có đủ toàn bộ mức PCCC kèm theo).

2.2. Nghiệm thu xong mới được vào sử dụng.

Nơi nhận:

- 03 Bộ Công an (1/c)
- Chủ đầu tư (t/h)
- Lưu 1/02

TH. GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH THÁI NGUYÊN  
TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC



Trưởng tá Đào Ngọc Sơn

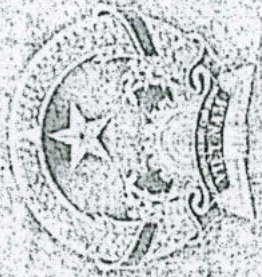
**VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

**NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý:**

1. Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
2. Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
3. Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
4. Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.

BẢN BAO



GIẤY CHỨNG NHẬN  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

SỐ: 10/133



CÔNG AN TỈNH THÁI NGUYÊN  
PHÒNG CẢNH SÁT KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 670 /QĐ-KT

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 10 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

**Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm**

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ khoản 5 Điều 7 Pháp lệnh Cảnh sát môi trường ngày 23 tháng 12 năm 2014;

Căn cứ Điều 3, Điều 7 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 157/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 Thông tư số 51/2022/TT-BCA ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm; kiểm tra phương tiện, đồ vật, địa điểm có liên quan đến tội phạm và vi phạm hành chính về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm;

Căn cứ Giấy ủy quyền số..... ngày... tháng... năm .... về việc ủy quyền thực hiện thẩm quyền (5) .....  
(nếu có);

Sau khi xem xét báo cáo đề xuất số ..... ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Đội phòng ngừa, điều tra án kinh tế, tham nhũng, môi trường trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại và các lĩnh vực khác và tình hình thực tế có liên quan;

Tôi: Trần Thanh Bình; Cấp bậc: Chức vụ: Thượng tá, Trưởng phòng; Đơn vị: Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường – Công an tỉnh Thái Nguyên.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Thành lập Đoàn kiểm tra gồm (\*):**

- Ông (bà): Lê Thế Xuân Tùng; Cấp bậc: Thượng tá; Chức vụ: Phó trưởng phòng, Trưởng đoàn;
- Ông (bà): Nguyễn Thanh Long; Cấp bậc: Thiếu tá; Chức vụ: Phó đội trưởng, Phó Trưởng đoàn;
- Ông (bà): Trương Việt Hùng; Cấp bậc: Đại úy; Chức vụ: Cán bộ, Thành viên;
- Ông (bà): Trần Mai Nam; Cấp bậc: Đại úy; Chức vụ: Cán bộ, Thành viên;
- Ông (bà): Lâm Huy Hữu; Cấp bậc: Đại úy; Chức vụ: Cán bộ, Thành viên;
- Ông (bà): Nguyễn Minh Đức; Cấp bậc: Đại úy; Chức vụ: Cán bộ, Thư ký.

Tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm đối với:

Tổ chức/Cá nhân: Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên;

Địa chỉ: Số 158 đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên;

(\*) Số thành viên của Đoàn kiểm tra theo yêu cầu thực tế, không cố định số lượng.

Thông tin khác về tổ chức/cá nhân được kiểm tra (nếu có): Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần với mã số 4600307512, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 25/02/2022;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Dũng; Sinh năm 1959 – Giám đốc.

Điều 2. Hình thức kiểm tra (ghi rõ kiểm tra đột xuất, không thông báo trước): Kiểm tra đột xuất, không thông báo trước.

Điều 3. Cơ quan/tổ chức tham gia, phối hợp kiểm tra (nếu có) gồm<sup>(\*)</sup>:

1. Công an phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên;
2. Ủy ban nhân dân phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên;
3. Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên;
4. Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên.

Điều 4. Nội dung kiểm tra (9): Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm của Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên.

Điều 5. Thời gian/Thời hạn kiểm tra: 07 ngày, tính từ thời điểm công bố Quyết định kiểm tra.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 7. Quyết định được:

1. Giao cho Ông(Bà)/Tổ chức: Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên để chấp hành.

Ông(Bà)/Tổ chức: Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Giao (10) ông Lê Thế Xuân Tùng; Cấp bậc: Thượng tá; Chức vụ: Phó trưởng phòng, phòng Cảnh sát kinh tế - Trưởng đoàn kiểm tra để tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Lưu: Dội 5- PC03

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH  
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ cấp bậc, chức vụ, họ và tên)



Thượng tá Trần Thanh Bình

- (1) Tên cơ quan chủ quản;
- (2) Tên cơ quan ra quyết định kiểm tra;
- (3) Ghi rõ địa danh hành chính;
- (4), (7) Ghi một hoặc nhiều nội dung về: Tài nguyên/An toàn thực phẩm;
- (5) Ghi thẩm quyền kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm/ thẩm quyền kiểm tra phương tiện, địa điểm, đồ vật có liên quan đến vi phạm hành chính về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm;
- (6) Ghi tên đơn vị đề xuất kiểm tra;
- (8) Ghi các thông tin khác đã nắm được về đối tượng kiểm tra (nếu có), như: Giấy đăng ký kinh doanh, mã số doanh nghiệp; người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; số CMT/CCCD/Hộ chiếu của cá nhân được kiểm tra...;
- (9) Ghi cụ thể nội dung kiểm tra;
- (10) Ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị của Trưởng đoàn kiểm tra.

<sup>(\*)</sup> Tuy theo yêu cầu thực tế của việc kiểm tra để đề nghị cơ quan/tổ chức/cá nhân có liên quan cần thiết tham gia thực hiện quyết định kiểm tra; trong trường hợp không cần thiết đề nghị hoặc cơ quan/tổ chức/cá nhân được đề nghị không tham gia, không có mặt thì vẫn tiến hành kiểm tra theo Quyết định kiểm tra đã ban hành.

300 - Giám đốc.  
... kiểm tra đợt  
ng nhận đăng ký  
đổi lần thứ 03 ngày

CÔNG AN TỈNH THÁI NGUYÊN  
PHÒNG CẢNH SÁT ĐIỀU TRA  
TỘI PHẠM VỀ THAM NHŨNG, KINH TẾ,  
BUÔN LẬU, MÔI TRƯỜNG

Mẫu số 13/KLKT, ban hành kèm theo  
Thông tư số 51/2022/TT-BCA ngày 09/11/2022  
của Bộ trưởng Bộ Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 88A/KLKT

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 11 năm 2025

### KẾT LUẬN KIỂM TRA

việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm

Thực hiện quy định của pháp luật và yêu cầu đảm bảo an ninh, trật tự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm. Ngày 20/10/2025, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường đã ban hành Quyết định số 680/QĐ-KT ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và tiến hành kiểm tra theo Quyết định trên vào ngày 22 tháng 10 năm 2025 đối với Công ty CP Chế biến thực phẩm Thái Nguyên, địa chỉ: số 158 đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên do ông Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1959 làm Giám đốc.

Căn cứ báo cáo kết quả kiểm tra ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Đoàn kiểm tra (kèm theo biên bản kiểm tra) kết luận như sau:

#### 1. Nội dung kết luận

##### 1.1. Về hồ sơ pháp lý:

Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 4600307512; địa chỉ: Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên; người đại diện trước pháp luật: Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1959, trú tại: Tổ 18, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên làm Giám đốc. Hiện nay Công ty đang thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia theo giấy chứng nhận ISO 22000:2018.

##### 1.2. Hiện trạng hoạt động:

Tại thời điểm kiểm tra, cơ sở đang hoạt động sản xuất bình thường. Nhà máy đang vận hành các hệ thống sản xuất gồm phụ trợ, lên men, lọc bia, chiết rót. Sản phẩm của nhà máy là bia hơi nhãn hiệu Vicoba, sau khi sản xuất thành thành phẩm bia hơi được các đại lý đến vận chuyển đi tiêu thụ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Tại vị trí khu vực xưởng sản xuất cũng như tầng 1 và khu vực lưu trữ tài liệu của nhà điều hành do ảnh hưởng của cơn bão số 11 vào đầu tháng 10 năm 2025 đã bị ngập nước, do đó nhà máy mới khôi phục hoạt động sản xuất từ ngày 17/10/2025 trở lại đây.

##### 1.3. Về kết quả kiểm tra thực tế:

Quá trình kiểm tra, đoàn kiểm tra phát hiện tại cơ sở có dấu hiệu vi phạm quy định về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm quy định tại Nghị định 115/2018/NĐ-



CP ngày 05/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

- Không thực hiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải trong phạm vi của cơ sở sản xuất theo quy định của pháp luật;

- Tường, trần, nền nhà khu vực sản xuất, kinh doanh, kho bảo quản bị thấm nước, rạn nứt, ẩm mốc;

Đoàn kiểm tra đã tiến hành lập biên bản ghi nhận lại nội dung sự việc, tiến hành phối hợp với cơ quan chuyên môn thu 02 mẫu bia hơi tại tầng số 03, khu vực lên men chiết rót thành phẩm để kiểm định vệ sinh an toàn thực phẩm đối với mẫu bia hơi được sản xuất tại Công ty và tiếp tục xác minh, xử lý hành vi vi phạm của Công ty CP Chế biến thực phẩm Thái Nguyên theo quy định pháp luật.

Ngày 04/11/2025, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc gia có kết quả kiểm nghiệm số: 65387/PKN-VKNQG đối với mẫu bia hơi do phòng PC03, Công an tỉnh Thái Nguyên gửi. Kết quả: Các chỉ tiêu vi sinh vật trong mẫu bia hơi đều đạt và nằm trong ngưỡng cho phép theo QCVN 6-3:2010/BYT.

Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh và tài liệu thu thập được xác định Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên vi phạm quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh, bảo quản thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm quy định tại Điều 9, Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 05/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

Quá trình kiểm tra, Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên đã tích cực phối hợp, không có dấu hiệu che giấu hành vi vi phạm. Tiến hành làm việc với người đại diện theo pháp luật của Công ty nhận thấy do ảnh hưởng của cơn bão số 11 "MATMO" vào đầu tháng 10 năm 2025, khu vực sản xuất và nhà điều hành của Công ty bị ngập lụt, gây ảnh hưởng nặng đến hoạt động sản xuất cũng như tài sản của đơn vị. Sau khi nước lũ rút, đơn vị đã tiến hành dọn dẹp, vệ sinh khu vực nhà văn phòng, khu vực sản xuất cũng như toàn bộ các khu vực khác trong Công ty. Đối với việc tường, trần, nền nhà bị thấm nước, ẩm mốc do bùn và phù sa đọng lại trong quá trình nước lũ rút, vì vậy trong quá trình dọn dẹp, vệ sinh phun rửa tường, công nhân không phun rửa kỹ cũng như nước trong quá trình rửa bị ngấm vào tường do đó xảy ra tình trạng vi phạm như nêu trên. Về việc Công ty không thực hiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải trong phạm vi của cơ sở sản xuất là vi phạm, Công ty không có ý kiến gì.

Sau khi đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra, Công ty đã tiến hành cho vệ sinh lại khu vực xưởng sản xuất cũng như lần sơn chống mốc và hiện tại đã hoàn thành vào ngày 30/10/2025 (Có bản ảnh ghi nhận kèm theo và biên bản xác nhận của chính quyền địa phương). Do đó không tiến hành đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi tường trần, nền nhà khu vực sản xuất của Công ty có hiện tượng bị thấm nước, ẩm mốc.

Đối với hành vi vi phạm không thực hiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải trong phạm vi của cơ sở sản xuất theo quy định của pháp luật là hành vi vi phạm quy định tại điểm d, Khoản 4, Điều 9 Nghị định 115/2018/NĐ-CP. Trong đó quy định

hình thức xử phạt là phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng (mức trung bình khung là 8.500.000 đồng).

Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 1 Nghị định 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế xác định hành vi của Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên là hành vi vi phạm hành chính được áp dụng mức tiền trung bình khung tiền phạt và phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt, đề xuất xử phạt: 8.500.000 đồng x 2 = 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

Hình thức phạt bổ sung: Không áp dụng hình thức phạt bổ sung được quy định tại Khoản 8, Điều 9, Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

2. Những nội dung, hồ sơ, tài liệu đã gửi/chuyển cơ quan, đơn vị chức năng để giải quyết theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của cấp trên (nếu có): Không

3. Những vấn đề cơ quan Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường đang tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của cấp trên (nếu có): Không.

4. Việc áp dụng pháp luật và kiến nghị, đề xuất

4.1. Bị áp dụng hình thức xử phạt như sau:

- Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền

Tổng mức tiền phạt: số tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

Cụ thể: Phạt tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng) về hành vi vi phạm "không thực hiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải trong phạm vi của cơ sở sản xuất theo quy định của pháp luật" theo quy định tại điểm d, Khoản 4, Điều 9 Nghị định 115/2018/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

- Hình thức xử phạt bổ sung: Không.

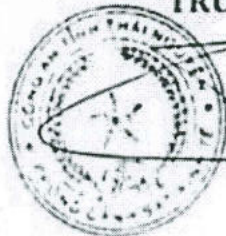
Trên đây là Kết luận kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm của Công ty CP Chế biến thực phẩm Thái Nguyên. *Tan*

Nơi nhận:

- Công ty CP Chế biến thực phẩm Thái Nguyên;
- Lưu VT, KT.

SVB: Đ/c Đức (04b)

NGƯỜI KẾT LUẬN  
TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Trần Thanh Bình

CÔNG AN TỈNH THÁI NGUYÊN  
PHÒNG SẢNH SÁT KINH TẾ

Mẫu quyết định số 02  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 333.../QĐ-XPVPHC

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 11 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT KINH TẾ

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 333/BB-VPHC lập ngày 18/11/2025;

Căn cứ Quyết định số: ..../QĐ-GQXP ngày .../.../2025 về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính.

### QUYẾT ĐỊNH:

#### Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với ông (bà)/tổ chức có tên sau đây:

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 158 đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên;

Mã số doanh nghiệp: 4600307512

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Văn Dũng; Giới tính: Nam

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu: 030059012871; ngày cấp: 01/9/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Trú tại: phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

Chức danh: Giám đốc

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

Vào hồi 08 giờ 50 phút ngày 22/10/2025, tại Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên; địa chỉ: số 158 đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên đã có hành vi vi phạm hành chính: Không thực hiện thu gom, xử lý chất



Nguyễn đề thu tie  
3. Gửi cho l  
thực hiện. 10/2

Nơi nhận:  
- Như Điều 3;  
- Lưu: VT, Hồ sơ.

thải, rác thải trong phạm vi của cơ sở sản xuất theo quy định của pháp luật.

3. Quy định tại: điểm d, khoản 4, Điều 9, Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 05/09/2018 quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, hình thức phạt bổ sung như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền

Tổng mức tiền phạt: số tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

Cụ thể: Phạt tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng) theo quy định tại điểm d, khoản 4, Điều 9, Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 05/9/2018 của Chính phủ và điểm b, khoản 2, Điều 1 Nghị định 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không.

Cụ thể: Không áp dụng hình thức phạt bổ sung được quy định tại Khoản 8, Điều 9, Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Không

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên là tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.


a) Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên phải nộp tiền phạt tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

b) Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thái

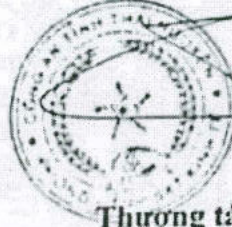
chấp luật.  
2018/ND-CP ngày  
2 tháng 7 năm 2018.

Nguyên để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Đ/c Nguyễn Minh Đức, cán bộ phòng Cảnh sát kinh tế để tổ chức thực hiện. 

Nơi nhận:  
- Như Điều 3;  
- Lưu: VT, Hồ sơ.

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH  
TRƯỞNG PHÒNG**



**Thượng tá Trần Thanh Bình**



Số: 32 /CV-CT

*P. Phan Đình Phùng, ngày 02 tháng 11 năm 2025*

**Kính gửi:** - Công an tỉnh Thái Nguyên  
- Phòng cảnh sát Kinh tế

Công ty cổ phần Chế biến Thực phẩm Thái Nguyên có trụ sở tại SN 158 - đường Minh Cầu- phường Phan Đình Phùng- tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện kế hoạch phối hợp làm việc, cung cấp hồ sơ, tài liệu về công tác chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường và pháp luật an toàn thực phẩm của Phòng cảnh sát Kinh tế- Công an tỉnh Thái Nguyên tại Quyết định số 680/QĐ-KT ngày 20 tháng 10 năm 2025, sau khi đoàn kiểm tra của Phòng cảnh sát Kinh tế Công an tỉnh Thái Nguyên đề nghị công ty cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên phối hợp làm việc, cung cấp hồ sơ, tài liệu về công tác chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm tại công ty. Trong quá trình phối hợp làm việc, đơn vị đã chuẩn bị đầy đủ các nội dung, hồ sơ làm việc mà đoàn yêu cầu và kiểm tra thực tế tại hiện trường. Qua kiểm tra ngoài những công tác đã và đang làm tốt về bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm cả hồ sơ và thực tế, công ty còn một vài tồn tại nhỏ cần khắc phục, hoàn chỉnh. Công ty cổ phần Chế biến Thực phẩm Thái Nguyên xin được trình bày và đề nghị Phòng cảnh sát Kinh tế Công an tỉnh Thái Nguyên xem xét tạo điều kiện giúp đỡ công ty về nội dung tồn tại đó.

Do ảnh hưởng của hoàn lưu bão MATMO gây ra cho các tỉnh phía Bắc đặc biệt là khu vực phường Phan Đình Phùng; tỉnh Thái Nguyên từ ngày 07/10/2025 đến 10/07/2025 nước lụt do bão lũ gây ra có hiện tượng rút dần. Ngoài việc đảm bảo khắc phục trước mắt về cuộc sống, nơi ăn, chỗ ở của người lao động trong công ty. Đơn vị đã bắt tay vào dọn dẹp, vệ sinh khu vực nhà văn phòng, nhà sản xuất cũng như toàn bộ các khu vực khác trong công ty do ảnh hưởng nặng nề của cơn bão MATMO.

Về khu vực tường, trần nhà thấm nước, ẩm mốc trong quá trình dọn dẹp, vệ sinh phun, rửa tường, trần nhà các ngày sau bão do bùn, phù sa đọng lại sau khi nước rút chưa được kỹ càng nên đã xảy ra hiện tượng trên. Sau khi đoàn Kiểm tra chỉ ra công ty đã cho vệ sinh lại lăn sơn chống mốc xong trước ngày 30/10/2025.

Về thu gom rác thải, chất thải của đơn vị. Như trên công ty đã trình bày do lũ lụt về đột ngột trong đêm và dâng cao nhanh chóng trong thời gian ngắn nên rác thải do mưa lũ và rác thải đã thu gom trong công ty trôi theo dòng chảy lũ lụt. Các ngày sau khi nước lụt rút công ty đã ưu tiên dọn dẹp, vệ sinh các khu vực quan trọng khác nên tại thời điểm kiểm tra công tác dọn dẹp rác thải trôi dạt mới được tiến hành và kết thúc dọn dẹp rác thải, chất thải do ảnh hưởng của bão lũ ngày 26/10/2025.

Công ty cổ phần Chế biến Thực phẩm Thái Nguyên luôn ý thức, quan tâm công tác bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm. Nhưng do ảnh hưởng, tác động nặng nề của cơn bão MATMO trong quá trình chấp hành thực hiện công tác bảo vệ môi trường và pháp luật an toàn thực phẩm của đơn vị trong đó có việc thu gom rác thải, chất thải sau bão chưa kịp thời và công tác vệ sinh phòng sản xuất sau bão còn thiếu sót. Đơn vị mong được sự quan tâm giúp đỡ của phòng Cảnh sát Kinh tế Công an tỉnh Thái Nguyên. Công ty cam kết đã khắc phục triệt để những thiếu sót, tồn tại mà Biên bản của đoàn làm việc đã chỉ ra để công tác chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường và pháp luật an toàn thực phẩm được tốt hơn, đảm bảo việc làm nâng cao đời sống cho người lao động.

Vì vậy Công ty cổ phần Chế biến Thực phẩm Thái Nguyên làm công văn này đề nghị phòng Cảnh sát Kinh tế Công an tỉnh Thái Nguyên tạo điều kiện và giúp đỡ để đơn vị thực hiện tốt hơn các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật an toàn thực phẩm, nuôi dưỡng nguồn thu của địa phương và cũng là tạo điều kiện cho doanh nghiệp được phát triển ổn định lâu dài.

Công ty cổ phần Chế biến Thực phẩm Thái Nguyên xin chân thành cảm ơn./.

C/TY CP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TN



PHÒ GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Ngọc Sơn*



BIÊN BẢN KIỂM TRA  
KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP

Hôm nay, hồi:.....giờ.....ngày 18 tháng 8 năm 2015....., tại địa  
điểm: Chi nhánh Phân II Nguyễn Huệ, TP. Chúng tôi

I- ĐƠN VỊ CẤP NƯỚC: Công ty Cổ phần Nước sạch Thái nguyên:

- 1. Ông/bà: Nguyễn Thị Ngọc Chức vụ: NV Quản lý Tuyến
- 2. Ông/bà: Phạm Lợi Hải Chức vụ: CT Đại xã Chi
- 3. Ông/bà:..... Chức vụ.....

II- HỌ TÊN HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC:

Ông (bà): Nguyễn Thị Ngọc Phân II Nguyễn Huệ MKH: 0140 CT  
Địa chỉ +(chỉ dẫn): .....

Người sử dụng hợp đồng dịch vụ cấp nước có mặt:

- 1. Ông/bà: Nguyễn Ngọc Sơn Quan hệ: Phó Giám Đốc
- 2. Ông/bà:..... Quan hệ.....

III- THÀNH PHẦN KHÁC:

- 1. Ông/bà:..... Chức vụ.....
- 2. Ông/bà:..... Chức vụ.....

Cùng thống nhất các nội dung như sau:

1. Các giấy tờ liên quan đến sử dụng dịch vụ cấp nước:

Hợp đồng dịch vụ cấp nước số:..... Ký ngày.....

Các giấy tờ khác có liên quan:.....

2. Đồng hồ đo nước:

Loại đồng hồ:..... Cơ DN: 11.00..... Số đồng hồ: 0156.14.....

Chỉ số đồng hồ: 12315..... Kẹp chỉ niêm phong:.....

Vị trí lắp đặt: Sau phòng khám của Phân II.....

Tình trạng của đồng hồ:.....

.....

.....

.....

.....

đường ống cấp nước:

g hồ : .....

đồng hồ : .....

4. Ý kiến của khách hàng : Theo kế hoạch sx - ld của Cty dự kiến chi sẽ  
dùng khoảng 600 m<sup>3</sup> trong tháng 8/2025. sẽ cần lại lại chảy  
qua hệ thống thoát nước của Cty; đơn kỹ Ktra Tiêu Thu dịch kỹ.  
Nhiệm vụ phát hiện lượng tiêu thu bất thường nên đề nghị công  
đvi đi ktra & đưng ống; phát hiện ra điều gì và

5. Nội dung và biện pháp giải quyết : Do Tiêu Thu nước của ĐBĐ và  
tăng cao tăng đột biến - 5339 m<sup>3</sup> / tháng 8/2025.

Nhiệm vụ báo và kết hợp công đân vi kiểm tra và  
đã tìm thấy điều chảy tại khu vực hồ ga theo hệ  
thống đường ống nước thải

Đề nghị lập vi thanh tra hóa đơn nước 18/2025  
đây đủ và đúng thủ tục đề vi đưng y thanh tra  
biên bản đưng lập và chuyển về Cty CPNSTN

29/8/2025

*Handwritten signature*

Biên bản được lập thành 02 bản. Đơn vị cấp nước giữ 01 bản, khách hàng  
hợp đồng dịch vụ cấp nước giữ 01 bản có giá trị như nhau. Sau khi nghe rõ nội  
dung biên bản, các bên nhất trí và ký tên.

Đại diện.....  
29/8/2025 (Ký, ghi rõ họ tên)  
*Handwritten signature*  
Cần Chu Hoàng

Khách hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
  
Nguyễn Thị Ngọc Sơn  
ĐT: 097.580.3636

Đại diện đơn vị cấp nước  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
*Handwritten signature*  
Nguyễn Thị Ngọc  
ĐT: 097.055.889



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên  
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



Số 1677/2025 /QTINMT-KQ

VIMCERTS 024

**KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH**

1	Đơn vị	Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường năm 2025
4	Kế hoạch	K6.01
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-6.01-1
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực lò hơi
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o50'08,4"      Vĩ độ: 21o35'20,1"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5067:1995; TCVN 6137:2009; TCVN 5971:1995; TCVN 7878-2:2018; MCRE-SOP-KK.14(PQT)
10	Ngày lấy mẫu	18/06/2025
11	Ngày phân tích	18/6/2025 đến 26/6/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT
1	Bụi TSP	TCVN 5067:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	74	-
2	CO(*)	QTC-PT01	µg/Nm <sup>3</sup>	<15000	40000
3	NO <sub>2</sub> (*)	TCVN 6137:2009	µg/Nm <sup>3</sup>	<80	10000
4	SO <sub>2</sub> (*)	TCVN 5971:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	<45	10000
5	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dBA	61,3	85

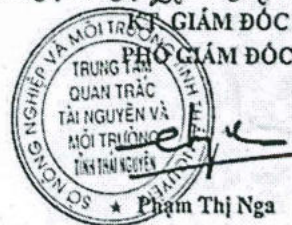
Thái Nguyên, ngày 26 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

Trịnh Đức Cường

Phạm Thị Thanh Thúy



**Ghi chú:**

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu \* là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- MCRE-SOP: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường
- QTC-PT: Quy trình nội bộ hướng dẫn phân tích
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên  
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

6/1678/2025 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

**KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH**

1	Đơn vị	Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường năm 2025
4	Kế hoạch	K6.01
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-6.01-2
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực xưởng nấu bia
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o50'09,0"      Vĩ độ: 21o35'20,1"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5067:1995; TCVN 6137:2009; TCVN 5971:1995; TCVN 7878-2:2018; MCRE-SOP-KK.14(PQT)
10	Ngày lấy mẫu	18/06/2025
11	Ngày phân tích	18/6/2025 đến 26/6/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT
1	Bụi TSP	TCVN 5067:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	69	-
2	CO(*)	QTC-PT01	µg/Nm <sup>3</sup>	<15000	40000
3	NO <sub>2</sub> (*)	TCVN 6137:2009	µg/Nm <sup>3</sup>	<80	10000
4	SO <sub>2</sub> (*)	TCVN 5971:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	<45	10000
5	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dBA	61,6	85

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

Trịnh Đức Cường

Phạm Thị Thanh Thúy



**Ghi chú:**

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu \* là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- MCRE-SOP: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường
- QTC-PT: Quy trình nội bộ hướng dẫn phân tích
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên  
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

6/1679 /2025 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

**KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH**

1	Đơn vị	Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường năm 2025
4	Kế hoạch	K6.01
5	Loại mẫu	Không khí
6	Kỳ hiệu mẫu	KK-6.01-3
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực ủ và lên men bia
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o50'09,5"      Vĩ độ: 21o35'19,6"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5067:1995; TCVN 6137:2009; TCVN 5971:1995; TCVN 7878-2:2018; MCRE-SOP-KK.14(PQT)
10	Ngày lấy mẫu	18/06/2025
11	Ngày phân tích	18/6/2025 đến 26/6/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT
1	Bụi TSP	TCVN 5067:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	64	-
2	CO(*)	QTC-PT01	µg/Nm <sup>3</sup>	<15000	40000
3	NO <sub>2</sub> (*)	TCVN 6137:2009	µg/Nm <sup>3</sup>	<80	10000
4	SO <sub>2</sub> (*)	TCVN 5971:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	<45	10000
5	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dBA	62,8	85

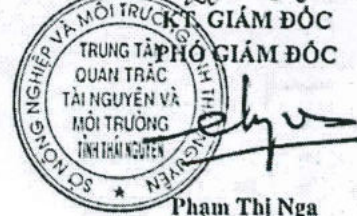
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trịnh Đức Cường

PHỤ TRÁCH QA/QC

Phạm Thị Thanh Thúy

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 6 năm 2025



**Ghi chú:**

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu \* là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- MCRE-SOP: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường
- QTC-PT: Quy trình nội bộ hướng dẫn phân tích
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên  
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



8/1680/2025/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

**KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH**

1	Đơn vị	Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường năm 2025
4	Kế hoạch	K6.01
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-6.01-4
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực văn phòng
8	Tọa độ	Kinh độ: 105°50'10,7"      Vĩ độ: 21°35'21,7"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5067:1995; TCVN 6137:2009; TCVN 5971:1995; TCVN 7878-2:2018; MCRE-SOP-KK.14(PQT)
10	Ngày lấy mẫu	18/06/2025
11	Ngày phân tích	18/6/2025 đến 26/6/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT QCVN 26:2010/BTNMT
1	Bụi TSP	TCVN 5067:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	78	300
2	CO(*)	QTC-PT01	µg/Nm <sup>3</sup>	<15000	30000
3	NO <sub>2</sub> (*)	TCVN 6137:2009	µg/Nm <sup>3</sup>	<80	200
4	SO <sub>2</sub> (*)	TCVN 5971:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	<45	350
5	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dBA	60,3	70

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trinh Đức Cường

PHỤ TRÁCH QA/QC

Phạm Thị Thanh Thúy



Phạm Thị Nga

**Ghi chú:**

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu \* là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- MCRE-SOP: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường
- QTC-PT: Quy trình nội bộ hướng dẫn phân tích
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên  
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

1681/2025 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

**KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH**

1	Đơn vị	Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường năm 2025
4	Kế hoạch	K6.01
4	Loại mẫu	Nước thải
5	Ký hiệu mẫu	NT-6.01-1
6	Vị trí mẫu	Tại hệ thống thu gom nước thải trước khi qua hệ thống xử lý
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o50'09,3"      Vĩ độ: 21o35'22,0"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
9	Ngày lấy mẫu	18/06/2025
10	Ngày phân tích	18/6/2025 đến 26/6/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Kq=0,9; Kf=1,1)	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,8	6-9	5,5-9
2	BOD <sub>5</sub>	SMEWW 5210B:2023	mg/L	315,3	29,7	49,5
3	COD	SMEWW 5220D:2023	mg/L	621,4	74,25	148,5
4	TSS	SMEWW 2540D:2023	mg/L	108,6	49,5	99
5	As	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,0042	0,0495	0,099
6	Hg	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,002	0,00495	0,0099
7	Pb	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,002	0,099	0,495
8	Cd	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,001	0,0495	0,099
9	Cu	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,0064	1,98	1,98
10	Zn	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,01	2,97	2,97
11	Fe	SMEWW 3111B:2023	mg/L	1,17	0,99	4,95
12	S <sup>2-</sup> (*)	SMEWW 4500S2-B&D:2023	mg/L	<0,05	0,198	0,495
13	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N	TCVN 5988:1995	mg/L	2,8	4,95	9,9
14	Clo dư(*)	TCVN 6225-3:2011	mg/L	<1	0,99	1,98
15	Tổng P	SMEWW 4500-P.B&E:2023	mg/L	0,63	3,96	5,94
16	Tổng N	TCVN 6638:2000	mg/L	50,4	19,8	39,6
17	Tổng dầu mỡ khoáng(*)	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	<2,5	4,95	9,9
18	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	1100	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

Trần Đức Cường

Phạm Thị Thanh Thủy



Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu \* là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 40:2011/BTNMT (Kq=0,9; Kf=1,1) : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

BM.23.01.01

Trang:01

Lần ban hành: 02



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên  
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 1682/2025 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

## KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường năm 2025
4	Kế hoạch	K6.01
4	Loại mẫu	Nước thải
5	Ký hiệu mẫu	NT-6.01-2
6	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sau khi qua hệ thống xử lý thải ra ngoài môi trường
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o50'09,0"      Vĩ độ: 21o35'22,6"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
9	Ngày lấy mẫu	18/06/2025
10	Ngày phân tích	18/6/2025 đến 26/6/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Kq=0,9; Kf=1,1)	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7	6-9	5,5-9
2	BOD <sub>5</sub>	SMEWW 5210B:2023	mg/L	40,21	29,7	49,5
3	COD	SMEWW 5220D:2023	mg/L	79,01	74,25	148,5
4	TSS	SMEWW 2540D:2023	mg/L	102,8	49,5	99
5	As	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,0064	0,0495	0,099
6	Hg	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,002	0,00495	0,0099
7	Pb	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,002	0,099	0,495
8	Cd	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,001	0,0495	0,099
9	Cu	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,0066	1,98	1,98
10	Zn	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,01	2,97	2,97
11	Fe	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,441	0,99	4,95
12	S <sup>2-</sup> (*)	SMEWW 4500S2-B&D:2023	mg/L	<0,05	0,198	0,495
13	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N	TCVN 5988:1995	mg/L	<1,5	4,95	9,9
14	Clo dư(*)	TCVN 6225-3:2011	mg/L	<1	0,99	1,98
15	Tổng P	SMEWW 4500-P.B&E:2023	mg/L	2,29	3,96	5,94
16	Tổng N	TCVN 6638:2000	mg/L	16,8	19,8	39,6
17	Tổng dầu mỡ khoáng(*)	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	<2,5	4,95	9,9
18	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	KPH	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

*Trịnh Đức Cường*

*Phạm Thị Thanh Thúy*

Trịnh Đức Cường

Phạm Thị Thanh Thúy



**Ghi chú:**

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu \* là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- OCVN 40:2011/BTNMT (Kq=0,9; Kf=1,1) : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

BM.23.01.01

Trang:01

Lần ban hành: 02



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 8, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên  
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

Số 2321/2026 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

## KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Số 158 đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường năm 2026
4	Kế hoạch	K5.08
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-5.08-1
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực lò hơi
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o50'08,4"      Vĩ độ: 21o35'20,1"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5067:1995; TCVN 6137:2009; TCVN 5971:1995; TCVN 7878-2:2018; MCRE-SOP-KK.14(PQT)
10	Ngày lấy mẫu	01/06/2026
11	Ngày phân tích	02/6/2026 đến 09/6/2026

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT
1	Bụi TSP	TCVN 5067:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	108	-
2	CO	QTC-PT01	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<15000	40000
3	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:2009	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<80	10000
4	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<45	10000
5	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dBA	60,5	85

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 6 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM *Trịnh Đức Cường*

PHỤ TRÁCH QA/QC *Phạm Thị Thanh Thủy*

GIÁM ĐỐC *Phạm Văn Đức*

*Trịnh Đức Cường*

Trịnh Đức Cường

*Phạm Thị Thanh Thủy*

Phạm Thị Thanh Thủy



Phạm Văn Đức

**Ghi chú:**

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- MCRE-SOP: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường
- QTC-PT: Quy trình nội bộ hướng dẫn phân tích
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 8, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên  
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

Số 2322/2026 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

## KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Số 158 đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường năm 2026
4	Kế hoạch	K5.08
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-5.08-2
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực xưởng nấu bia
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o50'09,0"      Vĩ độ: 21o35'20,1"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5067:1995; TCVN 6137:2009; TCVN 5971:1995; TCVN 7878-2:2018; MCRE-SOP-KK.14(PQT)
10	Ngày lấy mẫu	01/06/2026
11	Ngày phân tích	02/6/2026 đến 09/6/2026

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT
1	Bụi TSP	TCVN 5067:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	101	-
2	CO	QTC-PT01	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<15000	40000
3	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:2009	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<80	10000
4	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<45	10000
5	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dBA	61,3	85

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 6 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM *Trịnh Đức Cường*

PHỤ TRÁCH QA/QC

GIÁM ĐỐC

*Trịnh Đức Cường*

*Phạm Thị Thanh Thúy*



*Phạm Văn Đức*

Trịnh Đức Cường

Phạm Thị Thanh Thúy

**Ghi chú:**

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- MCRE-SOP: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường
- QTC-PT: Quy trình nội bộ hướng dẫn phân tích
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 8, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên  
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

Số 23231/2026 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

## KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Số 158 đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường năm 2026
4	Kế hoạch	K5.08
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-5.08-3
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực ủ và lên men bia
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o50'09,5"      Vĩ độ: 21o35'19,6"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5067:1995; TCVN 6137:2009; TCVN 5971:1995; TCVN 7878-2:2018; MCRE-SOP-KK.14(PQT)
10	Ngày lấy mẫu	01/06/2026
11	Ngày phân tích	02/6/2026 đến 09/6/2026

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT
1	Bụi TSP	TCVN 5067:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	104	-
2	CO	QTC-PT01	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<15000	40000
3	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:2009	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<80	10000
4	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<45	10000
5	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dBA	60,7	85

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 6 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

GIÁM ĐỐC

Trinh Đức Cường

Phạm Thị Thanh Thúy



Phạm Văn Đức

**Ghi chú:**

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- MCRE-SOP: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường
- QTC-PT: Quy trình nội bộ hướng dẫn phân tích
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 8, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên  
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

Số 2324/2026 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

## KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Số 158 đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường năm 2026
4	Kế hoạch	K5.08
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-5.08-4
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực văn phòng
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o50'10,7"      Vĩ độ: 21o35'21,7"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5067:1995; TCVN 6137:2009; TCVN 5971:1995; TCVN 7878-2:2018; MCRE-SOP-KK.14(PQT)
10	Ngày lấy mẫu	01/06/2026
11	Ngày phân tích	02/6/2026 đến 09/6/2026

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT QCVN 26:2010/BTNMT
1	Bụi TSP	TCVN 5067:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	71	300
2	CO	QTC-PT01	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<15000	30000
3	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:2009	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<80	200
4	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<45	350
5	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dBA	59,2	70

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 6 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

GIÁM ĐỐC

Trịnh Đức Cường

Phạm Thị Thanh Thúy



Phạm Văn Đức

**Ghi chú:**

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- MCRE-SOP: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường
- QTC-PT: Quy trình nội bộ hướng dẫn phân tích
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn





SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 8, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên  
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

Số 2326/2026 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

**KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH**

1	Đơn vị	Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Thái Nguyên
2	Địa chỉ	Số 158 đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường năm 2026
4	Kế hoạch	K5.08
4	Loại mẫu	Nước thải
5	Ký hiệu mẫu	NT-5.08-2
6	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sau khi qua hệ thống xử lý thải ra ngoài môi trường
7	Tọa độ	Kinh độ: 105o50'09,0"                      Vĩ độ: 21o35'22,6"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
9	Ngày lấy mẫu	01/06/2026
10	Ngày phân tích	02/6/2026 đến 09/6/2026

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Kq=0,9; Kf=1,1)	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,2	6-9	5,5-9
2	BOD <sub>5</sub>	SMEWW 5210B:2023	mg/L	28,36	29,7	49,5
3	COD	SMEWW 5220D:2023	mg/L	57,2	74,25	148,5
4	TSS	SMEWW 2540D:2023	mg/L	<10	49,5	99
5	As	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,0053	0,0495	0,099
6	Hg	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,002	0,00495	0,0099
7	Pb	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,0034	0,099	0,495
8	Cd	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,001	0,0495	0,099
9	Cu	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,0083	1,98	1,98
10	Zn	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,01	2,97	2,97
11	Fe	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,301	0,99	4,95
12	S <sup>2-</sup>	SMEWW 4500S2-B&D:2023	mg/L	<0,05	0,198	0,495
13	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N	TCVN 5988:1995	mg/L	1,7	4,95	9,9
14	Clo dư	TCVN 6225-3:2011	mg/L	<1	0,99	1,98
15	Tổng P	SMEWW 4500-P.B&E:2023	mg/L	4,11	3,96	5,94
16	Tổng N	TCVN 6638:2000	mg/L	24,08	19,8	39,6
17	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	2,67	4,95	9,9
18	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	KPH	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 6 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM *lqg*

PHỤ TRÁCH QA/QC



*Trịnh Đức Cường*

*Phạm Thị Thanh Thúy*

Trịnh Đức Cường

Phạm Thị Thanh Thúy

Phạm Văn Đức

**Ghi chú:**

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (giá trị so sánh của các thông số trong quy chuẩn đã được áp dụng hệ số K<sub>q</sub>; K<sub>f</sub>)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ký hiệu: 1K25TTN

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(THU TIỀN NƯỚC)**

Số: 55729

Ngày 21 tháng 01 năm 2025

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**  
 Địa chỉ: **Tổ 1 - Phường Trưng Vương - Thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên - Việt Nam**  
 Điện thoại: **0208 3859519**  
 Mã số thuế: **4600100109**  
 Số tài khoản: **119000022934** Tại: Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Nguyên

Mã người thu: **CQ2** Quầy thu tiền số: **CQ2-C00K04**  
 Tên khách hàng:  
 Tên đơn vị: **Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**  
 Địa chỉ KH: **Số 158, Đường Minh Cầu, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên**  
 Mã số thuế KH: **4600307512** Mã số KH: **8140CT1**  
 Số CCCD: Mã đơn vị QHNS:  
 Thời gian sử dụng theo thông báo tiêu thụ và thanh toán tiền nước tháng: **1/2025**  
 Hình thức thanh toán: **CK/TM**  
 Số tài khoản: **8501211000101** Tại: Ngân hàng NN&PTNN chi nhánh Nam Thái Nguyên

Chỉ số ĐH đầu kỳ	Chỉ số ĐH cuối kỳ	Nước tiêu thụ (m <sup>3</sup> )
284	348	64

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Số lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đ)	Thuế suất (%)	Tiền thuế (đ)	Tổng tiền (đ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5) x (6)	(8) = (5) + (7)
I	Nước tiêu thụ						
1	SX	64	17.700	1.132.800	5	56.640	1.189.440
	<b>Cộng</b>	<b>64</b>		<b>1.132.800</b>	<b>-</b>	<b>56.640</b>	<b>1.189.440</b>
II	Dịch vụ thoát nước	-	-	-	-	-	-
III	Phí bảo vệ môi trường với nước thải sinh hoạt: 0 %						
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>							<b>1.189.440</b>

Số tiền bằng chữ: Một triệu một trăm tám mươi chín ngàn bốn trăm bốn mươi đồng

Đơn vị bán hàng  
Đã được ký điện tử bởi

CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN  
21-01-2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Xuất bởi phần mềm Cloud Invoice của Công ty cổ phần Công nghệ ITT - MST: 0105958921 - Hotline: 024 6675 9966  
 Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <http://hoadon.nuocsachthainguyen.vn>. Mã tra cứu hóa đơn: 12b7b16564



(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ký hiệu: 1K25TTN

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(THU TIỀN NƯỚC)**

Số: 203375

Ngày 24 tháng 03 năm 2025

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**Địa chỉ: **Tổ 1 - Phường Trung Vương - Thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên - Việt Nam**Điện thoại: **0208 3859519**Mã số thuế: **4600100109**Số tài khoản: **119000022934** Tại: **Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Nguyên**Mã người thu: **CQ2**Quầy thu tiền số: **CQ2-C00K04**

Tên khách hàng:

Tên đơn vị: **Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**Địa chỉ KH: **Số 158, Đường Minh Cầu, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên**Mã số thuế KH: **4600307512**Mã số KH: **8140CT1**

Số CCCD:

Mã đơn vị QHNS:

Thời gian sử dụng theo thông báo tiêu thụ và thanh toán tiền nước tháng: **3/2025**Hình thức thanh toán: **CK/TM**Số tài khoản: **8501211000101**Tại: **Ngân hàng NN&PTNN chi nhánh Nam Thái Nguyên**

Chỉ số ĐH đầu kỳ	Chỉ số ĐH cuối kỳ	Nước tiêu thụ (m <sup>3</sup> )
1272	1925	653

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Số lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đ)	Thuế suất (%)	Tiền thuế (đ)	Tổng tiền (đ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5) x (6)	(8) = (5) + (7)
I	Nước tiêu thụ						
1	SX	653	17.700	11.558.100	5	577.905	12.136.005
	<b>Cộng</b>	<b>653</b>		<b>11.558.100</b>	<b>-</b>	<b>577.905</b>	<b>12.136.005</b>
II	Dịch vụ thoát nước	-	-	-	-	-	-
III	Phí bảo vệ môi trường với nước thải sinh hoạt: 0 %						
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>							<b>12.136.005</b>

Số tiền bằng chữ: **Mười hai triệu một trăm ba mươi sáu ngàn không trăm lẻ năm đồng**Đơn vị bán hàng  
Đã được ký điện tử bởi**CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**  
24-03-2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Xuất bởi phần mềm Cloud Invoice của Công ty cổ phần Công nghệ ITT - MST: 0105958921 - Hotline: 024 6675 9966  
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <http://hoadon.nuocsachthainguyen.vn>. Mã tra cứu hóa đơn: **66fcd35723**

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (THU TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K25TTN

Số: 264519

Ngày 24 tháng 04 năm 2025

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**Địa chỉ: **Tổ 1 - Phường Trưng Vương - Thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên - Việt Nam**Điện thoại: **0208 3859519**Mã số thuế: **4600100109**Số tài khoản: **119000022934** Tại: **Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Nguyên**Mã người thu: **CQ2**Quỹ thu tiền số: **CQ2-C00K04**

Tên khách hàng:

Tên đơn vị: **Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**Địa chỉ KH: **Số 158, Đường Minh Cầu, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên**Mã số thuế KH: **4600307512**Mã số KH: **8140CT1**

Số CCCD:

Mã đơn vị QHNS:

Thời gian sử dụng theo thông báo tiêu thụ và thanh toán tiền nước tháng: **4/2025**Hình thức thanh toán: **CK/TM**Số tài khoản: **8501211000101**Tại: **Ngân hàng NN&PTNN chi nhánh Nam Thái Nguyên**

Chỉ số ĐH đầu kỳ	Chỉ số ĐH cuối kỳ	Nước tiêu thụ (m <sup>3</sup> )
1925	2590	665

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Số lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đ)	Thuế suất (%)	Tiền thuế (đ)	Tổng tiền (đ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5) x (6)	(8) = (5) + (7)
I	Nước tiêu thụ						
1	SX	665	17.700	11.770.500	5	588.525	12.359.025
	<b>Cộng</b>	<b>665</b>		<b>11.770.500</b>	<b>-</b>	<b>588.525</b>	<b>12.359.025</b>
II	Dịch vụ thoát nước	-	-	-	-	-	-
III	Phí bảo vệ môi trường với nước thải sinh hoạt: 0 %						
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>							<b>12.359.025</b>

Số tiền bằng chữ: **Mười hai triệu ba trăm năm mươi chín ngàn không trăm hai mươi lăm đồng**

Đơn vị bán hàng  
Đã được ký điện tử bởi

**CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**  
24-04-2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Xuất bởi phần mềm Cloud Invoice của Công ty cổ phần Công nghệ ITT - MST: 0105958921 - Hotline: 024 6675 9966  
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <http://hoadon.nuocsachthainguyen.vn>. Mã tra cứu hóa đơn: **87e4eca641**

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)  
**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
**(THU TIỀN NƯỚC)**

Ký hiệu: 1K25TTN

Số: 341159

Ngày 23 tháng 05 năm 2025

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**  
 Địa chỉ: **Tổ 1 - Phường Trưng Vương - Thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên - Việt Nam**  
 Điện thoại: **0208 3859519**  
 Mã số thuế: **4600100109**  
 Số tài khoản: **119000022934** Tại: **Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Nguyên**

Mã người thu: **CQ2** Quầy thu tiền số: **CQ2-C00K04**  
 Tên khách hàng:  
 Tên đơn vị: **Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**  
 Địa chỉ KH: **Số 158, Đường Minh Cầu, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên**  
 Mã số thuế KH: **4600307512** Mã số KH: **8140CT1**  
 Số CCCD: Mã đơn vị QHNS:  
 Thời gian sử dụng theo thông báo tiêu thụ và thanh toán tiền nước tháng: **5/2025**  
 Hình thức thanh toán: **CK/TM**  
 Số tài khoản: **8501211000101** Tại: **Ngân hàng NN&PTNN chi nhánh Nam Thái Nguyên**

Chỉ số ĐH đầu kỳ	Chỉ số ĐH cuối kỳ	Nước tiêu thụ (m <sup>3</sup> )
2590	4854	2264

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Số lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đ)	Thuế suất (%)	Tiền thuế (đ)	Tổng tiền (đ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5) x (6)	(8) = (5) + (7)
I	Nước tiêu thụ						
1	SX	2.264	17.700	40.072.800	5	2.003.640	42.076.440
	<b>Cộng</b>	<b>2264</b>		<b>40.072.800</b>	-	<b>2.003.640</b>	<b>42.076.440</b>
II	Dịch vụ thoát nước	-	-	-	-	-	-
III	Phí bảo vệ môi trường với nước thải sinh hoạt: 0 %						
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>							<b>42.076.440</b>

Số tiền bằng chữ: **Bốn mươi hai triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn bốn trăm bốn mươi đồng**

Đơn vị bán hàng  
 Đã được ký điện tử bởi

**CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**  
 23-05-2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Xuất bởi phần mềm Cloud Invoice của Công ty cổ phần Công nghệ ITT - MST: 0105958921 - Hotline: 024 6675 9966  
 Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <http://headon.nuocsachthainguyen.vn>. Mã tra cứu hóa đơn: **2556cd4c7b6**

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(THU TIỀN NƯỚC)**

Ký hiệu: 1K25TTN

Số: 418504

Ngày 23 tháng 06 năm 2025

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**Địa chỉ: **Tổ 1 - Phường Trưng Vương - Thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên - Việt Nam**Điện thoại: **0208 3859519**Mã số thuế: **4600100109**Số tài khoản: **119000022934** Tại: **Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Nguyên**Mã người thu: **CQ2**Quyển thu tiền số: **CQ2-C00K04**

Tên khách hàng:

Tên đơn vị: **Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**Địa chỉ KH: **Số 158, Đường Minh Cầu, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên**Mã số thuế KH: **4600307512**Mã số KH: **8140CT1**

Số CCCD:

Mã đơn vị QHNS:

Thời gian sử dụng theo thông báo tiêu thụ và thanh toán tiền nước tháng: **6/2025**Hình thức thanh toán: **CK/TM**Số tài khoản: **8501211000101**Tại: **Ngân hàng NN&PTNN chi nhánh Nam Thái Nguyên**

Chỉ số ĐH đầu kỳ	Chỉ số ĐH cuối kỳ	Nước tiêu thụ (m <sup>3</sup> )
4854	6034	1180

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Số lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đ)	Thuế suất (%)	Tiền thuế (đ)	Tổng tiền (đ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5) x (6)	(8) = (5) + (7)
I	Nước tiêu thụ						
1	SX	1.180	17.700	20.886.000	5	1.044.300	21.930.300
	<b>Cộng</b>	<b>1180</b>		<b>20.886.000</b>	<b>-</b>	<b>1.044.300</b>	<b>21.930.300</b>
II	Dịch vụ thoát nước	-	-	-	-	-	-
III	Phí bảo vệ môi trường với nước thải sinh hoạt: 0 %						
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>							<b>21.930.300</b>

Số tiền bằng chữ: Hai mươi một triệu chín trăm ba mươi ngàn ba trăm đồng

Đơn vị bán hàng  
Đã được ký điện tử bởi**CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**  
23-06-2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Xuất bởi phần mềm Cloud Invoice của Công ty cổ phần Công nghệ ITT - MST: 0105958921 - Hotline: 024 6675 9966  
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <http://hoadon.nuocsachthainguyen.vn>. Mã tra cứu hóa đơn: 256522734b074

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(THU TIỀN NƯỚC)**

Ký hiệu: 1K25TTN

Số: 516437

Ngày 25 tháng 07 năm 2025

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**  
 Địa chỉ: **Phường Phan Đình Phùng - Tỉnh Thái Nguyên - Việt Nam**  
 Điện thoại: **0208 3859519**  
 Mã số thuế: **4600100109**  
 Số tài khoản: **119000022934** Tại: **Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Nguyên**

Mã người thu: **CQ2** Quầy thu tiền số: **CQ2-C00K04**  
 Tên khách hàng:

Tên đơn vị: **Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**  
 Địa chỉ KH: **Số 158, Đường Minh Cầu, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên**  
 Mã số thuế KH: **4600307512** Mã số KH: **8140CT1**  
 Số CCCD: Mã đơn vị QHNS:

Thời gian sử dụng theo thông báo tiêu thụ và thanh toán tiền nước tháng: **7/2025**

Hình thức thanh toán: **CK/TM**

Số tài khoản: **8501211000101**

Tại: **Ngân hàng NN&PTNN chi nhánh Nam Thái Nguyên**

Chỉ số ĐH đầu kỳ	Chỉ số ĐH cuối kỳ	Nước tiêu thụ (m <sup>3</sup> )
6034	6876	842

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Số lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đ)	Thuế suất (%)	Tiền thuế (đ)	Tổng tiền (đ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5) x (6)	(8) = (5) + (7)
I	Nước tiêu thụ						
1	SX	842	17.700	14.903.400	5	745.170	15.648.570
	<b>Cộng</b>	842		14.903.400	-	745.170	15.648.570
II	Dịch vụ thoát nước	-	-	-	-	-	-
III	Phí bảo vệ môi trường với nước thải sinh hoạt: 0 %						
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>							<b>15.648.570</b>

Số tiền bằng chữ: **Mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm bảy mươi đồng**

Đơn vị bán hàng  
Đã được ký điện tử bởi

**CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**  
25-07-2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Xuất bởi phần mềm Cloud Invoice của Công ty cổ phần Công nghệ ITT - MST: 0105958921 - Hotline: 024 6675 9966  
 Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <http://headon.nuocsachthainguyen.vn>. Mã tra cứu hóa đơn: **25754f0702279**

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ký hiệu: 1K25TTN

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(THU TIỀN NƯỚC)**

Số: 586163

Ngày 25 tháng 08 năm 2025

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**Địa chỉ: **Phường Phan Đình Phùng - Tỉnh Thái Nguyên - Việt Nam**Điện thoại: **0208 3859519**Mã số thuế: **4600100109**Số tài khoản: **119000022934** Tại: **Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Nguyên**Mã người thu: **CQ2**Quầy thu tiền số: **CQ2-C00K04**

Tên khách hàng:

Tên đơn vị: **Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**Địa chỉ KH: **Số 158, Đường Minh Cầu, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên**Mã số thuế KH: **4600307512**Mã số KH: **8140CT1**

Số CCCD:

Mã đơn vị QHNS:

Thời gian sử dụng theo thông báo tiêu thụ và thanh toán tiền nước tháng: **8/2025**Hình thức thanh toán: **CK/TM**Số tài khoản: **8501211000101**Tại: **Ngân hàng NN&PTNN chi nhánh Nam Thái Nguyên**

Chỉ số ĐH đầu kỳ	Chỉ số ĐH cuối kỳ	Nước tiêu thụ (m <sup>3</sup> )
6876	12215	5339

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Số lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đ)	Thuế suất (%)	Tiền thuế (đ)	Tổng tiền (đ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5) x (6)	(8) = (5) + (7)
I	Nước tiêu thụ						
1	SX	5.339	17.700	94.500.300	5	4.725.015	99.225.315
	<b>Cộng</b>	<b>5339</b>		<b>94.500.300</b>	<b>-</b>	<b>4.725.015</b>	<b>99.225.315</b>
II	Dịch vụ thoát nước	-	-	-	-	-	-
III	Phí bảo vệ môi trường với nước thải sinh hoạt: 0 %						
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>							<b>99.225.315</b>

**Số tiền bằng chữ: Chín mươi chín triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn ba trăm mười lăm đồng**Đơn vị bán hàng  
Đã được ký điện tử bởi**CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**  
25-08-2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Xuất bởi phần mềm Cloud Invoice của Công ty cổ phần Công nghệ ITT - MST: 0105958921 - Hotline: 024 6675 9966  
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <http://hoadon.nuocsachthainguyen.vn>. Mã tra cứu hóa đơn: **258287b8c041f**

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ký hiệu: 1K25TTN

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(THU TIỀN NƯỚC)**

Số: 658459

Ngày 24 tháng 09 năm 2025

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**  
 Địa chỉ: **Phường Phan Đình Phùng - Tỉnh Thái Nguyên - Việt Nam**  
 Điện thoại: **0208 3859519**  
 Mã số thuế: **4600100109**  
 Số tài khoản: **119000022934** Tại: **Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Nguyên**

Mã người thu: **CQ2** Quầy thu tiền số: **CQ2-C00K04**  
 Tên khách hàng:  
 Tên đơn vị: **Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**  
 Địa chỉ KH: **Số 158, Đường Minh Cầu, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên**  
 Mã số thuế KH: **4600307512** Mã số KH: **8140CT1**  
 Số CCCD: Mã đơn vị QHNS:  
 Thời gian sử dụng theo thông báo tiêu thụ và thanh toán tiền nước tháng: **9/2025**  
 Hình thức thanh toán: **CK/TM**  
 Số tài khoản: **8501211000101** Tại: **Ngân hàng NN&PTNN chi nhánh Nam Thái Nguyên**

Chỉ số ĐH đầu kỳ	Chỉ số ĐH cuối kỳ	Nước tiêu thụ (m <sup>3</sup> )
12215	13081	866

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Số lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đ)	Thuế suất (%)	Tiền thuế (đ)	Tổng tiền (đ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5) x (6)	(8) = (5) + (7)
I	Nước tiêu thụ						
1	SX	866	17.700	15.328.200	5	766.410	16.094.610
	<b>Cộng</b>	866		<b>15.328.200</b>	-	<b>766.410</b>	<b>16.094.610</b>
II	Dịch vụ thoát nước	-	-	-	-	-	-
III	Phí bảo vệ môi trường với nước thái sinh hoạt: 0 %						
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>							<b>16.094.610</b>

Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu không trăm chín mươi bốn ngàn sáu trăm mười đồng

Đơn vị bán hàng  
Đã được ký điện tử bởi

CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN  
24-09-2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Xuất bởi phần mềm Cloud Invoice của Công ty cổ phần Công nghệ ITT - MST: 0105958921 - Hotline: 024 6675 9966  
 Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <http://hoadon.nuocsachthainguyen.vn>. Mã tra cứu hóa đơn: 2598b637c45d

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)  
**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
**(THU TIỀN NƯỚC)**

Ký hiệu: 1K25TTN

Số: 729464

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**  
 Địa chỉ: **Phường Phan Đình Phùng - Tỉnh Thái Nguyên - Việt Nam**  
 Điện thoại: **0208 3859519**  
 Mã số thuế: **4600100109**  
 Số tài khoản: **119000022934** Tại: **Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Nguyên**

Mã người thu: **CQ2** Quay thu tiền số: **CQ2-C00K04**  
 Tên khách hàng:  
 Tên đơn vị: **Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**  
 Địa chỉ KH: **Số 158, Đường Minh Cầu, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên**  
 Mã số thuế KH: **4600307512** Mã số KH: **8140CT1**  
 Số CCCD: Mã đơn vị QHNS:  
 Thời gian sử dụng theo thông báo tiêu thụ và thanh toán tiền nước tháng: **10/2025**  
 Hình thức thanh toán: **CK/TM**  
 Số tài khoản: **8501211000101** Tại: **Ngân hàng NN&PTNN chi nhánh Nam Thái Nguyên**

Chỉ số ĐH đầu kỳ	Chỉ số ĐH cuối kỳ	Nước tiêu thụ (m <sup>3</sup> )
13081	13568	487

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Số lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đ)	Thuế suất (%)	Tiền thuế (đ)	Tổng tiền (đ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5) x (6)	(8) = (5) + (7)
I	Nước tiêu thụ						
1	SX	487	17.700	8.619.900	5	430.995	9.050.895
	<b>Cộng</b>	487		8.619.900	-	430.995	9.050.895
II	Dịch vụ thoát nước	-	-	-	-	-	-
III	Phí bảo vệ môi trường với nước thải sinh hoạt: 0 %						-
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>							<b>9.050.895</b>

Số tiền bằng chữ: **Chín triệu không trăm năm mươi ngàn tám trăm chín mươi lăm đồng**

Đơn vị bán hàng  
 Đã được ký điện tử bởi

**CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**  
 24-10-2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Xuất bởi phần mềm Cloud Invoice của Công ty cổ phần Công nghệ ITT - MST: 0105958921 - Hotline: 024 6675 9966  
 Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <http://hoadon.nuocsachthainguyen.vn>. Mã tra cứu hóa đơn: **2510407dfc1f91**

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ký hiệu: 1K25TTN

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(THU TIỀN NƯỚC)**

Số: 813332

Ngày 24 tháng 11 năm 2025

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**Địa chỉ: **Phường Phan Đình Phùng - Tỉnh Thái Nguyên - Việt Nam**Điện thoại: **0208 3859519**Mã số thuế: **4600100109**Số tài khoản: **119000022934** Tại: **Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Nguyên**Mã người thu: **CQ2**Quỹ thu tiền số: **CQ2-C00K04**

Tên khách hàng:

Tên đơn vị: **Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**Địa chỉ KH: **Số 158, Đường Minh Cầu, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên**Mã số thuế KH: **4600307512**Mã số KH: **8140CT1**

Số CCCD:

Mã đơn vị QHNS:

Thời gian sử dụng theo thông báo tiêu thụ và thanh toán tiền nước tháng: **11/2025**Hình thức thanh toán: **CK/TM**Số tài khoản: **8501211000101**Tại: **Ngân hàng NN&PTNN chi nhánh Nam Thái Nguyên**

Chỉ số ĐH đầu kỳ	Chỉ số ĐH cuối kỳ	Nước tiêu thụ (m <sup>3</sup> )
13568	13904	336

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Số lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đ)	Thuế suất (%)	Tiền thuế (đ)	Tổng tiền (đ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5) x (6)	(8) = (5) + (7)
I	Nước tiêu thụ						
1	SX	336	17.700	5.947.200	5	297.360	6.244.560
	<b>Cộng</b>	<b>336</b>		<b>5.947.200</b>	-	<b>297.360</b>	<b>6.244.560</b>
II	Dịch vụ thoát nước	-	-	-	-	-	-
III	Phí bảo vệ môi trường với nước thải sinh hoạt: 0 %						
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>							<b>6.244.560</b>

Số tiền bằng chữ: **Sáu triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm sáu mươi đồng**Đơn vị bán hàng  
Đã được ký điện tử bởi**CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**  
24-11-2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Xuất bởi phần mềm Cloud Invoice của Công ty cổ phần Công nghệ ITT - MST: 0105958921 - Hotline: 024 6675 9966  
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <http://hoadon.nuocsachthainguyen.vn>. Mã tra cứu hóa đơn: **251122741138d5**

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ký hiệu: 1K25TTN

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(THU TIỀN NƯỚC)**

Số: 889328

Ngày 24 tháng 12 năm 2025

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**Địa chỉ: **Phường Phan Đình Phùng - Tỉnh Thái Nguyên - Việt Nam**Điện thoại: **0208 3859519**Mã số thuế: **4600100109**Số tài khoản: **119000022934** Tại: **Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Nguyên**Mã người thu: **CQ2**Quầy thu tiền số: **CQ2-C00K04**

Tên khách hàng:

Tên đơn vị: **Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên**Địa chỉ KH: **Số 158, Đường Minh Cầu, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên**Mã số thuế KH: **4600307512**Mã số KH: **8140CT1**

Số CCCD:

Mã đơn vị QHNS:

Thời gian sử dụng theo thông báo tiêu thụ và thanh toán tiền nước tháng: **12/2025**Hình thức thanh toán: **CK/TM**Số tài khoản: **8501211000101**Tại: **Ngân hàng NN&PTNN chi nhánh Nam Thái Nguyên**

Chỉ số ĐH đầu kỳ	Chỉ số ĐH cuối kỳ	Nước tiêu thụ (m <sup>3</sup> )
13904	14258	354

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Số lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đ)	Thuế suất (%)	Tiền thuế (đ)	Tổng tiền (đ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5) x (6)	(8) = (5) + (7)
I	Nước tiêu thụ						
1	SX	354	17.700	6.265.800	5	313.290	6.579.090
	<b>Cộng</b>	<b>354</b>		<b>6.265.800</b>	-	<b>313.290</b>	<b>6.579.090</b>
II	Dịch vụ thoát nước	-	-	-	-	-	-
III	Phí bảo vệ môi trường với nước thải sinh hoạt: 0 %						
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>							<b>6.579.090</b>

Số tiền bằng chữ: **Sáu triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn không trăm chín mươi đồng****Đơn vị bán hàng  
Đã được ký điện tử bởi****CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN  
24-12-2025**

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Xuất bởi phần mềm Cloud Invoice của Công ty cổ phần Công nghệ ITT - MST: 0105958921 - Hotline: 024 6675 9966  
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <http://hoadon.nuocsachthainguyen.vn>. Mã tra cứu hóa đơn: **251244eadb680a**



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực TP Thái Nguyên - Số TK: 119000151954 - Tại NH: NH Công thương VN (VIETINBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 04 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPL

Số (No): 137399

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên

Mã số thuế (Tax code): 4600307512

Địa chỉ (Address): Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04TP1130169

Số tài khoản (Account No): 8501211000101 Tại Ngân hàng Nông Nghiệp (Agribank)

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/01/2025	kWh	18.227	-	41.160.432
	(kèm theo bảng kê số 1566688747 ngày 04 tháng 02 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					41.160.432
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		3.292.835
Tỷ giá (Exchanged rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		44.453.267
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 04/ 02/ 2025 15:15:03



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực TP Thái Nguyên - Số TK: 119000151954 - Tại NH: NH Công thương VN (VIETINBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 04 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPL

Số (No): 221170

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên

Mã số thuế (Tax code): 4600307512

Địa chỉ (Address): Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04TP1130169

Số tài khoản (Account No): 8501211000101 Tại Ngân hàng Nông Nghiệp (Agribank)

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2025 từ ngày 01/02/2025 đến ngày 28/02/2025 (kèm theo bảng kê số 1579292476 ngày 04 tháng 03 năm 2025)	kWh	23.988	-	51.876.300
Tổng cộng tiền hàng (Total amount):					51.876.300
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		4.150.104
Tỷ giá (Exchanged rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		56.026.404

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi sáu triệu không trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm linh bốn đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 04/03/2025 11:05:12



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực TP Thái Nguyên - Số TK: 119000151954 - Tại NH: NH Công thương VN (VIETINBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 04 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPL  
Số (No): 438024

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên

Mã số thuế (Tax code): 4600307512

Địa chỉ (Address): Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04TP1130169

Số tài khoản (Account No): 8501211000101 Tại Ngân hàng Nông Nghiệp (Agribank)

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2025 từ ngày 01/03/2025 đến ngày 31/03/2025 (kèm theo bảng kê số 1591802297 ngày 04 tháng 04 năm 2025)	kWh	43.213	-	92.394.663
Cộng tiền hàng (Total amount):					92.394.663
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.391.573
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 99.786.236
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi chín triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 04/ 04/ 2025 07:57:39



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực TP Thái Nguyên - Số TK: 119000151954 - Tại NH: NH Công thương VN (VIETINBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPL

Số (No): 504423

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên

Mã số thuế (Tax code): 4600307512

Địa chỉ (Address): Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04TP1130169

Số tài khoản (Account No): 8501211000101 Tại Ngân hàng Nông Nghiệp (Agribank)

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2025 từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/04/2025 (kèm theo bảng kê số 1605312982 ngày 03 tháng 05 năm 2025)	kWh	71.143	-	150.475.442
Cộng tiền hàng (Total amount):					150.475.442
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 12.038.035
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 162.513.477
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm mười ba nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 03/05/2025 13:37:12



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực TP Thái Nguyên - Số TK: 119000151954 - Tại NH: NH Công thương VN (VIETINBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPL

Số (No): 657276

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên

Mã số thuế (Tax code): 4600307512

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04TP1130169

Số tài khoản (Account No): 8501211000101 Tại Ngân hàng Nông Nghiệp (Agribank)

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2025 từ ngày 01/05/2025 đến ngày 31/05/2025 (kèm theo bảng kê số 1617992465 ngày 03 tháng 06 năm 2025)	kWh	70.139	-	149.539.528
Cộng tiền hàng (Total amount):					149.539.528
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 11.963.162
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 161.502.690
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm sáu mươi một triệu năm trăm linh hai nghìn sáu trăm chín mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 04/06/2025 08:14:53



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực TP Thái Nguyên - Số TK: 119000151954 - Tại NH: NH Công thương VN (VIETINBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPL

Số (No): 657386

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên

Mã số thuế (Tax code): 4600307512

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04TP1130169

Số tài khoản (Account No): 8501211000101 Tại Ngân hàng Nông Nghiệp (Agribank)

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2025 từ ngày 01/06/2025 đến ngày 15/06/2025 (kèm theo bảng kê số 1619435173 ngày 17 tháng 06 năm 2025)	kWh	39.762	-	88.614.114
Cộng tiền hàng (Total amount):					88.614.114
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.089.129
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 95.703.243
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi lăm triệu bảy trăm linh ba nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 17/06/2025 14:26:01



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực TP Thái Nguyên - Số TK: 119000151954 - Tại NH: NH Công thương VN (VIETINBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPL

Số (No): 691355

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên

Mã số thuế (Tax code): 4600307512

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04TP1130169

Số tài khoản (Account No): 8501211000101 Tại Ngân hàng Nông Nghiệp (Agribank)

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 6 năm 2025 từ ngày 16/06/2025 đến ngày 30/06/2025 (kèm theo bảng kê số 1631662347 ngày 30 tháng 06 năm 2025)	kWh	28.259	-	62.897.635
Cộng tiền hàng (Total amount):					62.897.635
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.031.811
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 67.929.446
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi bảy triệu chín trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 30/06/2025 23:40:39



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Công ty Điện lực Thái Nguyên - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc - Số TK: 119000151954 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Thái Nguyên



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPL

Số (No): 767532

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên

Mã số thuế (Tax code): 4600307512

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04TP1130169

Số tài khoản (Account No): 8501211000101 Tại Ngân hàng Nông Nghiệp (Agribank)

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 7 năm 2025 từ ngày 01/07/2025 đến ngày 15/07/2025	kWh	32.362	-	72.017.859
	(kèm theo bảng kê số 1633372319 ngày 18 tháng 07 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					72.017.859
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.761.429
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 77.779.288

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm tám mươi tám đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 18/ 07/ 2025 10:35:48



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Công ty Điện lực Thái Nguyên - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc - Số TK: 119000151954 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Thái Nguyên



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPL

Số (No): 877602

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên

Mã số thuế (Tax code): 4600307512

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04TP1130169

Số tài khoản (Account No): 8501211000101 Tại Ngân hàng Nông Nghiệp (Agribank)

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 7 năm 2025 từ ngày 16/07/2025 đến ngày 31/07/2025 (kèm theo bảng kê số 1647124980 ngày 03 tháng 08 năm 2025)	kWh	41.210	-	92.379.303
Cộng tiền hàng (Total amount):					92.379.303
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):		7.390.344	
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		99.769.647	
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 03/08/2025 19:07:54



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Công ty Điện lực Thái Nguyên - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc - Số TK: 119000151954 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Thái Nguyên



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPL

Số (No): 877793

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên

Mã số thuế (Tax code): 4600307512

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04TP1130169

Số tài khoản (Account No): 8501211000101 Tại Agribank chi nhánh phú lương thái nguyên

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 8 năm 2025 từ ngày 01/08/2025 đến ngày 15/08/2025 (kèm theo bảng kê số 1647533577 ngày 18 tháng 08 năm 2025)	kWh	31.524	-	68.510.348
Cộng tiền hàng (Total amount):					68.510.348
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.480.828
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 73.991.176
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi ba triệu chín trăm chín mươi một nghìn một trăm bảy mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 18/08/2025 08:35:27



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Công ty Điện lực Thái Nguyên - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc - Số TK: 119000151954 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Thái Nguyên



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPL

Số (No): 878396

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên

Mã số thuế (Tax code): 4600307512

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04TP1130169

Số tài khoản (Account No): 8501211000101 Tại Agribank chi nhánh phú lương thái nguyên

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 8 năm 2025 từ ngày 16/08/2025 đến ngày 31/08/2025 (kèm theo bảng kê số 1657879384 ngày 03 tháng 09 năm 2025)	kWh	32.645	-	70.930.312
Cộng tiền hàng (Total amount):					70.930.312
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.674.425
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 76.604.737
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi sáu triệu sáu trăm linh bốn nghìn bảy trăm ba mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 03/09/2025 15:57:38



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Công ty Điện lực Thái Nguyên - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc - Số TK: 119000151954 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Thái Nguyên



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPL

Số (No): 988275

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên

Mã số thuế (Tax code): 4600307512

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04TP1130169

Số tài khoản (Account No): 8501211000101 Tại Agribank chi nhánh phú lương thái nguyên

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 9 năm 2025 từ ngày 01/09/2025 đến ngày 15/09/2025	kWh	28.517	-	61.441.243
	(kèm theo bảng kê số 1660486525 ngày 17 tháng 09 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					61.441.243
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):		4.915.299	
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		66.356.542	
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi sáu triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 17/ 09/ 2025 14:14:27



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Công ty Điện lực Thái Nguyên - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc - Số TK: 119000151954 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Thái Nguyên



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPL

Số (No): 1046298

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên

Mã số thuế (Tax code): 4600307512

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04TP1130169

Số tài khoản (Account No): 8501211000101 Tại Agribank chi nhánh phú lương thái nguyên

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 9 năm 2025 từ ngày 16/09/2025 đến ngày 30/09/2025	kWh	21.366	-	46.723.117
	(kèm theo bảng kê số 1672884953 ngày 03 tháng 10 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					46.723.117
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.737.849
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 50.460.966

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 03/ 10/ 2025 14:58:48



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Công ty Điện lực Thái Nguyên - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc - Số TK: 119000151954 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Thái Nguyên



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPL

Số (No): 1089867

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên

Mã số thuế (Tax code): 4600307512

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04TP1130169

Số tài khoản (Account No): 8501211000101 Tại Agribank chi nhánh phú lương thái nguyên

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 10 năm 2025 từ ngày 01/10/2025 đến ngày 15/10/2025 (kèm theo bảng kê số 1673988771 ngày 17 tháng 10 năm 2025)	kWh	17.476	-	37.817.399
Cộng tiền hàng (Total amount):					37.817.399
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.025.392
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 40.842.791
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi mốt đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 17/10/2025 20:26:21



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Công ty Điện lực Thái Nguyên - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc - Số TK: 119000151954 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Thái Nguyên



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 04 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPL

Số (No): 1090216

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên

Mã số thuế (Tax code): 4600307512

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04TP1130169

Số tài khoản (Account No): 8501211000101 Tại Agribank chi nhánh phú lương thái nguyên

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đơn vị tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 10 năm 2025 từ ngày 16/10/2025 đến ngày 31/10/2025 (kèm theo bảng kê số 1686583822 ngày 04 tháng 11 năm 2025)	kWh	15.530	-	34.623.668
Cộng tiền hàng (Total amount):					34.623.668
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		2.769.893
Tỷ giá (Exchanged rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		37.393.561
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi bảy triệu ba trăm chín mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi mốt đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 04/11/2025 09:14:30



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Công ty Điện lực Thái Nguyên - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc - Số TK: 119000151954 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Thái Nguyên



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPL

Số (No): 1250596

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên

Mã số thuế (Tax code): 4600307512

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04TP1130169

Số tài khoản (Account No): 8501211000101 Tại Agribank chi nhánh phú lương thái nguyên

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2025 từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025 (kèm theo bảng kê số 1698373754 ngày 02 tháng 12 năm 2025)	kWh	21.920	-	48.571.084
Tổng tiền hàng (Total amount):					48.571.084
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):		3.885.687	
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		52.456.771	
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi hai triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 02/12/2025 19:32:40



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Công ty Điện lực Thái Nguyên - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc - Số TK: 119000151954 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Thái Nguyên



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial): 1K26TPL

Số (No): 100139

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên

Mã số thuế (Tax code): 4600307512

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 158, đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04TP1130169

Số tài khoản (Account No): 8501211000101 Tại Agribank chi nhánh phú lương thái nguyên

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

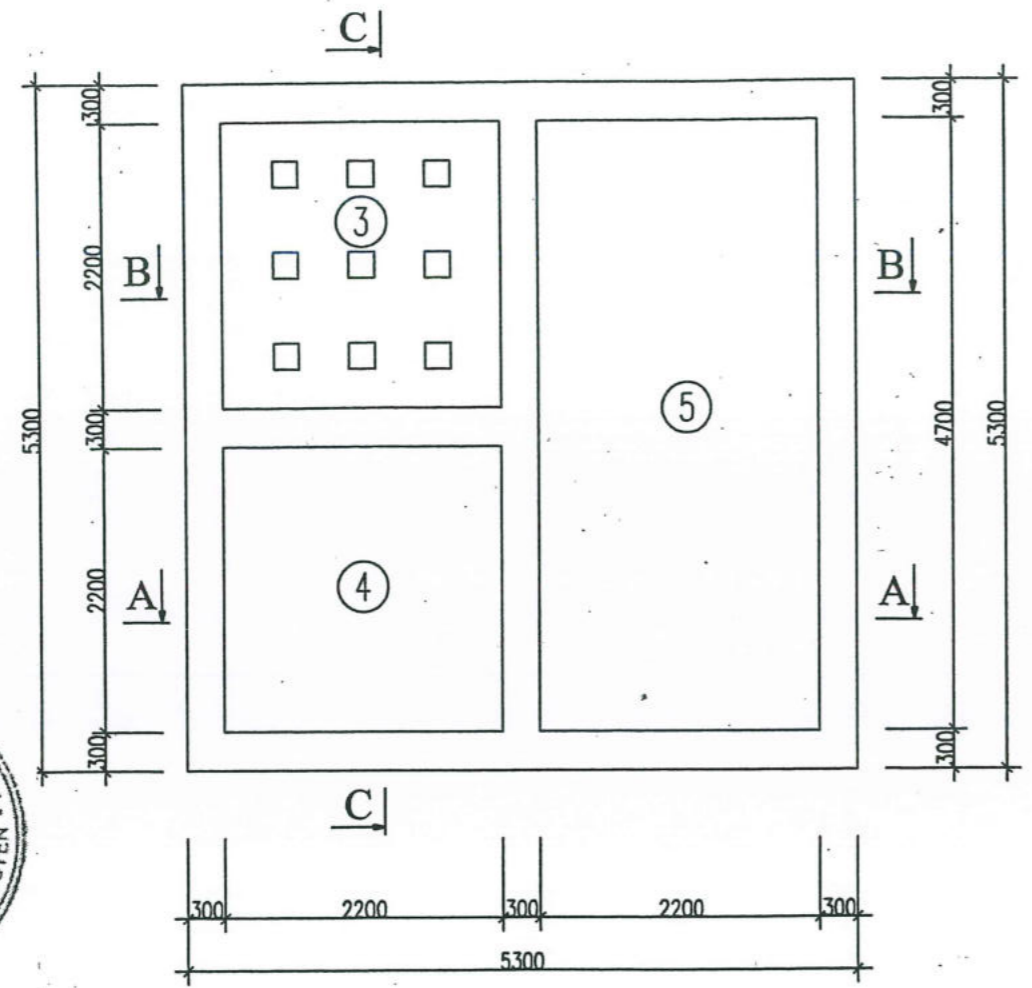
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2025 từ ngày 01/12/2025 đến ngày 31/12/2025 (kèm theo bảng kê số 1713511037 ngày 02 tháng 01 năm 2026)	kWh	26.480	-	59.171.032
Cộng tiền hàng (Total amount):					59.171.032
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		4.733.683
Tỷ giá (Exchanged rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		63.904.715
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi ba triệu chín trăm linh bốn nghìn bảy trăm mười lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

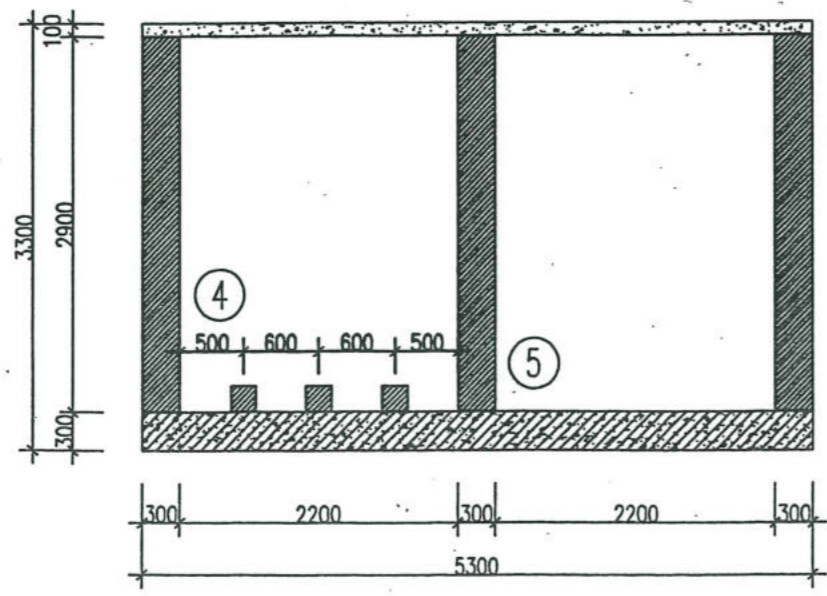
Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC  
Ngày ký: 02/ 01/ 2026 18:49:24

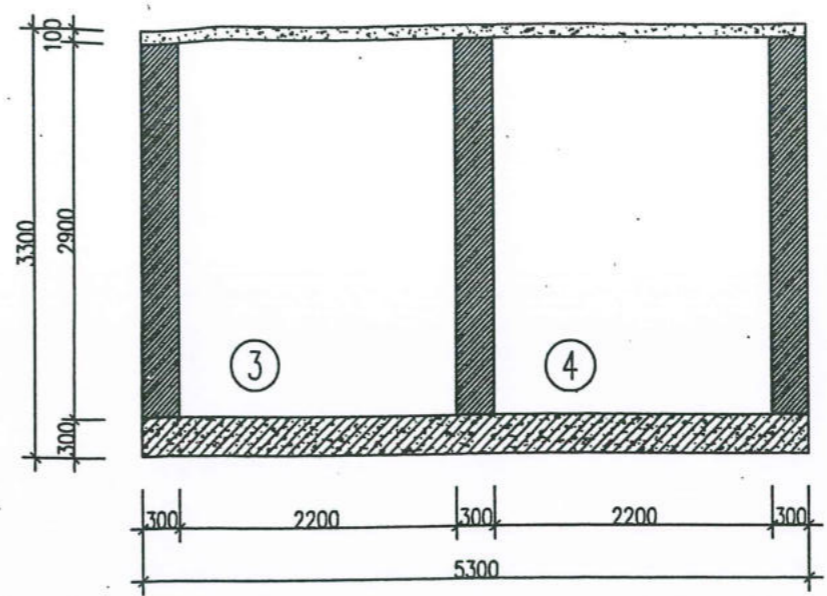
DNTN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÁI TÍN  
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày ..... tháng ..... năm 2015...  
 GIÁM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ  
 TỰ VẤN GIÁM SÁT NHÀ SÀN THỦ CÔNG  
 DOANH NGHIỆP  
 TỰ NHẬN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÁI TÍN  
 TP. THÁI NGUYÊN - T. THÁI NGUYÊN



**MẶT BẰNG CẢI TẠO BỂ LẮNG, KHỬ TRÙNG**



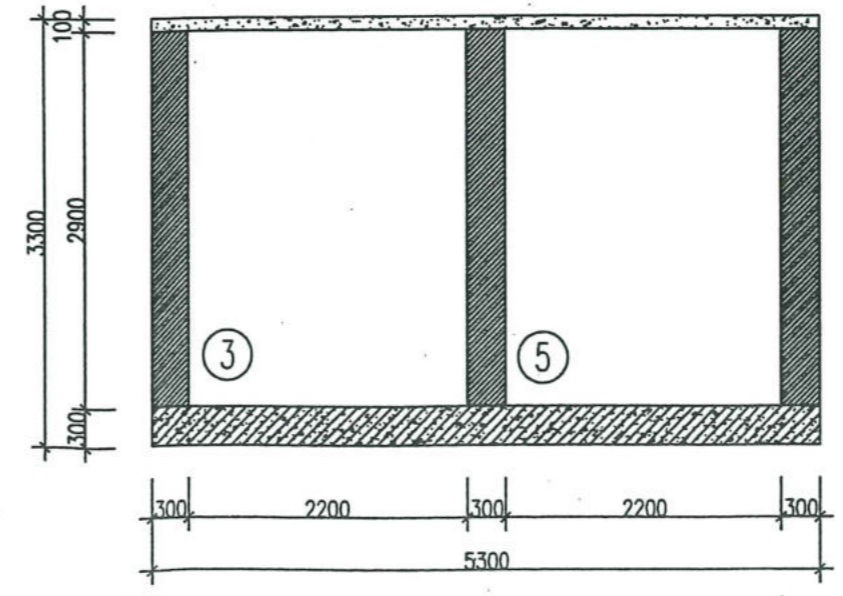
**MẶT CẮT A-A**



**MẶT CẮT C-C**

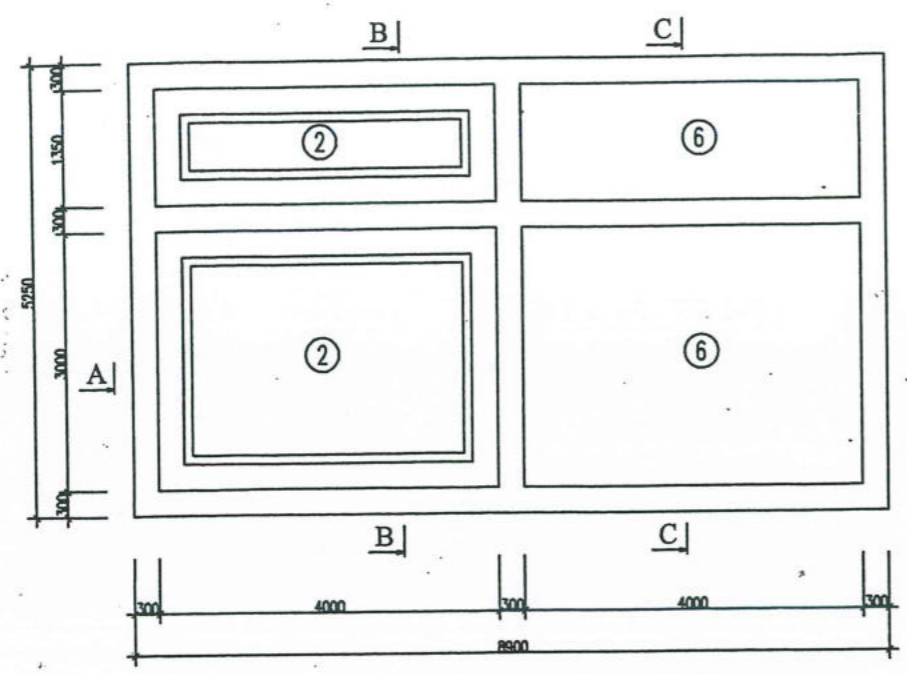
**NỘI DUNG CẢI TẠO**

- PHÁ ĐỔ TOÀN BỘ HỆ THỐNG ỐNG TRUNG TÂM, ĐÁY CÒN
- TRÁT LẠI TOÀN BỘ NHỮNG CHỖ ĐÃ PHÁ ĐỔ, ĐẢM BẢO CHỐNG THẤM

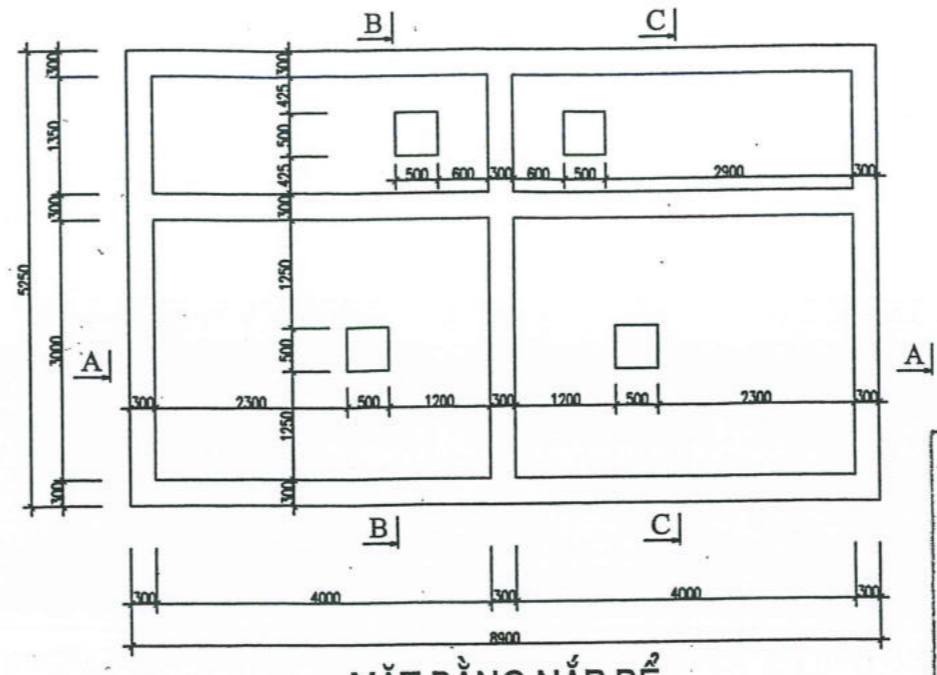


**MẶT CẮT B-B**

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THÁI NGUYÊN	
CÔNG TRÌNH NÂNG CẤP, CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Công suất: 400 m <sup>3</sup> /ngàyđêm)	
HẠNG MỤC- BẢN VẼ XÂY DỰNG	
CƠ QUAN THỰC HIỆN VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG 18 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội, Việt Nam Tel: +84 4 7567854; Fax: +84 4 7911203	
PHÓ VIỆN TRƯỞNG VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG	
TRINH VĂN TUYẾN QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
NGUYỄN TUẤN MINH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
LƯƠNG MINH QUANG THIẾT KẾ	
TRẦN CÔNG HẢI KIỂM	
TRẦN CÔNG HẢI	
NỘI DUNG BẢN VẼ CẢI TẠO BỂ AROTEN TRUNG GIAN, KHỬ TRÙNG	
HT: 2015	SỐ LƯỢNG: 01
CT.02	

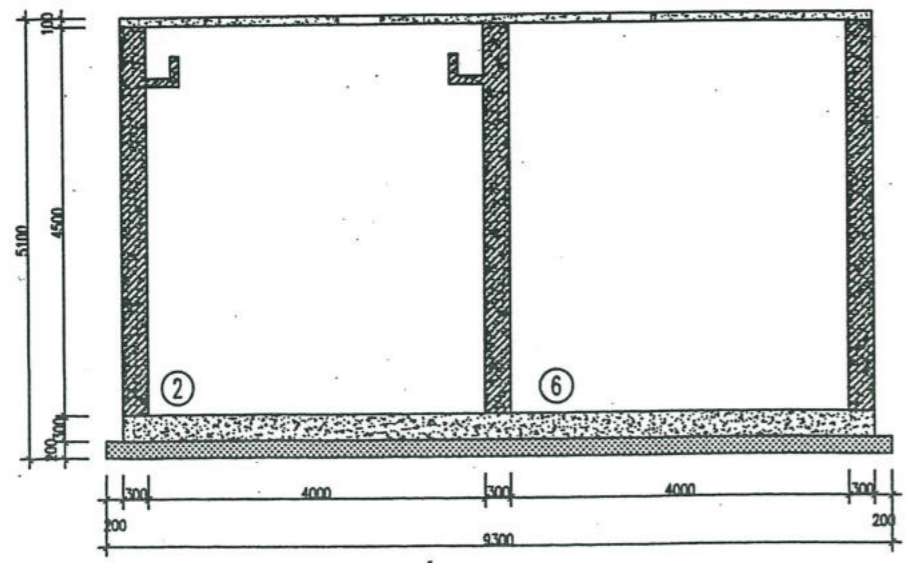


MẶT BẰNG CẢI TẠO BỂ YẾM KHÍ

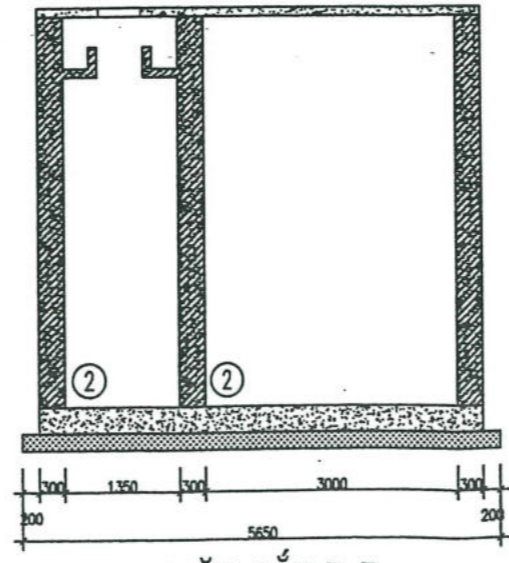


MẶT BẰNG NẮP BÊ

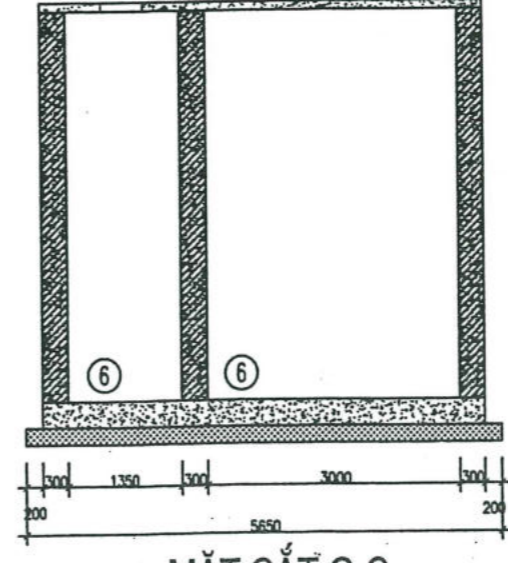
**NỘI DUNG CẢI TẠO**  
 - PHÁ ĐÓ TOÀN BỘ ĐÁY CỒN, MĂNG TRẦN, CON KÈ ĐÓ ỐNG DƯỚI ĐÁY BỂ (6)  
 - TRÁT LẠI TOÀN BỘ NHỮNG CHỖ ĐÃ PHÁ ĐÓ, ĐẢM BẢO CHỐNG THẤM



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT C-C

DN TN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THAI TÍN  
 BÁN VẼ HOÀN CÔNG  
 Ngày... tháng... năm 2015...  
 GIÁM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ TỰ NHIỆM SÁT NHA CÔNG THỊ CÔNG  
 DOANH NGHIỆP  
 TỰ NHẬN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THAI TÍN  
 TP. THAI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ  
 CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN  
 THỰC PHẨM THAI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH  
 NÂNG CẤP, CẢI TẠO HỆ THỐNG  
 XỬ LÝ NƯỚC THẢI  
 (Công suất: 400 m<sup>3</sup>/ngày/đêm)

HẠNG MỤC  
 BẢN VẼ XÂY DỰNG

CƠ QUAN THỰC HIỆN  
 VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC  
 VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM  
 VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

18 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội, Việt Nam  
 Tel: +84 4 7567854; Fax: +84 4 7911203

PHÓ VIỆN MÔI TRƯỜNG  
 TRẦN VĂN TUYẾN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT  
 NGUYỄN TUẤN MINH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ  
 LƯƠNG MINH QUANG

THIẾT KẾ  
 TRẦN CÔNG HẢI

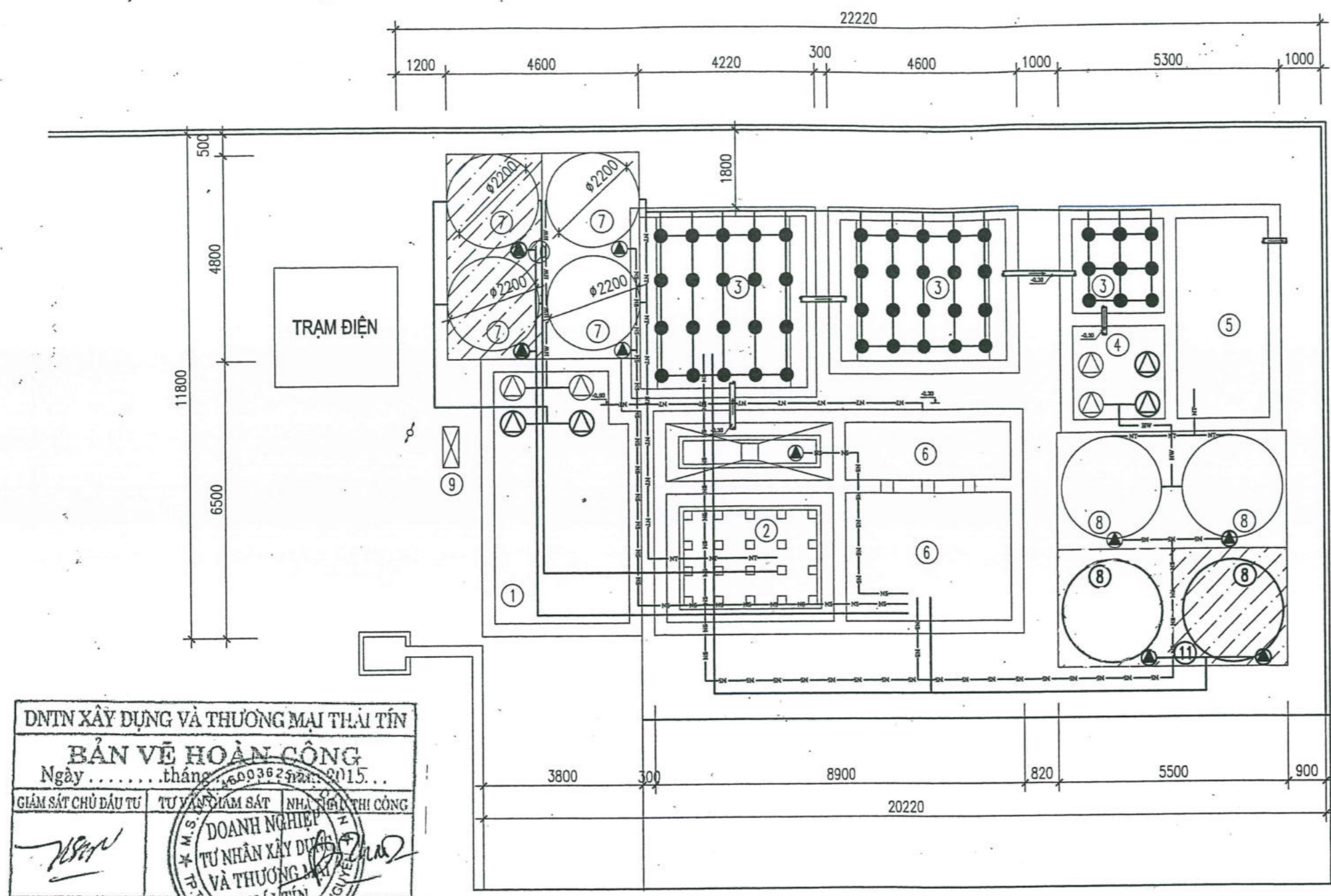
KIỂM  
 TRẦN CÔNG HẢI

NỘI DUNG BẢN VẼ  
 CẢI TẠO  
 BỂ CHỨA VÀ PHÂN HỦY Bùn

SỐ LƯỢNG: 01

HT: 2015

CT.04



DN TN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÁI TÍN

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày ..... tháng ..... năm 2015...

GIÁM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ    TỰ VẤN GIÁM SÁT    NHÀ THI CÔNG

THÁI TÍN

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÁI TÍN

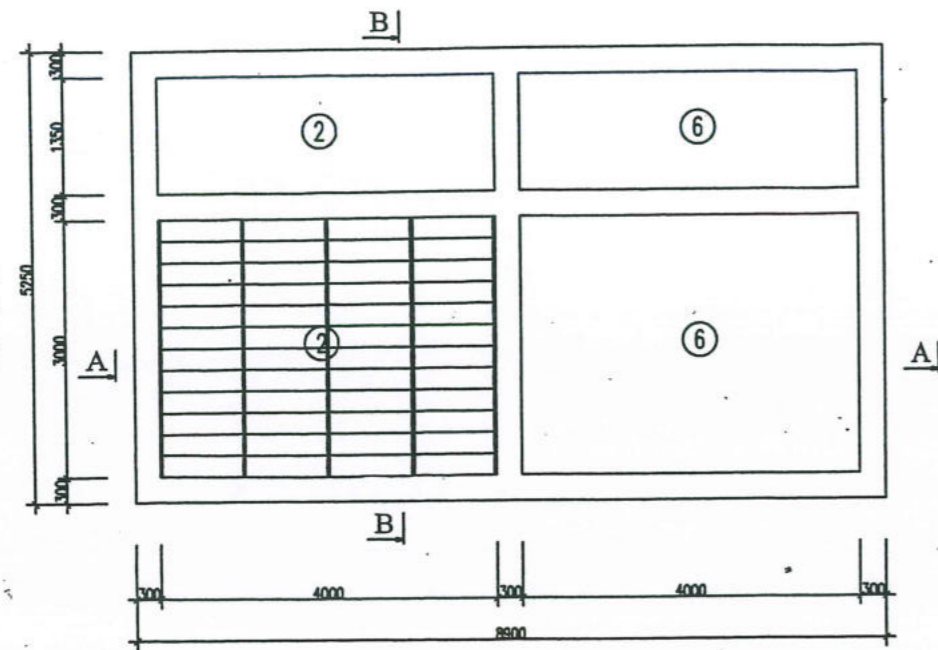
NGUYỄN - T. THÁI NGUYÊN

### PHƯƠNG ÁN NÂNG CẤP, CẢI TẠO HỆ THỐNG

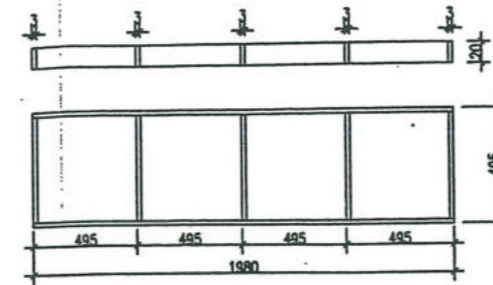
**CHÚ THÍCH:**

- |                 |                           |   |                                       |
|-----------------|---------------------------|---|---------------------------------------|
| ① BỂ ĐIỀU HÒA   | ⑥ BỂ CHỨA VÀ PHÂN HỦY BÙN | LẤP ĐẶT GIAI ĐOẠN II (400 M <sup>2</sup> /NG.ĐÊM) | BƠM BÙN LẮP CẠN                       |
| ② BỂ YẾM KHÍ    | ⑦ THIẾT BỊ KEO TỤ - LẮNG  | GIAI ĐOẠN I: 200 M <sup>2</sup> /NG.ĐÊM           | BƠM NƯỚC THẢI LẮP CHÌM                |
| ③ BỂ AEROTEN    | ⑧ THIẾT BỊ LẮNG THỨ CẤP   | CỘT ĐIỆN HIỆN TRẠNG                               |                                       |
| ④ BỂ TRUNG GIAN | ⑨ TỦ ĐIỀU KHIỂN           | ĐƯỜNG ỐNG BƠM NT CÓ ÁP                            | ĐƯỜNG ỐNG KHÍ                         |
| ⑤ BỂ KHỬ TRÙNG  | ⑩ BỆ ĐỠ THIẾT BỊ LẮNG I   | ĐƯỜNG ỐNG NT TỰ CHẢY                              | ĐƯỜNG ỐNG VÀ THIẾT BỊ CHO GIAI ĐOẠN 2 |
|                 | ⑪ BỆ ĐỠ THIẾT BỊ LẮNG II  | ĐƯỜNG ỐNG BƠM BÙN CÓ ÁP                           |                                       |

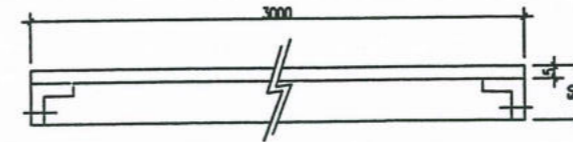
CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THÁI NGUYÊN	
CÔNG TRÌNH	
NÂNG CẤP, CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Công suất: 400 m <sup>3</sup> /ngàyđêm)	
HẠNG MỤC	
BẢN VẼ XÂY DỰNG	
CƠ QUAN THỰC HIỆN	
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM	
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG	
18 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội, Việt Nam Tel: +84 4 7567854; Fax: +84 4 7911203	
TRÌNH YÁN TUYÊN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:	
NGUYỄN TUẤN MINH	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
LƯƠNG MINH QUANG	
THIẾT KẾ	
TRẦN CÔNG HẢI	
KIỂM	
TRẦN CÔNG HẢI	
NỘI DUNG BẢN VẼ	
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ	
VẬT LIỆU:	SỐ LƯỢNG:
HT: 2015	
	MB.01



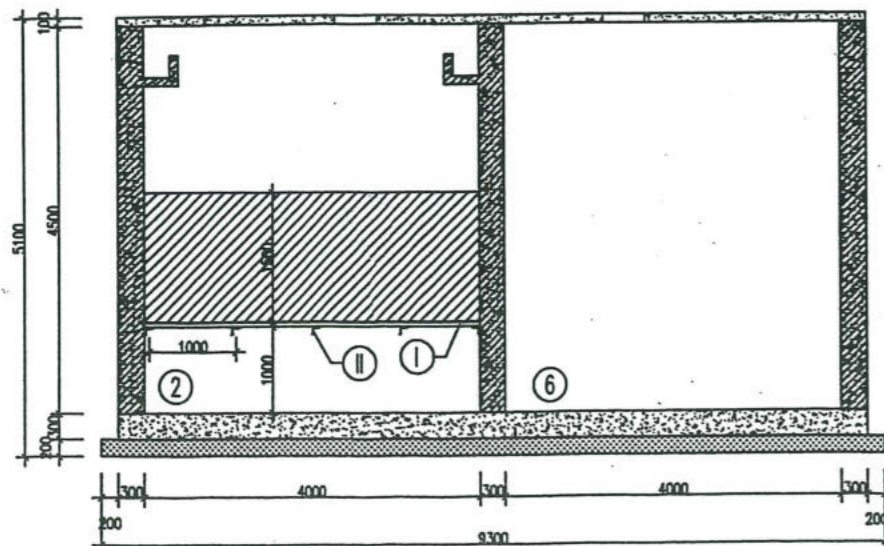
MẶT BẰNG GHI ĐỒ ĐỆM BỂ YẾM KHÍ



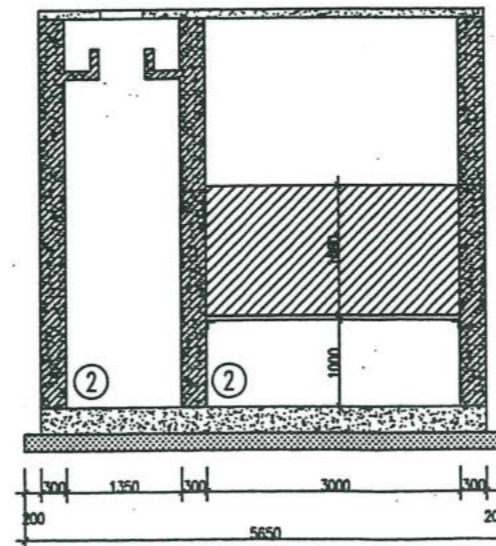
CHI TIẾT I: GHI ĐỒ ĐỆM (SL:24 CÁI)



CHI TIẾT II: THANH ĐỒ GHI ĐỒ ĐỆM (SL:5 CÁI)



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B

**GHI CHÚ**

- CHI TIẾT GHI ĐỒ ĐỆM GỒM CÁC THANH LẬP LÀ 20X3 HÀN ĐÚNG
- THANH ĐỒ GHI ĐỒ ĐỆM GỒM 5 THANH L50X50X5

DN TN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÁI TÍN

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày ..... tháng ..... năm 2015..

GIÁM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ TỰ NHÂN CHẤM SÁT NHÀ NGUYỄN THỊ CÔNG

THÁI TÍN

CHỦ ĐẦU TƯ  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN  
THỰC PHẨM THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH  
NÂNG CẤP, CẢI TẠO HỆ THỐNG  
XỬ LÝ NƯỚC THẢI  
(Công suất: 400 m<sup>3</sup>/ngàyđêm)

HẠNG MỤC  
BẢN VẼ XÂY DỰNG

CƠ QUAN THỰC HIỆN  
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC  
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM  
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

18 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: +84 4 7567854; Fax: +84 4 7911203

PHÓ VIỆN TRƯỞNG  
MÔI TRƯỜNG  
TRẦN VĂN TUYẾN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT  
NGUYỄN TUẤN MINH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ  
LƯƠNG MINH QUANG

THIẾT KẾ  
TRẦN CÔNG HẢI

KIỂM  
TRẦN CÔNG HẢI

NỘI DUNG BẢN VẼ

HỆ GHI ĐỒ ĐỆM TRONG  
BỂ YẾM KHÍ

SỐ LƯỢNG: 01

HT : 2015

GDD.01